

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN
NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ**

Mã số ngành đào tạo: 8.31.01.10

Nghệ An - 2022

MỤC LỤC

1. TRIẾT HỌC.....	1
2. NGOẠI NGỮ.....	8
3. CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ HIỆN ĐẠI.....	11
4. KINH TẾ VĨ MÔ NÂNG CAO.....	15
5. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI.....	21
6. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC KINH TẾ.....	26
7. KINH TẾ QUỐC TẾ NÂNG CAO.....	30
8. KINH TẾ PHÁT TRIỂN NÂNG CAO.....	33
9. QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC.....	41
10. QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG.....	45
11. QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH VÀ DỰ ÁN CÔNG.....	49
12. QUẢN LÝ KHỦNG HOẢNG.....	52
13. CÁC NHÀ QUẢN LÝ KINH TẾ TIÊU BIỂU.....	56
14. KỸ NĂNG QUẢN LÝ.....	60
15. QUẢN LÝ TỔ CHỨC.....	65
16. QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRONG TOÀN CẦU HÓA.....	69
17. PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH KINH TẾ - XÃ HỘI.....	73
18. QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI.....	78
19. LÃNH ĐẠO.....	83
20. ĐÀM PHÁN VÀ QUẢN LÝ XUNG ĐỘT.....	88
21. QUẢN LÝ SỰ THAY ĐỔI VÀ ĐỔI MỚI.....	93
22. QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM.....	97
23. QUẢN LÝ CHIẾN LƯỢC.....	101

TRIẾT HỌC

Philosophy

Dự kiến cán bộ giảng dạy: - PGS.TS. Nguyễn Lương Bằng
- PGS.TS. Nguyễn Thái Sơn
- PGS.TS. Trần Viết Quang

1. Tên môn học: TRIẾT HỌC _4(3,1)

2. Mã số môn học:

3. Số tín chỉ: 04

4. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Triết học, Khoa GDCT - Trường ĐH Vinh.

5. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 45 tiết

- Thảo luận (thực hành), Xeminar, Bài tập: 15 tiết

- Tự học: 90 giờ

6. Mô tả môn học: Học phần được kết cấu thành 11 chương, trình bày khái quát lịch sử triết học phương Đông, phương Tây và lịch sử triết học Mác - Lênin; trình bày các chuyên đề triết học.

7. Mục tiêu: Trang bị cho học viên thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học; xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng; giúp người học vận dụng các kiến thức triết học để nhận thức và giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội, cũng như tiếp cận các khoa học chuyên ngành.

8. Nội dung môn học:

Chương 1

TRIẾT HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG ĐỜI SỐNG

1.1. TRIẾT HỌC LÀ GÌ?

1.1.1. Triết học và đối tượng của triết học

1.1.2. Triết học - hạt nhân lý luận của thế giới quan

1.2. VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TRIẾT HỌC

1.3. BIỆN CHỨNG VÀ SIÊU HÌNH

1.4. VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG ĐỜI SỐNG VÀ XÃ HỘI

Chương 2

KHÁI LƯỢC LỊCH SỬ TRIẾT HỌC PHƯƠNG ĐÔNG

2.1. TRIẾT HỌC ÁN ĐỘ CỔ, TRUNG ĐẠI

2.1.1. Điều kiện kinh tế - xã hội và nét đặc thù của triết học Ấn độ cổ, trung đại

- 2.1.2. Những tư tưởng triết học cơ bản của các trường phái
- 2.1.3. Một số nhận định về triết học Ấn Độ cổ, trung đại
- 2.2. TRIẾT HỌC TRUNG QUỐC CỔ, TRUNG ĐẠI
 - 2.2.1. Điều kiện KT - XH và nét đặc thù của triết học Trung Quốc cổ, trung đại
 - 2.2.2. Một số học thuyết tiêu biểu của triết học Trung Quốc cổ, trung đại
 - 2.2.3. Một số nhận định về triết học Trung Quốc cổ, trung đại
- 2.3. LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC VIỆT NAM
 - 2.3.1. Điều kiện hình thành, phát triển và đặc điểm của lịch sử triết học Việt Nam
 - 2.3.2. Những nội dung cơ bản của lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam
 - 2.3.3. Sự kế thừa và phát triển tư tưởng triết học của Hồ Chí Minh

Chương 3

KHÁI LƯỢC LỊCH SỬ TRIẾT HỌC PHƯƠNG TÂY

- 3.1. TRIẾT HỌC HY LẠP CỔ ĐẠI
 - 3.1.1. Hoàn cảnh kinh tế - xã hội và nét đặc thù của triết học
 - 3.1.2. Các nhà triết học tiêu biểu
- 3.2. TRIẾT HỌC TÂY ÂU THỜI TRUNG CỔ
 - 3.2.1. Điều kiện kinh tế - xã hội và nét đặc thù của triết học
 - 3.2.2. Các triết gia tiêu biểu
- 3.3. TRIẾT HỌC TÂY ÂU THỜI PHỤC HUNG VÀ CẬN ĐẠI
 - 3.3.1. Triết học Tây Âu thời phục hưng
 - 3.3.2. Triết học Tây Âu thời cận đại
- 3.4. TRIẾT HỌC CHÂU ĐỨC
 - 3.4.1. Hoàn cảnh ra đời và nét đặc thù của triết học cổ điển Đức
 - 3.4.2. Các nhà triết học tiêu biểu
 - 3.4.3. Một số nhận định về triết học cổ điển Đức

Chương 4

KHÁI LƯỢC LỊCH SỬ TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN

- 4.1. ĐIỀU KIỆN RA ĐỜI CỦA TRIẾT HỌC MÁC
 - 4.1.1. Điều kiện kinh tế - xã hội
 - 4.1.2. Nguồn gốc lý luận
 - 4.1.3. Tiền đề khoa học tự nhiên
- 4.2. QUA TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRIẾT HỌC MÁC
 - 4.2.1. Quá trình chuyển biến tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen từ CNDT và

CNDCCM sang CNDV và CNCS

4.2.2. Giai đoạn đề xuất những nguyên lý duy vật biện chứng và duy vật lịch sử

4.2.3. Giai đoạn C.Mác và Ph.Ăngghen bổ sung và phát triển lý luận triết học

4.3. THỰC CHẤT VÀ Ý NGHĨA CỦA CUỘC CÁCH MẠNG TRIẾT HỌC DO C.MÁC VÀ PH.AWNGGEN THỰC HIỆN, V.I.Lênin PHÁT TRIỂN

4.3.1. Sự thống nhất giữa chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng

4.3.2. Sáng tạo ra chủ nghĩa duy vật lịch sử

4.3.3. Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn

4.3.4. Thống nhất giữa tính khoa học và tính cách mạng

4.3.5. Xác định đúng mối quan hệ giữa triết học và với các khoa học cụ thể

4.4. LÊNIN BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN TRIẾT HỌC MÁC

4.4. 1. Hoàn cảnh lịch sử

4.4.2. Nội dung cơ bản của quá trình Lênin bảo vệ và phát triển triết học Mác

4.5. VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN TRIẾT HỌC MÁC – LEENIN TRONG THỜI ĐẠI NGÀY NAY

4.5.1. Những biến đổi của thời đại

4.5.2. Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác - Lênin trong thời đại ngày nay

Chương 5

CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG – CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA THẾ GIỚI QUAN KHOA HỌC

5. 1. THẾ GIỚI QUAN, THẾ GIỚI DUY TÂM VÀ THẾ GIỚI DUY VẬT

5.1.1. Thế giới quan và những hình thức cơ bản của thế giới quan

5.1.2. Thế giới quan duy tâm và thế giới quan duy vật

5.1.3. Vai trò của thế giới quan

5.2. BẢN CHẤT CỦA CHỦ NGHĨA DUY VẬT

5.2.1. Giải quyết đúng đắn vấn đề cơ bản của triết học trên quan điểm thực tiễn

5.2.2. Sự thống nhất giữa thế giới quan duy vật với phép biện chứng

5.2.3. Chủ nghĩa duy vật triệt để, quan niệm duy vật về lịch sử

5.2.4. Tính thực tiễn - cách mạng

5.3. NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN

5.3.1. Tôn trọng khách quan

5.3.2. Phát huy tính năng sáng tạo của ý thức, phát huy nhân tố con người

5.3.3. Khắc phục và ngăn ngừa bệnh chủ quan duy ý chí

Chương 6

PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT – PHƯƠNG PHÁP LUẬN NHẬN THỨC KHOA HỌC VÀ THỰC TIỄN

6.1. SIÊU HÌNH VÀ BIỆN CHỨNG

6.1.1. Siêu hình và biện chứng

6.1.2. Khái quát lịch sử phát triển của phép biện chứng

6.2. NỘI DUNG CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

6.2.1. Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật

6.2.2. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật

6.2.3. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật

6.3. PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN

6.3.1. Phương pháp và phương pháp luận

6.3.2. Các nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của phép biện chứng duy vật

Chương 7

NGUYÊN TẮC THỐNG NHẤT GIỮA LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA TRIẾT HỌC MÁC- LÊNIN

7.1. PHẠM TRÙ THỰC TIỄN VÀ LÝ LUẬN

7.1.1. Phạm trù thực tiễn

7.1.2. Phạm trù lý luận

7.2. NHỮNG YÊU CẦU CỦA NGUYÊN TẮC THỐNG NHẤT GIỮA LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

7.2.1. Sự hình thành và phát triển của lý luận xuất phát từ thực tiễn, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn; luận phải được kiểm nghiệm, được bổ sung và phát triển trong thực tiễn

7.2.2. Thực tiễn phải được chỉ đạo bởi lý luận khoa học; lý luận đề ra mục tiêu, phương hướng, biện pháp cho thực tiễn

7.3. Ý NGHĨA CỦA PHƯƠNG PHÁP LUẬN CỦA NGUYÊN TẮC THỐNG NHẤT GIỮA LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TRONG GIAI ĐOẠN NƯỚC TA HIỆN NAY

7.3.1. Lý luận phải bám sát thực tiễn, phản ánh được yêu cầu của thực tiễn, khái quát được những kinh nghiệm của thực tiễn

7.3.2. Hoạt động lý luận phải lấy lý luận chỉ đạo

7.3.3. Khắc phục và ngăn ngừa bệnh kinh nghiệm và bệnh giáo điều

Chương 8

LÝ LUẬN HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CNXH Ở VIỆT NAM

8.1. LÝ LUẬN HÌNH THÁI KINH TẾ XÃ HỘI

8.1.1. Những tiền đề xuất phát để xây dựng lý luận hình thái kinh tế - xã hội

- 8.1.2. Cấu trúc xã hội, phạm trù hình thái kinh tế - xã hội
- 8.1.3. Phép biện chứng trong sự vận động và phát triển của các hình thái KT - XH
- 8.1.4. Giá trị khoa học của lý luận hình thái kinh tế - xã hội
- 8.2. NHẬN THỨC VÀ XHCN VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN XHCN
 - 8.2.1. Lựa chọn con đường đi lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN
 - 8.2.2. CNH, HĐH là nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ lên CNXH
 - 8.2.3. Kết hợp phát triển lực lượng sản xuất với xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp
 - 8.2.4. Kết hợp giữa phát triển KT với chính trị và các mặt khác của đời sống XH

Chương 9

GIAI CẤP, DÂN TỘC, NHÂN LOẠI TRONG THỜI ĐẠI VÀ VẬN DỤNG VÀO SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG XHCN Ở VIỆT NAM

9.1. GIAI CẤP VÀ DVVLCẤU TRANH GIAI CẤP

- 9.1.1. Các quan điểm ngoài mácxít về giai cấp và đấu tranh giai cấp
- 9.1.2. Quan điểm mácxít về giai cấp và đấu tranh giai cấp
- 9.1.3. Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH

9.2. QUAN HỆ GIAI CẤP VỚI DÂN TỘC VÀ NHÂN LOẠI

- 9.2.1. Quan hệ giai cấp với dân tộc
- 9.2.2. Quan hệ giai cấp với nhân loại

9.3. VẬN DVVLCỤNG QUAN HỆ GIAI CẤP, DÂN TỘC, NHÂN LOẠI TRONG CÁCH MẠNG VIỆT NAM

- 9.3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quan hệ giai cấp, dân tộc, nhân loại
- 9.3.2. Quan hệ giai cấp, dân tộc, nhân loại trong cách mạng Việt Nam hiện nay

Chương 10

LÝ LUẬN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XHCN VIỆT NAM

10.1. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LÝ LUẬN NHÀ NƯỚC

- 10.1.1. Nguồn gốc, bản chất và đặc trưng của nhà nước
- 10.1.2. Chức năng và vai trò kinh tế của nhà nước
- 10.1.3. Các kiểu và hình thức nhà nước trong lịch sử

10.2. NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN VÀ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XHCN VIỆT NAM

- 10.2.1. Nhà nước pháp quyền
- 10.2.2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Chương 11

QUAN ĐIỂM CỦA TRIẾT HỌC MÁC – LENIN VỀ CON NGƯỜI VÀ VẤN ĐỀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY

11.1. QUAN ĐIỂM TRIẾT HỌC TRƯỚC MÁC VỀ CON NGƯỜI

11.1.1. Quan điểm về con người trong triết học phương Đông

11.1.1. Quan điểm về con người trong triết học phương Tây

11.2. QUAN ĐIỂM TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN VỀ CON NGƯỜI

11.2.1. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về bản chất con người

11.2.2. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về giải phóng con người

11.3. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CON NGƯỜI

11.3.1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về con người

11.3.2. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về con người

11.4. VẤN ĐỀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

11.4.1. Con người Việt Nam trong lịch sử

11.4.2. Cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay và những vấn đề đặt ra đối với con người Việt Nam

11.4.3. Xây dựng con người đáp ứng yêu cầu của cách mạng nước ta

9. Số tiết phân bổ:

Nội dung môn học	Phân bổ số tiết của môn học		
	Lý thuyết	Thảo luận (Thực hành)	Tự học
Chương 1	1	1	6
Chương 2	2	2	9
Chương 3	5	2	9
Chương 4	5	2	9
Chương 5	5	2	9
Chương 6	5	1	9
Chương 7	5	1	6
Chương 8	5	1	9
Chương 9	5	1	9
Chương 10	5	1	9
Chương 11	2	1	6
Tổng cộng:	45	15	90

10. Tài liệu tham khảo:

10.1. Tài liệu tham khảo chính

1. Giáo trình *Triết học* (Dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học), Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006.

2. Giáo trình *Chuyên đề Triết học*, Tủ sách Đại học Vinh, 2003.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. C.Mác, Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003.

2. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003.

3. *Lịch sử Triết học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1992.
4. *Giáo trình Triết học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, IX, X, XI, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội từ 1996 đến 2016.

11. Phương pháp đánh giá môn học:

- Điểm chuyên cần, thái độ: 20%
- Điểm kiểm tra giữa môn học: 30%
- Thi kết thúc môn học hoặc tiểu luận: 50%

Trưởng đơn vị cấp 2

PGS.TS Lưu Tiến Hưng

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2022

Trưởng đơn vị cấp 3

PGS.TS Nguyễn Thái Sơn

NGOẠI NGỮ

Foreign Languages

Dự kiến cán bộ giảng dạy: - TS. Trần Bá Tiến
- PGS.TS. Lê Công Thìn

1. Tên môn học: NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH)_3(2,1)

2. Mã số môn học:

3. Số tín chỉ: 03

4. Bộ môn phụ trách: Bộ môn Lý thuyết tiếng Anh - Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Vinh

5. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 30 tiết

- Thảo luận (thực hành), Xemina, bài tập: 15 tiết

- Tự học: 90 giờ

6. Mô tả tóm tắt môn học:

- Là học phần cơ sở trong chương trình đào tạo thạc sĩ của tất cả các chuyên ngành.

- Được bố trí giảng dạy trong học kỳ đầu của khoá đào tạo.

7. Mục tiêu của môn học:

Cung cấp cho học viên những kiến thức về ngôn ngữ tiếng Anh, rèn luyện và phát triển kỹ năng giao tiếp, giúp cho học viên phương pháp học tiếng Anh có hiệu quả. Cụ thể là, sau khi kết thúc học phần, người học phải đạt được năng lực giao tiếp ở trình độ trung cấp (intermediate level hoặc bằng C), bao gồm tri thức về bình diện ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp), kiến thức hiểu biết về văn hoá các nước nói tiếng Anh và kỹ năng thực hành ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết), trong đó, kỹ năng đọc, hiểu, dịch phải ở mức thành thạo.

8. Nội dung môn học:

Chương 1

KIẾN THỨC NGÔN NGỮ

1.1. NGỮ PHÁP CẤU TRÚC

1.1.1. Thời hiện tại

1.1.2. Thời quá khứ: quá khứ đơn giản, quá khứ đơn giản tiếp diễn, quá khứ hoàn thành

1.1.3. Thời tương lai

1.1.4. Động từ khuyết thiếu: Cấu trúc diễn đạt khả năng, nghĩa vụ, sự cho phép,

phỏng đoán

1.1.5. Dạng câu hỏi

1.1.6. Cấu trúc động từ: Verb pattern

1.1.7. Động từ thành ngữ: Phrasal verbs

1.1.8. Danh động từ

1.1.9. Động tính từ

1.1.10. Động từ nguyên thể

1.1.11. Câu điều kiện

1.1.12. Thức bị động

1.1.13. Câu gián tiếp

1.1.14. Câu phức và mệnh đề phụ (chỉ thời gian, nguyên nhân, kết quả, mục đích...)

1.1.15. Mệnh đề quan hệ: ing và ed clauses

1.1.16. Thức giả định

1.1.17. Cấu trúc nhấn mạnh, đảo ngữ

1.2. TỪ VỰNG VÀ NGỮ ÂM

1.2.1. Từ loại (danh từ, động từ, tính từ, đại từ, quán từ, giới từ)

1.2.2. Cấu tạo từ, tiền tố và hậu tố

1.2.3. Danh từ ghép, tính từ ghép.

1.2.4. Khả năng kết hợp giữa động từ và danh từ

1.2.5. Kết hợp của tính từ và danh từ

1.2.6 Từ đồng âm, đồng nghĩa, trái nghĩa

1.2.7 Từ đa nghĩa. Kỹ năng tra từ điển

1.2.8 Những nguyên tắc phát âm, biến đổi âm cơ bản, trọng âm từ, trọng âm câu, ngữ điệu

Chương 2

KỸ NĂNG SỬ DỤNG NGÔN NGỮ

2.1. NGHE: Nghe hội thoại, bài nói chuyện, phỏng vấn

2.2. NÓI: Giao tiếp thông thường hàng ngày, trình bày báo cáo, tham gia thảo luận

2.3. ĐỌC: Đọc chi tiết, đọc phân tích, đọc có ghi chép, đọc bài khoa, tóm tắt và dịch

2.4. VIẾT: Viết câu có hướng dẫn, điền từ khai, đơn, viết thư, đơn từ, miêu tả, tường thuật, bài luận ngắn

9. Số tiết phân bổ:

Nội dung môn học	Phân bổ số tiết của môn học		
	Lý thuyết	Thảo luận (Thực hành)	Tự học

Chương 1	15	7	46
Chương 2	15	8	44
Tổng cộng:	30	15	90

10. Tài liệu tham khảo:

- Liz and John Soars: *New Headway*. Intermediate. Oxford University Press. 2000.
- Tom Hutchinson: *Lifelines*. Oxford University Press. 1997.
- Adrian Doff, Chiopher Jones: *Language in use*. Intermediate. Cambridge University Press. 1998.
- Simon Haines, Barbara Seward: Oxford University Press. 1997.

11. Phương pháp đánh giá môn học:

- Điểm chuyên cần, thái độ: 20%
- Điểm kiểm tra giữa môn học: 30%
- Thi kết thúc môn học hoặc tiểu luận: 50%

Trưởng đơn vị cấp 2

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2022

Trưởng đơn vị cấp 3

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG KINH TẾ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ HIỆN ĐẠI

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: TS.GVC Nguyễn Thị Hải Yến

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0981171858

Email: nthyen@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học, Kinh tế chính trị, Quản lý kinh tế

Giảng viên 2: PGS.TS.GVCC Đinh Trung Thành

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0904252425

Email: thanhdt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử kinh tế và chính sách kinh tế; Tác phẩm kinh điển KTCT của V.I.Lênin, Hội nhập kinh tế quốc tế; Chính sách công, ...

Giảng viên 3: TS.GVC. Nguyễn Thị Hải Yến

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0962662626

Email: yennth@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử tư tưởng kinh tế; Kinh tế thị trường định hướng XHCN; Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển kinh tế tri thức; Quản lý kinh tế.

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Các học thuyết kinh tế hiện đại
- Tên (tiếng Anh): The modern economic theory
- Mã số học phần: MECO101
- Thuộc ngành/nhóm ngành: { <i>Học phần chung cho nhiều ngành: Kinh tế chính trị, Quản lý kinh tế</i> }
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức đại cương/chung <input checked="" type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Học phần dạy học dự án <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn

- Số tín chỉ: 03	
+ Số tiết lí thuyết: {30}	
+ Số tiết thực hành: {15}	
+ Số tiết thực tế: {ghi số tiết}	
+ Số tiết dạy học dự án: {ghi số tiết}	
- Điều kiện đăng ký học:	
+ Học phần tiên quyết: {ghi tên HP nếu có}	Mã số HP: {ghi MS HP}
+ Học phần học trước: {ghi tên HP nếu có}	Mã số HP: {ghi MS HP}
+ Học phần song hành: {ghi tên HP nếu có}	Mã số HP: {ghi MS HP}
- Yêu cầu của học phần {giảng viên cụ thể hóa các yêu cầu}:	
+ Thời gian tối thiểu người học phải có mặt trên lớp: 80%.	
+ Người học phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo... qua hệ thống LMS.	
+ Tham gia đầy đủ các bài thực hành.	
+ Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên.	
- Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế	

2. Mô tả học phần

Học phần Các học thuyết kinh tế hiện đại là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT ngành Kinh tế chính trị, Quản lý kinh tế. Học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu, nâng cao về các học thuyết kinh tế hiện đại. Giúp người học biết vận dụng các quan điểm và tư tưởng kinh tế vào phân tích và đánh giá các vấn đề kinh tế chính trị thực tiễn trong bối cảnh kinh tế hiện nay.

3. Mục tiêu học phần

Cung cấp cho học viên hệ thống kiến thức về vận dụng các học thuyết kinh tế hiện đại. Học viên cần có những kiến thức nâng cao về kinh tế và tư tưởng kinh tế. Nắm vững những kiến thức quan trọng liên quan tới vận dụng các học thuyết vào bối cảnh kinh tế hiện nay

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thông nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1...)

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CLO	PLO1.1	PLO2.2	PLO3.1	PLO4.1
	1.1.2	2.2.2	3.1.1	4.1.1
CLO1.1	1			
CLO2.2		1		

CLO 3.1			1	
CLO 4.1				1

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO 1.1	K4	Vận dụng được kiến thức nâng cao về triết học, các học thuyết kinh tế hiện đại và quản lý nhà nước vào phân tích, đánh giá trong lĩnh vực kinh tế chính trị/ Quản lý kinh tế	Thuyết trình Nghiên cứu tình huống	Thảo luận Bài tập
CLO 2.2	A4	Thể hiện khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân; đưa ra những quyết định mang tính chuyên gia, có chính kiến, tự chủ, tự chịu trách nhiệm với những kết luận chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế chính trị/ Quản lý kinh tế	Thuyết trình Nghiên cứu tình huống	Thảo luận Bài tập
CLO 3.1	S4	Vận dụng kỹ năng truyền thông, truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề thực tiễn về kinh tế chính trị/ Quản lý kinh tế trong bối cảnh chuyển đổi số.	Thuyết trình Nghiên cứu tình huống Làm việc nhóm Thảo luận	Tiểu luận
CLO4.1	S4	Phân tích được bối cảnh và xu hướng vận động của nền kinh tế	Làm việc nhóm Thảo luận	Tiểu luận

Ghi chú:

- Ví dụ về phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu...

- Ví dụ về phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Tên bài đánh giá	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ cho bài đánh giá	Tỷ lệ cho học phần
A1. Đánh giá thường xuyên (tối thiểu 02 bài đánh giá)					50%
A1.1	Câu hỏi thảo luận	Rubric 1	CLO1.1	5%	
			CLO 2.2	5%	
A1.2	Bài tập tự luận 1	Rubric 2	CLO1.1	10%	
			CLO 2.2	10%	
A1.3	Bài tập tự luận 2	Rubric 3	CLO1.1	10%	
			CLO 2.2	10%	
A2. Đánh giá cuối kì: Tiểu luận					50%
A2.1	- Bài tiểu luận		CLO3.1	25%	50%
			CLO4.1	25%	

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Ví dụ:

5.2.1. Rubric 1: Đánh giá bài A1.2

5.2.2. Rubric 2: Đánh giá bài A1.2

5.2.3. Rubric 3: Đánh giá bài A2.1

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

[1] Tên tác giả, tên giáo trình, tên nhà xuất bản, năm xuất bản.

[2] Tên tác giả, tên giáo trình, tên nhà xuất bản, năm xuất bản.

Ghi chú: Không quá 02 tài liệu bắt buộc. Tài liệu bắt buộc phải có tính cập nhật (ít nhất có 01 cuốn xuất bản sau 2012) và có sẵn trên thị trường Việt Nam.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[3] Tên tác giả, tên giáo trình, tên nhà xuất bản, năm xuất bản.

[4] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản), tên phần mềm.

7. Kế hoạch dạy học

Lý thuyết

TT	Chương/chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
1	Chương 1: Các lý thuyết hiện đại về kinh tế thị trường				
	Giai đoạn 1 { <i>Trước khi đến lớp</i> }	5	Học bài giảng E-Learning (LMS) về: 1.1. Cơ chế tự điều chỉnh thị trường của Walras, Marshall 1.1.1. Lý thuyết cung cầu, giá cả của Alfred Marshall 1.1.2. Lý thuyết cân bằng thị trường của Leon Walras và Marshall 1.2. Trường phái tự do mới và kinh tế thị trường xã hội 1.2.1. Chủ nghĩa tự do mới 1.2.2. Kinh tế thị trường xã hội	CLO.1.1.	A1.1
		3	Làm bài tập trên LMS: Kinh tế thị trường và sự vận dụng ở Việt Nam	CLO.1.1.	A1.2
		5	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: 1.3. Trường phái chính hiện đại và kinh tế thị trường	CLO.2.2.	A1.2
	Giai đoạn 2 { <i>Ở lớp</i> }	5	Nghe giảng về: 1.3. Trường phái chính hiện đại và kinh tế thị trường 1.3.1. Kinh tế thị trường 1.3.2. Cơ chế thị trường	CLO.2.2.	A1.2
		3	Bài tập Kinh tế thị trường và sự vận dụng ở Việt Nam	CLO.1.1.	A1.3
		2	Thảo luận nhóm về cơ sở lý luận, thực tiễn của KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam.	CLO.1.1.	A1.2
	Giai đoạn 3	1	Ôn tập các lý thuyết kinh tế hiện đại về kinh tế thị trường	CLO.1.1.	A1.2

	{ <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	2	Bài thực hành: nghiên cứu bối cảnh và xu hướng vận động của KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam	CLO.4.1.	A2.1
2	Chương 2. Các lý thuyết hiện đại về thể chế kinh tế và vai trò kinh tế của nhà nước				
	Giai đoạn 1 { <i>Trước khi đến lớp</i> }	5	Học bài giảng E-Learning (LMS) về: 2.1. Lý thuyết hiện đại về thể chế và thể chế kinh tế 2.1.1. Lý luận thể chế và thể chế kinh tế 2.1.2. Kinh tế học thể chế cũ 2.1.3. Kinh tế học thể chế mới	CLO.1.1.	A1.1
		3	Làm bài tập trên LMS: vai trò của thể chế kinh tế với sự phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam	CLO.1.1.	A1.2
		5	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: 2.2. Lý thuyết vai trò kinh tế của nhà nước	CLO.2.2.	A1.2
	Giai đoạn 2 { <i>Ở lớp</i> }	5	Nghe giảng về: 2.2. Lý thuyết vai trò kinh tế của nhà nước 2.2.1. Quan niệm về vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường ở một số học thuyết kinh tế hiện đại * <i>Quan niệm của Keynes và trường phái Keynes</i> * <i>Quan điểm của Chủ nghĩa tự do mới</i> * <i>Quan điểm trường phái chính hiện đại</i> 2.2.2. Vai trò nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	CLO.2.2.	A1.2

		3	Bài tập: vai trò nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	CLO.1.1.	A1.3
		2	Thảo luận nhóm: Vận dụng học thuyết Keynes về vai trò của nhà nước trong giải quyết các vấn đề kinh tế thực tiễn	CLO.2.2.	A2.1
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	1	Ôn tập các lý thuyết kinh tế hiện đại về thể chế kinh tế và vai trò kinh tế của nhà nước	CLO.1.1.	A1.2
		2	Bài thực hành: Đánh giá quan niệm của các trường phái kinh tế trong lịch sử về vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường	CLO.2.2.	A2.1
3	Chương 3. Các lý thuyết hiện đại về tiền tệ và lạm phát				
	Giai đoạn 1 { <i>Trước khi đến lớp</i> }	5	Học bài giảng E-Learning (LMS) về: 3.1. Các lý thuyết hiện đại về tiền tệ 3.1.1. Thuyết số lượng tiền tệ của Fisher 3.1.2. Lý thuyết về sự ưa thích tiền mặt của Keynes 3.1.3. Lý thuyết số lượng tiền hiện đại của Friedman	CLO.1.1	A1.1
		3	Làm bài tập trên LMS: Vận dụng các lý thuyết tiền tệ hiện đại vào thực tiễn	CLO.1.1	A1.2
		5	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: 3.2. Lý luận về chu kỳ kinh tế và lạm phát	CLO.2.2.	A2.1
	Giai đoạn 2 { <i>Ở lớp</i> }	5	Nghe giảng về: 3.2. Lý luận về chu kỳ kinh tế và lạm phát 3.2.1. Lý luận chu kỳ kinh tế 3.2.2. Bản chất và tác động của lạm phát	CLO.1.1.	A1.3

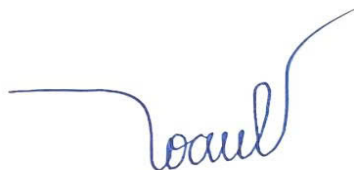
		3	Bài tập: mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với lạm phát? Liên hệ thực tiễn ở Việt Nam	CLO.1.1.	A1.3
		2	Thảo luận nhóm: tác động của các chính sách tiền tệ đến lạm phát và GDP	CLO.2.2.	A2.1
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	1	Ôn tập các lý thuyết kinh tế hiện đại về tiền tệ và lạm phát	CLO.1.1.	A1.2
		2	Bài thực hành: Phân tích mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với lạm phát? Liên hệ thực tiễn ở Việt Nam	CLO.2.2.	A2.1
5	Chương 4. Các lý thuyết hiện đại về tăng trưởng và phát triển kinh tế				
	Giai đoạn 1 { <i>Trước khi đến lớp</i> }	5	Học bài giảng E-Learning (LMS) về: 4.1. Các lý thuyết hiện đại về tăng trưởng kinh tế 4.1.1. Mô hình tăng trưởng Harrod – Domar 4.1.2. Mô hình tăng trưởng của P.A. Samuelson và W.D. Nordhaus 4.2. Các lý thuyết hiện đại về phát triển kinh tế 4.2.1. Lý thuyết phân kỳ của Rostow 4.2.2. Các lý thuyết về chuyển dịch cơ cấu kinh tế	CLO.1.1.	A1.1
		3	Làm bài tập trên LMS: Vận dụng các lý thuyết hiện đại về tăng trưởng kinh tế trong thực tiễn	CLO.1.1.	A1.2
		5	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: 4.2. Các lý thuyết hiện đại về phát triển kinh tế	CLO.2.2.	A2.1
		2	Thảo luận về tăng trưởng kinh tế và lạm phát	CLO.2.2.	A1.2

Giai đoạn 2 {Ở lớp}	5	Nghe giảng về: 4.2. Các lý thuyết hiện đại về phát triển kinh tế 4.2.1. Lý thuyết phân kỳ của Rostow 4.2.2. Các lý thuyết về chuyển dịch cơ cấu kinh tế	CLO.1.1.	A1.3
	3	Bài tập Vận dụng các lý thuyết hiện đại về phát triển kinh tế trong thực tiễn	CLO.1.1.	A1.2
	2	Thảo luận nhóm: tác động của các chính sách tiền tệ đến lạm phát và GDP	CLO.2.2.	A2.1
Giai đoạn 3 {Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}	1	Ôn tập các lý thuyết kinh tế hiện đại về tăng trưởng và phát triển kinh tế	CLO.1.1.	A1.2
	2	Bài kiểm tra giữa kỳ	CLO1.1.	A1.3
Bài thi kết thúc HP		Tiểu luận theo ma trận bài thi A2.1	CLO.2.1. {2,5}; CLO.2.2. {3,5} CLO.4.1. {3,5}	A2.1
Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi kết thúc bài tiểu luận A2.1	Đăng ký để xem kết quả thi	

8. Ngày phê duyệt:

9. Cấp phê duyệt:

Trưởng đơn vị cấp 2



PGS.TS. Thái Thị Kim Oanh

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2022

Trưởng đơn vị cấp 3



TS. Lê Vũ Sao Mai

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG KINH TẾ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: KINH TẾ VĨ MÔ NÂNG CAO

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: PGS.TS.GVCC. Nguyễn Thị Minh Phượng

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế

Điện thoại: 0942.726.777; Email: phuongntm@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học, Kinh tế phát triển

Giảng viên 2: TS.GVC. Nguyễn Thị Bích Liên

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Kinh tế, Đại học Vinh

Điện thoại: 0914.151.057 Email: lienntb@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học, Kinh tế quốc tế, Kinh tế phát triển

Giảng viên 3: TS.GVC. Nguyễn Thị Thúy Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Kinh tế, Đại học Vinh

Điện thoại: 0916.605.469 Email: vinhntt@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học, kinh tế phát triển

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): KINH TẾ VĨ MÔ NÂNG CAO (tiếng Anh): Advanced macroeconomics
- Mã số học phần: M.ECO102
- Thuộc CTĐT ngành: { <i>Học phần chung cho các ngành: Kinh tế chính trị, Quản lý kinh tế, Quản trị kinh doanh</i> }
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn
- Số tín chỉ: 03 + Số tiết lý thuyết: 30 + Số tiết thảo luận/bài tập: 15 + Số tiết thực hành:

+ Số tiết thực hiện đồ án, dự án:	
+ Số tiết tự học: 90	
- Điều kiện đăng ký học:	
+ Học phần tiên quyết: Không	Mã số HP:
+ Học phần học trước: Không	Mã số HP:
- Yêu cầu của học phần:	
+ Thời gian tối thiểu học viên phải có mặt trên lớp: 80%	
+ Học viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo... qua hệ thống LMS (Mục 5.1).	
+ Tham gia đầy đủ các bài thực hành.	
+...	
- Bộ môn phụ trách học phần: Kinh tế	
Điện thoại:	Email:

2. Mô tả học phần

Học phần Kinh tế vĩ mô nâng cao là một học phần cơ sở ngành thuộc khối ngành Kinh tế và quản lý. Học phần này thường tập trung vào việc nghiên cứu chuyên sâu các mô hình lý thuyết và phương pháp phân tích được sử dụng trong nghiên cứu và hoạch định chính sách kinh tế vĩ mô hiện đại.

3. Mục tiêu học phần

Mục tiêu của học phần Kinh tế vĩ mô nâng cao là trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu về kinh tế học vĩ mô, các công cụ Nhà nước sử dụng để điều hành nền kinh tế. Đồng thời, người học có thể vận dụng các kiến thức để đề xuất giải pháp, hình thành những kỹ năng cần thiết để tham gia vào quá trình quản lý và đưa ra quyết định hiệu quả trong thực tiễn.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thông nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1...)

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CDR học phần	Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo											
	PLO1.1			PLO1.2			PLO2.2			PLO4.1		
	1.1.1	1.1.2	...	1.2.1	1.2.2	...	2.2.1	2.2.2	4.1.1
CLO1.1	0,2											
CLO1.2	0,2											
CLO1.3	0,2											

CLO1.4	0,2											
CLO1.5	0,2											
CLO2.1					1,0							
CLO2.2								1,0				
CLO1.1										1,0		

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần (CLO)	Mức độ năng lực CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1.1.1	2,5	Vận dụng được kiến thức nâng cao về Kinh tế học vào đánh giá thực tiễn quản lý kinh tế	Hv nghe bài giảng trên E-learning kết hợp thuyết giảng trên lớp	- LMS thống kê. - Thi kết thúc học phần (Tự luận)
CLO1.1.1.2	2,5	Vận dụng được kiến thức về mô hình IS - LM để phân tích biến động GDP thực tế	Hv nghe bài giảng trên E-learning kết hợp thuyết giảng trên lớp	LMS thống kê.
CLO1.1.1.3	2,5	Vận dụng các lý thuyết vào phân tích tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam và thế giới	Hv nghe bài giảng trên E-learning kết hợp thuyết giảng trên lớp	LMS thống kê.
CLO1.1.1.4	2,5	Vận dụng các lý thuyết về chu kỳ kinh doanh để hiểu những biến động thực tế của nền kinh tế Việt Nam	Hv nghe bài giảng trên E-learning kết hợp thuyết giảng trên lớp	LMS thống kê.
CLO1.1.1.5	2,5	Vận dụng lý thuyết để đánh giá nợ chính phủ của Việt Nam hiện nay	Hv nghe bài giảng trên E-learning kết	LMS thống kê.

			họp thuyết giảng trên lớp	
CLO1.2.2.1	2,5	Áp dụng được kiến thức chuyên sâu về phân tích chính sách để đánh giá, ra quyết định giải quyết các vấn đề trong thực tiễn quản lý kinh tế	Hv nghe bài giảng trên E-learning kết họp thuyết giảng trên lớp	Bài thảo luận Bài tập 1 Thi kết thúc học phần (Tự luận)
CLO2.2.2.2	3,5	Thể hiện khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân; đưa ra những quyết định mang tính chuyên gia, có chính kiến, tự chủ, tự chịu trách nhiệm với những kết luận chuyên môn trong lĩnh vực quản lý kinh tế	Hv nghe bài giảng trên E-learning kết họp thuyết giảng trên lớp	Bài tập 2 Thi kết thúc học phần (Tự luận)
CLO4.1.1.1	3,5	Phân tích bối cảnh và xu hướng vận động của nền kinh tế	Hv nghe bài giảng trên E-learning kết họp thuyết giảng trên lớp	Thi kết thúc học phần (Tự luận)

Ghi chú:

- Ví dụ về phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu...

- Ví dụ về phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ cho bài đánh giá	Tỷ lệ cho học phần
--------------	---------------------------------	------------------	--------------	------------------------	--------------------

A1. Đánh giá thường xuyên (tối thiểu 03 bài đánh giá)					50%
A1.1	LMS thống kê	LMS	CLO1.1.1.1	2%	10%
			CLO1.1.1.2	2%	
			CLO1.1.1.3	2%	
			CLO1.1.1.4	2%	
			CLO1.1.1.5	2%	
A1.2	Bài thảo luận	- Rubric 2 - Bảng kiểm/ - Nhật ký	CLO1.2.2.1	100%	10%
A1.3		Rubric 3	CLO1.2.2.1	50%	30%
			CLO2.2.2.2	50%	
A2. Đánh giá cuối kì					50%
A.2.1	Thi tự luận	Bảng điểm	CLO1.1.1.1	100%	50%
			CLO1.2.2.1		
			CLO2.2.2.2		
			CLO4.1.1.1		
Công thức tính điểm học phần: $\text{Điểm số HP} = A1 * 50\% + A2 * 50\%$					

Ghi chú:

- Theo khoản 3, điều 9 của Quyết định 2018/QĐ-ĐHV, điểm học phần bao gồm 2 nhóm điểm: điểm đánh giá thường xuyên (50%) và điểm đánh giá cuối kì (50%). Do đó, đề cương chi tiết cần xác định rõ tỷ lệ % của mỗi bài đánh giá cho tổng điểm học phần, sao cho các bài đánh giá thường xuyên chiếm 50% và các bài đánh giá cuối kì chiếm 50% (Cột tỷ lệ cho học phần).

- Theo ý 1, điểm c, khoản 2, điều 9 của Quyết định 2018/QĐ-ĐHV, bài đánh giá thể hiện rõ những CDR học phần được đánh giá và trọng số đóng góp của mỗi CDR cho bài đánh giá (Cột tỷ lệ cho bài đánh giá).

- Theo ý 2, điểm c, khoản 2, điều 9; điểm a, khoản 3, điều 9; khoản 8, điều 9; khoản 1, điều 10 của Quyết định 2018/QĐ-ĐHV, đề cương chi tiết học phần cần chi rõ nơi lưu giữ bài kiểm tra – đánh giá như: LMS, Trung tâm đảm bảo chất lượng...

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Ví dụ:

5.2.1. Rubric 1: Đánh giá bài A1.2

5.2.2. Rubric 2: Đánh giá bài A1.2

5.2.3. Rubric 3: Đánh giá bài A2.1

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

[1] Lê Quốc Hội, Nguyễn Hoài Nam, Nguyễn Thị Minh Phượng, Nguyễn Thị Bích Liên, Giáo trình Kinh tế vĩ mô nâng cao, NXB Đại học Vinh, 2020

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2] David Begg, Stanley Fischer, Rudiger Dornbusch, Kinh tế học Vĩ mô, NXB Thống kê, 2008.

[3] Begg, D., Fischer, S., & Dornbusch, R. (2008). Kinh tế học. Nhà xuất bản Thống kê.

[4] N. Gregory Mankiw, Nguyên lý Kinh tế học (Principles of Economics) tập II, NXB Thống kê, 2003.

[5] Nguyễn Văn Dân, Kinh tế học vĩ mô (Macroeconomics), NXB Tài chính, 2010

7. Kế hoạch dạy học

Lý thuyết

Tuần, số tiết	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu SV chuẩn bị	CĐR học phần	Bài đánh giá
1(8)	1.1. Những vấn đề chung về kinh tế vĩ mô 1.2. Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô trong hệ thống SNA 1.3. Mục tiêu và công cụ Kinh tế vĩ mô	- Địa điểm: E-learning và trực tiếp - Thuyết trình - Hướng dẫn làm bài tập - Hướng dẫn thảo luận - Hướng dẫn làm việc nhóm - Hướng dẫn nghiên cứu tình huống	- Học viên hoàn thành việc nghe bài giảng trên LMS. - Chuẩn bị bài thuyết trình trên Powerpoint. - Đọc tài liệu. - Thực hiện yêu cầu đã giao trên LMS	CLO1.1.1.1 CLO1.2.2.1 CLO2.2.2.2 CLO4.1.1.1	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1

2(8)	<p>2.1.1. Thị trường hàng hoá và đường IS</p> <p>2.1.2. Thị trường tiền tệ và đường LM</p> <p>2.1.3. Cân bằng đồng thời trên thị trường hàng hoá và tiền tệ</p> <p>2.2.1. Biến động từ thị trường hàng hoá</p> <p>2.2.2. Biến động từ thị trường tiền tệ</p> <p>2.2.3. Biến động từ phía cung</p>	<p>- Địa điểm: E-learning và trực tiếp</p> <p>- Thuyết trình</p> <p>- Hướng dẫn làm bài tập</p> <p>- Hướng dẫn thảo luận</p> <p>- Hướng dẫn làm việc nhóm</p> <p>- Hướng dẫn nghiên cứu tình huống</p>	<p>- Học viên hoàn thành việc nghe bài giảng trên LMS.</p> <p>- Chuẩn bị bài thuyết trình trên Powerpoint.</p> <p>- Đọc tài liệu.</p> <p>- Thực hiện yêu cầu đã giao trên LMS</p>	<p>CLO1.1.1.2</p> <p>CLO1.2.2.1</p> <p>CLO2.2.2.2</p> <p>CLO4.1.1.1</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A1.3</p> <p>A2.1</p>
3(8)	<p>3.1. Tổng quan về tăng trưởng kinh tế</p> <p>3.2. Một số lý thuyết tăng trưởng kinh tế</p> <p>3.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế</p> <p>3.4. Chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế</p> <p>3.5. Tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam</p>	<p>- Địa điểm: E-learning và trực tiếp</p> <p>- Thuyết trình</p> <p>- Hướng dẫn làm bài tập</p> <p>- Hướng dẫn thảo luận</p> <p>- Hướng dẫn làm việc nhóm</p> <p>- Hướng dẫn nghiên cứu tình huống</p>	<p>- Học viên hoàn thành việc nghe bài giảng trên LMS.</p> <p>- Chuẩn bị bài thuyết trình trên Powerpoint.</p> <p>- Đọc tài liệu.</p> <p>- Thực hiện yêu cầu đã giao trên LMS</p>	<p>CLO1.1.1.3</p> <p>CLO1.2.2.1</p> <p>CLO2.2.2.2</p> <p>CLO4.1.1.1</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A1.3</p> <p>A2.1</p>

4(8)	4.1. Những vấn đề chung về chu kỳ kinh doanh 4.2. Lý thuyết lạm phát, thất nghiệp	- Địa điểm: E-learning và trực tiếp - Thuyết trình - Hướng dẫn làm bài tập - Hướng dẫn thảo luận - Hướng dẫn làm việc nhóm - Hướng dẫn nghiên cứu tình huống	- Học viên hoàn thành việc nghe bài giảng trên LMS. - Chuẩn bị bài thuyết trình trên Powerpoint. - Đọc tài liệu. - Thực hiện yêu cầu đã giao trên LMS	CLO1.1.1.4 CLO1.2.2.1 CLO2.2.2.2 CLO4.1.1.1	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1
5(8)	5.1. Ngân sách của chính phủ 5.2. Một số quan điểm về nợ chính phủ 5.3. Một số vấn đề khi tính toán thâm hụt ngân sách và nợ chính phủ 5.4. Mối quan hệ giữa nợ chính phủ và các biến số vĩ mô khác 5.5. Nợ chính phủ của Việt Nam hiện nay	- Địa điểm: E-learning và trực tiếp - Thuyết trình - Hướng dẫn làm bài tập - Hướng dẫn thảo luận - Hướng dẫn làm việc nhóm - Hướng dẫn nghiên cứu tình huống	- Học viên hoàn thành việc nghe bài giảng trên LMS. - Chuẩn bị bài thuyết trình trên Powerpoint. - Đọc tài liệu. - Thực hiện yêu cầu đã giao trên LMS	CLO1.1.1.5 CLO1.2.2.1 CLO2.2.2.2 CLO4.1.1.1	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1

Thực hành và/hoặc Đồ án học phần

Tuần	Nội dung hoạt động	Địa điểm/không gian thực hiện	Hoạt động của học viên	Kết quả cần đạt được	CDR học phần	Bài đánh giá
------	--------------------	-------------------------------	------------------------	----------------------	--------------	--------------

1.					CLO...	A...
2.						
...						

8. Ngày phê duyệt:

9. Cấp phê duyệt:

Trưởng đơn vị cấp 2



PGS.TS. Thái Thị Kim Oanh

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2022

Trưởng đơn vị cấp 3



TS. Lê Vũ Sao Mai

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG KINH TẾ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: PGS.TS. Trần Thị Hoàng Mai

Địa chỉ liên hệ: Trường Kinh tế - Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0917118846 Email: maitth@vinhuni.edu.vn;

Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý kinh tế, Kinh tế quốc tế

Giảng viên 2: TS. Đào Quang Thắng

Địa chỉ liên hệ: Trường Kinh tế - Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0912002646 Email: thangdq@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý kinh tế

Giảng viên 3: TS. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh

Địa chỉ liên hệ: Trường Kinh tế - Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0912923433 Email: quynhntt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý kinh tế, Kinh tế quốc tế

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ XÃ HỘI (tiếng Anh): Scocio – Economics State Management
- Mã số học phần: M.ECO103
- Thuộc ngành/nhóm ngành: { <i>Học phần chung cho nhiều ngành: Quản lý kinh tế</i> }
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức đại cương/chung <input checked="" type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Học phần dạy học dự án <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn
- Số tín chỉ: {03} + Số tiết lý thuyết: {30} + Số tiết thực hành: {15}

+ Số tiết dạy học dự án: {0}	
+ Số tiết thực hiện đồ án, dự án: {0}	
+ Số tiết tự học: {90}	
- Điều kiện đăng ký học:	
+ Học phần tiên quyết: {không}	Mã số HP:
+ Học phần học trước: {không}	Mã số HP:
+ Học phần song hành: {không}	Mã số HP:
- Yêu cầu của học phần:	
+ Thời gian tối thiểu người học phải có mặt trên lớp: 80%.	
+ Người học phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo... qua hệ thống LMS.	
+ Tham gia đầy đủ các bài thực hành.	
+ Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên.	
- Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế	
Điện thoại	

2. Mô tả học phần

Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành nhóm ngành kinh tế học, cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về QLNN về kinh tế - xã hội, đặc biệt trong bối cảnh đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế của Việt Nam.

3. Mục tiêu học phần

Hiểu và nắm vững quan điểm, đường lối đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội của Đảng, nhà nước Việt Nam trong thực tiễn hiện nay, vận dụng sáng tạo trong hoạt động thực tiễn của mỗi học viên.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thông nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1...)

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CDR học phần	Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo						
	PLO1.1		PLO2.1		PLO2.2		PLO 3.2
	1.1.2	2.1.1	1.2.2	2.2.1	2.2.2	3.2.1	
CLO1.1	1,0						
CLO2.1		0,5	0,5				
CLO2.2				0,5	0,5		
CLO3.2						1,0	

Ghi chú:

- Ví dụ: CLO1.1 đóng góp 40% (0,4) và CLO1.2 đóng góp 60% (0,6) cho PLO1.1.1, tức là điểm của CLO1.1 chiếm 40% và điểm của CLO1.2 chiếm 60% cho điểm của PLO1.1.1 đạt được ở học phần này.

- Mỗi chuẩn đầu ra CTĐT được phát triển thành 1 hoặc nhiều hơn 1 chuẩn đầu ra học phần; không phát triển theo hướng 1 chuẩn đầu ra học phần đáp ứng nhiều hơn 1 chuẩn đầu ra CTĐT.

4.2. Mô tả chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO 1.1	K4	Vận dụng được kiến thức nâng cao về triết học Mác - Lê Nin, quản lý nhà nước và kiến thức liên ngành ở cấp độ nền kinh tế, vùng, ngành, lĩnh vực và địa phương	Thuyết trình Nghiên cứu tình huống	Bài tập Tiểu luận
CLO 2.1	S4	Vận dụng các kỹ năng để giải quyết vấn đề trong thực tiễn quản lý tổ chức và quản lý kinh tế	Thuyết trình Nghiên cứu tình huống	Bài tập Tiểu luận
CLO 2.2	A4	Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, có chính kiến, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp	Thuyết trình Nghiên cứu tình huống	Bài tập Tiểu luận
CLO 3.2	S4	Áp dụng kỹ năng kết nối, hợp tác và ứng dụng công nghệ, ngoại ngữ trong quản lý kinh tế, phân tích chính sách trong bối cảnh chuyển đổi số	Thuyết trình Nghiên cứu tình huống Làm việc nhóm Thảo luận	Bài tập Tiểu luận

Ghi chú:

- Lĩnh vực của CĐR: Kiến thức được ghi là K, Kỹ năng là S và Thái độ là A.

- Mức năng lực của chuẩn đầu ra được ghi trong bảng là giá trị điểm năng lực thấp nhất của chuẩn đầu ra đó, cụ thể là: Mức 3 là “2,5”, Mức 4 là “3,5”, Mức 5 là “4,5”.

- Ví dụ về phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu...

- Ví dụ về phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Tên bài đánh giá	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ cho bài đánh giá	Tỷ lệ cho học phần
A1. Đánh giá thường xuyên (tối thiểu 02 bài đánh giá)					50%
A1.1	Câu hỏi thảo luận	Rubric 1	CLO1.1	5%	
			CLO 2.1	5%	
A1.2	Bài tập tự luận 1	Rubric 2	CLO1.1	10%	
			CLO 2.1	10%	
A1.3	Bài tập tự luận 2	Rubric 3	CLO1.1	10%	
			CLO 3.1	10%	
A2. Đánh giá cuối kì: Tiểu luận					50%
A2.1	-Tiểu luận cá nhân	Rubric 4	CLO1.1	10%	50%
			CLO2.1	10%	
			CLO2.2	15%	
			CLO3.2	15%	
Công thức tính điểm học phần: $A1.1 \times 10\% + A1.2 \times 20\% + A1.3 \times 20\% + A2.1 \times 50\%$					

Ghi chú:

- *Cột CĐR học phần:* Những học phần đánh dấu “*” sẽ được triển khai đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra.

- *Cột tỷ lệ cho bài đánh giá:* Bài đánh giá thể hiện rõ những CĐR học phần được đánh giá và trọng số đóng góp của mỗi CĐR cho bài đánh giá. Trọng số này được sử dụng làm cơ sở để phân chia điểm khi xây dựng thang điểm hay rubric nếu 1 bài đánh giá có nhiều CLO.

- *Cột tỷ lệ cho học phần:* Điểm học phần bao gồm 2 nhóm điểm: điểm đánh giá thường xuyên (50%) và điểm đánh giá cuối kì (50%). Do đó, đề cương chi tiết cần xác định rõ tỷ

lệ % của mỗi bài đánh giá sao cho tổng % của các bài đánh giá thường xuyên là 100% và tổng % của các bài đánh giá cuối kỳ là 100%.

- Đề cương chi tiết học phần cần chỉ rõ nơi lưu giữ bài kiểm tra – đánh giá như: LMS, Trung tâm đảm bảo chất lượng...

5.2. Ma trận tỷ lệ đánh giá mức năng lực của các CĐR

CĐR phần học	Mức năng lực	Trọng số điểm cho từng CĐR	MNL đánh giá	Trọng số
CLO 1.1	K4		Mức 3	40%
			Mức 4	60%
CLO2.1	S4		Mức 3	40%
			Mức 4	60%
CLO 2.2	A4		Mức 3	40%
			Mức 4	60%
CLO3.2	S4		Mức 3	40%
			Mức 4	60%

5.3. Ma trận đề thi và các bộ tiêu chí

đánh giá

5.3.1. Ma trận đề thi trắc nghiệm/tự luận

5.3.2. Rubric 1: Đánh giá bài A1.2

5.3.3. Rubric 2: Đánh giá bài A1.2

5.3.4. Rubric 3: Đánh giá bài A2.1

Bảng 1. Rubric câu hỏi thảo luận theo phân theo mức độ (A1.1)

TT	Nội dung	Tổng số câu hỏi	Mức độ vận dụng	Mức độ phân tích
1	Vai trò của QLNN về kinh tế, xã hội	2	1	1
2	Chức năng QLNN về kinh tế	2	1	1
3	Nội dung chủ yếu của QLNN về vkinh tế	2	1	1
4	Hệ thống tổ chức QLNN về kinh tế	2	1	1
5	Yêu cầu, tiêu chuẩn của công chức QLNN	2	1	1
6	Thực trạng và giải pháp xây dựng đội ngũ công chức QLNN ở Việt Nam	2	1	1
7	Thông tin trong QLNN về kinh tế	2	1	1
8	Quyết định trong QLNN về kinh tế	2	1	1

9	Hệ thống công cụ QLNN về kinh tế	2	1	1
10	Thực trạng và giải pháp vận dụng công cụ QLNN về kinh tế ở Việt Nam	2	1	1
Tổng				
Tỉ lệ (%)				

Bảng 2. Rubric Bài tập tự luận 1 theo phân theo mức độ (A1.2)

TT	Nội dung	Tổng số câu hỏi	Mức độ vận dụng	Mức độ phân tích
1	Vai trò của QLNN về kinh tế, xã hội	2	1	1
2	Chức năng QLNN về kinh tế	2	1	1
3	Nội dung chủ yếu của QLNN về vkinh tế	2	1	1
4	Hệ thống tổ chức QLNN về kinh tế	2	1	1
5	Yêu cầu, tiêu chuẩn của công chức QLNN	2	1	1
6	Thực trạng và giải pháp xây dựng đội ngũ công chức QLNN ở Việt Nam	2	1	1
7	Thông tin trong QLNN về kinh tế	2	1	1
8	Quyết định trong QLNN về kinh tế	2	1	1
9	Hệ thống công cụ QLNN về kinh tế	2	1	1
10	Thực trạng và giải pháp vận dụng công cụ QLNN về kinh tế ở Việt Nam	2	1	1
Tổng		20	10	10
Tỉ lệ (%)				

Bảng 3. Rubric Bài tập tự luận 2 theo phân theo mức độ (A1.3)

TT	Nội dung	Tổng số câu hỏi	Mức độ vận dụng	Mức độ phân tích
1	Vai trò của QLNN về kinh tế, xã hội	2	1	1
2	Chức năng QLNN về kinh tế	2	1	1
3	Nội dung chủ yếu của QLNN về vkinh tế	2	1	1
4	Hệ thống tổ chức QLNN về kinh tế			
5	Yêu cầu, tiêu chuẩn của công chức QLNN	2	1	1

6	Thực trạng và giải pháp xây dựng đội ngũ công chức QLNN ở Việt Nam	2	1	1
7	Thông tin trong QLNN về kinh tế	2	1	1
8	Quyết định trong QLNN về kinh tế	2	1	1
9	Hệ thống công cụ QLNN về kinh tế	2	1	1
10	Thực trạng và giải pháp vận dụng công cụ QLNN về kinh tế ở Việt Nam	2	1	1
Tổng		20	10	10
Tỉ lệ (%)				

Bảng 4. Rubric đánh giá đồ án học phần (A2.1 a)

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	2.0	1.5	1.0	0.5 - 0
Số lượng và hình thức của sản phẩm (2 điểm)	- Đủ số lượng quy định. - Cấu trúc đúng quy định, hình thức trình bày khoa học, hợp lý, đẹp, đầy đủ phụ lục theo quy định.	- Đủ số lượng quy định. - Cấu trúc đúng quy định, hình thức trình bày khá khoa học, hợp lý và khá đẹp, có đủ phụ lục theo quy định.	- Thiếu 1 sản phẩm. - Cấu trúc chưa thực sự đúng quy định, hình thức trình bày chưa hợp lý và chưa đẹp, không có đủ phụ lục theo quy định.	Thiếu từ 2 sản phẩm trở lên. - Cấu trúc không đúng quy định, hình thức trình bày không hợp lý và không đẹp, không có đủ phụ lục theo quy định.
	8.0 – 7.0	6.0 - 5.0	4.0 – 3.0	2.0 - 0
Nội dung bản báo cáo (8 điểm)	- Trình bày đầy đủ và rõ ràng các nội dung của đồ án theo quy định. - Trình bày đầy đủ và rõ ràng các nội dung về cơ sở lý luận của chính sách Marketing	- Trình bày đầy đủ nhưng chưa thực sự rõ ràng các nội dung của đồ án theo quy định. - Trình bày đầy đủ nhưng chưa thực sự rõ ràng các nội dung về cơ sở lý luận	- Trình bày chưa đầy đủ và chưa thực sự rõ ràng các nội dung của đồ án theo quy định. - Trình bày chưa đầy đủ và chưa thực sự rõ ràng các nội dung về cơ sở lý luận của chính sách Marketing	- Trình bày thiếu nhiều nội dung và không rõ ràng các nội dung của đồ án theo quy định - Trình bày thiếu nhiều nội dung và không rõ ràng các nội dung về cơ sở lý luận của chính sách Marketing

	-Trình bày đầy đủ và rõ ràng các nội dung về thực trạng vấn đề nghiên cứu - Trình bày đầy đủ và rõ ràng các nội dung về đề xuất cho vấn đề nghiên cứu	của chính sách Marketing -Trình bày đầy đủ nhưng chưa thực sự rõ ràng các nội dung về thực trạng vấn đề nghiên cứu - Trình bày đầy đủ nhưng chưa thực sự rõ ràng các nội dung về đề xuất cho vấn đề nghiên cứu	-Trình bày chưa đầy đủ và chưa thực sự rõ ràng các nội dung về đề xuất cho vấn đề nghiên cứu - Trình bày chưa đầy đủ và chưa thực sự rõ ràng các nội dung về đề xuất cho vấn đề nghiên cứu	-Trình bày thiếu nhiều nội dung và không rõ ràng các nội dung thực trạng vấn đề nghiên cứu - Trình bày thiếu nhiều nội dung và không rõ ràng các nội dung về đề xuất cho vấn đề nghiên cứu
TỔNG chữ	ĐIỂM: _____/10			(bằng)

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình

[1] Trần Thị Hoàng Mai (chủ biên), Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế, NXB Đại học Vinh, 2019.

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] Đại học Kinh tế quốc dân, Bộ môn Quản lý kinh tế, Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2016.

[2] Phan Huy Đường, Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015.

6. Kế hoạch dạy học

Buổi (số tiết)	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Hoạt động học của người học	CDR học phần	Bài đánh giá
1 (5)	Chương 1 QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT	- Phát vấn: Gv đặt câu hỏi cho học viên trả lời và ngược lại (nếu có)	- Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo. - Lập email group	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.2	A1.1

	<p>TRIỂN CỬA CÁC QUỐC GIA</p> <p>1.1. VAI TRÒ KINH TẾ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN</p> <p>1.1.1. Nhà nước và vai trò kinh tế của nhà nước</p> <p>1.1.2. Quan hệ giữa vai trò kinh tế của nhà nước với các lĩnh vực của đời sống chính trị - xã hội khác</p> <p>1.2. VAI TRÒ CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ</p> <p>1.2.1. Khái niệm và đặc điểm quản lý nhà nước về kinh tế</p> <p>1.2.2. Xu hướng tăng cường vai trò QLNN về kinh tế</p> <p>1.2.3. QLNN về kinh tế - nhân tố của ổn định và tăng trưởng kinh tế - xã hội quốc gia</p> <p>1.3. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ XÃ HỘI</p> <p>1.3.1. Một số khái niệm cơ bản</p> <p>1.3.2. Chủ thể và khách thể quản lý nhà nước về xã hội</p> <p>1.3.3. Đặc điểm quản lý nhà nước về xã hội</p> <p>1.3.4. Nguyên tắc quản lý nhà nước về xã hội</p>	<p>- Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide</p> <p>- Trao đổi: Vai trò của của QLNN về kinh tế và xã hội.</p> <p>- Hướng dẫn tương tác với học viên qua hệ thống quản trị LMS</p> <p>- Giới thiệu tiêu luậ cá nhân học phần và kết cấu tiêu luận</p>	<p>của từng nhóm / hoặc ứng dụng CNTT để tạo group khác của nhóm và kết nối với giảng viên</p>		
2(5)	<p>Chương 2</p> <p>CHỨC NĂNG VÀ NỘI DUNG CỦA QLNN VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI</p> <p>2.1. KHÁI QUÁT VỀ CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ</p> <p>2.1.1. Khái niệm, vai trò của</p>	<p>Chức năng và các nội dung QLNN về kinh tế</p>	<p>- Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo.</p>	<p>CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.2</p>	<p>A1.2</p>

	<p>chức năng QLNN về kinh tế</p> <p>2.1.2. Các chức năng cơ bản của QLNN về kinh tế</p> <p>2.1.2.1. Tạo môi trường cho nền kinh tế hoạt động</p> <p>2.1.2.2. Định hướng, hướng dẫn</p> <p>2.1.2.3. Tổ chức thực hiện</p> <p>2.1.2.4. Điều tiết nền kinh tế</p> <p>2.1.2.5. Kiểm tra, kiểm soát</p> <p>2.1.3. Việc thực hiện các chức năng quản lý nhà nước về kinh tế ở các nước kinh tế phát triển</p> <p>2.1.4. Việc thực hiện các chức năng quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam hiện nay</p> <p>2.2. NỘI DUNG CHỦ YẾU QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI TRONG ĐIỀU KIỆN THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA</p> <p>2.2.1. Khái quát những nội dung chủ yếu của QLNN về kinh tế</p> <p>2.2.2. Đổi mới QLNN về kinh tế ở Việt Nam</p> <p>2.3. CHỨC NĂNG VÀ NỘI DUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI</p> <p>2.3.1. Chức năng quản lý nhà nước về xã hội</p> <p>2.3.2. Đổi mới nội dung quản lý nhà nước về xã hội</p>			
--	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--

3(5)	Hướng dẫn nội dung phần 1 của tiểu luận học phần	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn các chủ đề của đề án cá nhân có thể lựa chọn. - Hướng dẫn viết nội dung phần 1. - Hướng dẫn tương tác với học viên qua hệ thống quản trị LMS 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo. 	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.2	A2.1a
4(5)	<p style="text-align: center;">Chương 3</p> <p style="text-align: center;">HỆ THỐNG TỔ CHỨC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI</p> <p>3.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ HỆ THỐNG TỔ CHỨC QLNN VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI</p> <p style="padding-left: 20px;">3.1.1. Cơ sở lý thuyết để xây dựng hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội</p> <p style="padding-left: 20px;">3.1.2. Căn cứ thực tiễn xây dựng hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội ở Việt Nam</p> <p>3.2. CÁC MÔ HÌNH TỔ CHỨC QLNN VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI</p> <p style="padding-left: 20px;">3.2.1. Mô hình tập trung</p> <p style="padding-left: 20px;">3.2.2. Mô hình phi tập trung</p> <p>3.3. XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN HỆ THỐNG TỔ CHỨC QLNN VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI Ở VIỆT NAM</p> <p style="padding-left: 20px;">3.3.1. Xây dựng các cơ quan quản lý ngành</p> <p style="padding-left: 20px;">3.3.2. Xây dựng các cơ quan quản lý theo địa phương</p> <p style="padding-left: 20px;">3.3.3 Cải cách hành chính và lề lối làm việc</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phát vấn: Gv đặt câu hỏi cho học viên trả lời và ngược lại (nếu có) - Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide - Trao đổi: - Hướng dẫn tương tác với học viên qua hệ thống quản trị LMS 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo. 	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.2	A1.2

5(5)	Hướng dẫn nội dung phần 2 của tiểu luận học phần	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn viết nội dung phần 2. - Hướng dẫn tương tác với sinh viên qua hệ thống quản trị LMS 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo. 	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.2	A2.1a
6 (5)	<p style="text-align: center;">Chương 4</p> <p style="text-align: center;">ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI</p> <p>4.1. KHÁI NIỆM VÀ PHÂN LOẠI CÔNG CHỨC QLNN</p> <p style="padding-left: 20px;">4.1.1. Khái niệm công chức QLNN</p> <p style="padding-left: 20px;">4.1.2. Phân loại công chức QLNN</p> <p>4.2. NHỮNG YÊU CẦU, TIÊU CHUẨN CỦA CÔNG CHỨC QLNN</p> <p style="padding-left: 20px;">4.2.1. Yêu cầu</p> <p style="padding-left: 20px;">4.2.2. Tiêu chuẩn</p> <p>4.3. THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC QLNN Ở VIỆT NAM</p> <p style="padding-left: 20px;">4.3.1. Quá trình hình thành, phát triển</p> <p style="padding-left: 20px;">4.3.2. Những vấn đề đặt ra</p> <p style="padding-left: 20px;">4.3.3. Nguyên nhân</p> <p>4.4. PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP CƠ BẢN XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC QLNN Ở VIỆT NAM PHÙ HỢP VỚI VẬN HÀNH NỀN KINH TẾ THEO CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG</p> <p style="padding-left: 20px;">4.4.1. Phương hướng</p> <p style="padding-left: 20px;">4.4.2. Giải pháp</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phát vấn: Gv đặt câu hỏi cho học viên trả lời và ngược lại (nếu có) -Đội ngũ cán bộ QINN - Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide - Hướng dẫn tương tác với học viên qua hệ thống quản trị LMS 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo. 	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.2	A1.3

7 (5)	Hướng dẫn nội dung phần 3 của tiểu luận học phần	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn viết nội dung phần 3. - Hướng dẫn tương tác với học viên qua hệ thống quản trị LMS 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo. 	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.2	A2.1a
8 (5)	<p style="text-align: center;">Chương 5</p> <p style="text-align: center;">THÔNG TIN VÀ QUYẾT ĐỊNH TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI</p> <p>5.1. THÔNG TIN TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI</p> <p>5.1.1. Khái niệm và vai trò của thông tin trong quản lý Nhà nước</p> <p style="padding-left: 20px;">5.1.2. Các yêu cầu đối với thông tin</p> <p style="padding-left: 20px;">5.1.3. Các loại thông tin</p> <p style="padding-left: 20px;">5.1.4. Hệ thống thông tin quản lý (MIS)</p> <p>5.2. QUYẾT ĐỊNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI</p> <p style="padding-left: 20px;">5.2.1. Khái niệm và các loại hình quyết định quản lý Nhà nước</p> <p style="padding-left: 20px;">5.2.2. Yêu cầu đối với quyết định Nhà nước</p> <p style="padding-left: 20px;">5.2.3. Căn cứ ra quyết định</p> <p style="padding-left: 20px;">5.2.4. Quá trình quyết định</p> <p style="padding-left: 20px;">5.2.5. Các phương pháp và kỹ thuật quyết định</p> <p>5.3. VĂN BẢN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC</p> <p style="padding-left: 20px;">5.3.1. Khái niệm và vai trò của văn bản trong hoạt động quản lý của các cơ quan NN</p> <p style="padding-left: 20px;">5.3.2. Các loại hình văn bản quản lý Nhà nước</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phát vấn: Gv đặt câu hỏi cho học viên trả lời và ngược lại (nếu có) - Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide - Hướng dẫn tương tác với học viên qua hệ thống quản trị LMS 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo. 	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.2	A1.3

	<p align="center">Chương 6</p> <p align="center">HỆ THỐNG CÔNG CỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI</p> <p>6.1. TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG CÔNG CỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI</p> <p>6.1.1. Khái niệm</p> <p>6.1.2. Vai trò và đặc điểm</p> <p>6.1.3. Các công cụ chủ yếu trong quản lý Nhà nước</p> <p>6.2. VẬN DỤNG CÁC CÔNG CỤ TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ XÃ HỘI Ở VIỆT NAM</p> <p>6.2.1. Thực trạng sử dụng các công cụ trong QLNN về kinh tế - xã hội ở Việt Nam</p> <p>6.3.1. Phương hướng và giải pháp chủ yếu tăng cường vận dụng các công cụ quản lý</p>	<p>- Phát vấn: Gv đặt câu hỏi cho học viên trả lời và ngược lại (nếu có)</p> <p>- Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide</p> <p>- Hướng dẫn tương tác với học viên qua hệ thống quản trị LMS</p>	<p>- Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo.</p>	<p>CLO1.1</p> <p>CLO2.1</p> <p>CLO2.2</p> <p>CLO3.2</p>	<p>A1.3</p>
9 (5)	<p>Thông qua nội dung của tổng thể tiểu luận cá nhân</p>	<p>- Tổng kết học phần và hướng dẫn tiểu luận</p>	<p>- Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo.</p>	<p>CLO1.1</p> <p>CLO2.1</p> <p>CLO2.2</p> <p>CLO3.2</p>	<p>A2.1a</p>

8. Ngày phê duyệt:

9. Cấp phê duyệt

Trưởng đơn vị cấp 2



PGS.TS. Thái Thị Kim Oanh

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2022

Trưởng đơn vị cấp 3



TS. Lê Vũ Sao Mai

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG KINH TẾ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC KINH TẾ

1. Thông tin tổng quát

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: PGS.TS.GVCC. Nguyễn Thị Minh Phương

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế

Điện thoại: 0942.726.777; Email: phuongntm@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học, Kinh tế phát triển

Giảng viên 2: TS.GVC. Nguyễn Thị Thúy Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Kinh tế, Đại học Vinh

Điện thoại: 0916605469 Email: vinhntt@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học, kinh tế phát triển

Giảng viên 2: TS. Trần Thị Thanh Tâm

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Kinh tế, Đại học Vinh

Điện thoại: 0982 177 287 Email: tamttt@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học, kinh tế phát triển

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC KINH TẾ (tiếng Anh): Scientific Economic Research Methods	
- Mã số học phần: M.ECO104	
- Thuộc CTĐT thạc sĩ ngành: Kinh tế, Quản trị kinh doanh	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
<input type="checkbox"/> Kiến thức chung	<input type="checkbox"/> Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án
<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành/chuyên ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức khác
<input type="checkbox"/> Kiến thức ngành	

Người học chủ động rèn luyện không ngừng học hỏi, nghiêm túc, tư duy linh hoạt, có thái độ trân trọng, niềm tin đối với các nhà khoa học và các công trình nghiên cứu, có ý thức đề cao các ứng dụng khoa học.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Ký hiệu các CDR học phần được thông nhất là: CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1...)

4.1. Trọng số đóng góp của chuẩn đầu ra học phần cho chuẩn đầu ra CTĐT

CDR học phần	Trọng số đóng góp của CLO cho PLO		
	PLO1.1	PLO2.1	PLO2.2
	1.1.2	2.1.1	2.1.2
CLO1.1	1		
CLO2.1		1	
CLO2.2			1

Ghi chú:

- Ví dụ: CLO1.1 đóng góp 40% (0,4) và CLO1.2 đóng góp 60% (0,6) cho PLO1.1.1, tức là điểm của CLO1.1 chiếm 40% và điểm của CLO1.2 chiếm 60% cho điểm của PLO1.1.1 đạt được ở học phần này.

- Mỗi chuẩn đầu ra CTĐT được phát triển thành 1 hoặc nhiều hơn 1 chuẩn đầu ra học phần; không phát triển theo hướng 1 chuẩn đầu ra học phần đáp ứng nhiều hơn 1 chuẩn đầu ra CTĐT.

4.2. Mô tả chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO 1.1	K4	<i>Hiểu</i> rõ được quy trình thiết kế một nghiên cứu và xây dựng báo cáo, lập kế hoạch, xác định vấn đề và mục tiêu nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế, quản trị kinh doanh	Thuyết trình Nghiên cứu tình huống	Bài tập thực hành Thi tự luận/Tiểu luận
CLO 2.1	S4	<i>Vận dụng</i> kỹ năng thu thập dữ liệu, tổng hợp, phân tích viết báo cáo nghiên cứu để giải quyết vấn đề trong lĩnh vực kinh tế, quản trị kinh doanh	Thuyết trình Nghiên cứu tình huống	Bài tập thực hành Thi tự luận/Tiểu luận
CLO 2.2	S4	<i>Vận dụng</i> kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo để giải quyết trong hoạt động kinh tế, quản trị kinh doanh	Thuyết trình Nghiên cứu tình huống Làm việc nhóm Thảo luận	Bài tập Thi tự luận/Tiểu luận

Ghi chú:

- *Lĩnh vực của CDR: Kiến thức được ghi là K, Kỹ năng là S và Thái độ là A.*
- *Mức năng lực của chuẩn đầu ra được ghi trong bảng là giá trị điểm năng lực thấp nhất của chuẩn đầu ra đó, cụ thể là: Mức 3 là “2,5”, Mức 4 là “3,5”, Mức 5 là “4,5”.*
- *Ví dụ về phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu...*
- *Ví dụ về phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...*

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Tên bài đánh giá	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ cho bài	Tỷ lệ cho học phần

				đánh giá	
A1. Đánh giá thường xuyên (tối thiểu 02 bài đánh giá)					50%
A1.1	Câu hỏi thảo luận	Rubric 1	CLO1.1	5%	
			CLO2.1	5%	
A1.2	Bài tập tự luận 1	Rubric 2	CLO1.1	10%	
			CLO2.2	10%	
A1.3	Bài tập tự luận 2	Rubric 3	CLO1.1	10%	
			CLO2.2	10%	
A2. Đánh giá cuối kì: Thi kết thúc học phần hoặc làm Tiểu luận					50%
A2.1	- Thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	Đáp án	CLO1.1	20%	50%
			CLO2.2	30%	
Công thức tính điểm học phần: $(\dots + \dots + \dots) \times 50\% + (\dots + \dots + \dots) \times 50\%$					

Ghi chú:

- *Cột CDR học phần: Những học phần đánh dấu “*” sẽ được triển khai đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra.*
- *Cột tỷ lệ cho bài đánh giá: Bài đánh giá thể hiện rõ những CDR học phần được đánh giá và trọng số đóng góp của mỗi CDR cho bài đánh giá. Trọng số này được sử dụng làm cơ sở để phân chia điểm khi xây dựng thang điểm hay rubric nếu 1 bài đánh giá có nhiều CLO.*
- *Cột tỷ lệ cho học phần: Điểm học phần bao gồm 2 nhóm điểm: điểm đánh giá thường xuyên (50%) và điểm đánh giá cuối kì (50%). Do đó, đề cương chi tiết cần xác định rõ tỷ lệ % của mỗi bài đánh giá sao cho tổng % của các bài đánh giá thường xuyên là 100% và tổng % của các bài đánh giá cuối kỳ là 100%.*
- *Đề cương chi tiết học phần cần chỉ rõ nơi lưu giữ bài kiểm tra – đánh giá như: LMS, Trung tâm đảm bảo chất lượng...*

5.2. Ma trận tỷ lệ đánh giá mức năng lực của các CDR

CĐR học phần	Mức năng lực	Trọng số điểm cho từng CĐR	MNL đánh giá	Trọng số
CLO 1.2*		x%	Mức 2	10%
			Mức 3	30%
			Mức 4	60%
CLO 2.1*		y%	Mức 3	40%
			Mức 4	60%

5.3. Ma trận đề thi và các bộ tiêu chí đánh giá

5.3.1. Ma trận đề thi trắc nghiệm/tự luận

Bảng 1. Rubric câu hỏi thảo luận theo phân theo mức độ (A1.2)

TT	Nội dung	Tổng số câu hỏi	Mức độ hiểu	Mức độ vận dụng	Mức độ phân tích
1	Tổng quan về nghiên cứu khoa học	3	1	1	1
2	Phân loại nghiên cứu khoa học	3	1	1	1
3	Các mô hình nghiên cứu khoa học	3	1	1	1
4	Khái niệm và vai trò của nghiên cứu khoa học kinh tế, quản trị kinh doanh	3	1	1	1
5	Ý nghĩa của nghiên cứu khoa học	3	1	1	1
6	Phân biệt các loại nghiên cứu	3	1	1	1
7	Vai trò nghiên cứu khoa học		1	1	1
8	Xu hướng nghiên cứu khoa học hiện nay	3	1	1	1
9	Nguyên tắc nghiên cứu khoa học	3	1	1	1
10	Quy trình nghiên cứu khoa học	3	1	1	1
Tổng		30	10	10	10
Tỉ lệ (%)			50%	25%	25%

5.3.2. Rubric 1: Đánh giá bài A1.2

Bảng 2. Rubric Bài tập tự luận 1 theo phân theo mức độ (A1.2)

TT	Nội dung	Tổng số câu hỏi	Mức độ vận dụng	Mức độ phân tích
1	Bài tập tình huống về nghiên cứu khoa học	2	1	1

2	Bài tập tình huống về vai trò, chức năng nghiên cứu khoa học	2	1	1
3	Bài tập tình huống về nghiên cứu tổng quan	2	1	1
4	Bài tập tình huống về thu thập dữ liệu sơ cấp	2	1	1
5	Bài tập tình huống về thu thập dữ liệu thứ cấp	2	1	1
6	Bài tập tình huống về phiếu khảo sát	2	1	1
7	Bài tập tình huống về phỏng vấn sâu	2	1	1
8	Bài tập tình huống về quan sát dữ liệu	2	1	1
9	Bài tập tình huống về phân tích dữ liệu	2	1	1
10	Bài tập tình huống về đặt tên đề tài	2	1	1
Tổng		20	10	10
Tỉ lệ (%)			50%	50%

5.3.3. Rubric 2: Đánh giá bài A2.1

Bảng 3. Rubric Bài tập tự luận 2 theo phân theo mức độ (A2.1)

TT	Nội dung	Tổng số câu hỏi	Mức độ vận dụng	Mức độ phân tích
1	Bài tập tình huống về xây dựng tổng quan nghiên cứu	2	1	1
2	Bài tập tình huống về xây dựng mẫu phiếu khảo sát	2	1	1
3	Bài tập tình huống về quy trình khảo sát	2	1	1
4	Bài tập tình huống về phân tích định tính	2	1	1
5	Bài tập tình huống về phân tích định lượng	2	1	1
6	Bài tập tình huống về xây dựng khung phân tích	2	1	1
7	Bài tập tình huống về đề cương nghiên cứu	2	1	1
8	Bài tập tình huống về đề cương bài báo	2	1	1
9	Bài tập tình huống về đề cương báo cáo nghiên cứu	2	1	1
10	Bài tập tình huống về đề cương luận văn thạc sỹ	2	1	1
Tổng		20	10	10
Tỉ lệ (%)			50%	50%

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình

- [1] Nguyễn Thị Cành, *Phương pháp và phương pháp luận nghiên cứu khoa học kinh tế*, Nhà xuất bản Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh, 2004
- [2] Vũ Cao Đàm, *Phương pháp nghiên cứu khoa học*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội, 2005.

6.2. Tài liệu tham khảo

- [1] Mark Saunders, Philip Lewis, Adirian Thornhill, *Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh*, Nhà xuất bản tài chính, 2010.
- [2] Đặng Kim Cương, *Phương pháp viết báo cáo tốt nghiệp*, Nhà xuất bản giao thông vận tải, 2008.
- [3] Trung Nguyên, *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nhà xuất bản giao thông vận tải, 2008.
- [4] Nguyễn Văn Lê, *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nhà xuất bản Trẻ, 2001.
- [5] Phạm Lan Phương, *Phương pháp nghiên cứu khoa học và chuẩn bị luận văn tốt nghiệp cho Học viên*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, 2002.
- [6] Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2005), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, Nhà xuất bản Thống kê.

7. Kế hoạch dạy học

Chương 1. TỔNG QUAN VỀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC KINH TẾ

1.1. Nghiên cứu khoa học và phương pháp khoa học

- Khoa học
- Nghiên cứu khoa học
- Phương pháp khoa học

1.2. Cách tiếp cận nghiên cứu

- Suy diễn và quy nạp
- Định tính, định lượng và hỗn hợp

1.3. Phương pháp nghiên cứu kinh tế

- Nghiên cứu
- Nghiên cứu kinh tế
- Phương pháp nghiên cứu
- Phương pháp nghiên cứu đối với các nhà kinh tế

1.4. Hình thức nghiên cứu

- Theo mục tiêu nghiên cứu
- Theo phương thức nghiên cứu

1.5. Đề tài khoa học và luận văn nghiên cứu

- 1.5.1. Các khái niệm

1.5.2. Quan hệ giữa đề tài nghiên cứu khoa học và luận văn nghiên cứu

Chương 2. QUY TRÌNH NGHIÊN CỨU

2.1. Khái niệm

2.2. Các bước của quy trình nghiên cứu

2.3. Nội dung các bước

- Xác định và mô tả vấn đề nghiên cứu
- Tìm hiểu cơ sở lý thuyết
- Xây dựng khung phân tích và giả thuyết
- Đề cương nghiên cứu
- Thiết kế nghiên cứu
- Phân tích dữ liệu và kiểm định
- Viết báo cáo
- Phổ biến kết quả nghiên cứu

2.4. Thực hành và thảo luận

(Hướng dẫn Học viên xác định ý tưởng, chủ đề nghiên cứu của từng nhóm)

Chương 3. PHƯƠNG PHÁP THU THẬP VÀ TRÌNH BÀY DỮ LIỆU

3.1. Các loại dữ liệu, số liệu

3.2. Các phương pháp thu thập dữ liệu

- 3.2.1. Xác định dữ liệu cần thu thập
- 3.2.2. Phân loại dữ liệu
- 3.2.3. Các phương pháp thu thập

3.3. Các phương pháp trình bày dữ liệu

- 3.3.1. Phương pháp phân tổ
- 3.3.2. Phương pháp bảng thống kê
- 3.3.3. Phương pháp đồ thị
- 3.3.4. Hoạt động nhóm chuyên gia

Chương 4

NGHIÊN CỨU ĐỊNH TÍNH VÀ ĐỊNH LƯỢNG

4.1. Nghiên cứu định tính

- 4.1.1. Tổng quan về nghiên cứu định tính
 - Định nghĩa
 - Mục tiêu và trường hợp áp dụng
 - Đặc điểm của nghiên cứu định tính

4.1.2. Các phương pháp thu thập dữ liệu định tính thông dụng

- Phỏng vấn
- Thảo luận nhóm
- Nghiên cứu tình huống

4.1.3. Phân tích dữ liệu định tính

- Một số đặc điểm và nguyên tắc chung
- Mã hóa dữ liệu
- Phương pháp KJ

4.2. Nghiên cứu định lượng

4.2.1. Khái niệm và vai trò của nghiên cứu định lượng

4.2.2. Khái niệm cơ bản trong mô hình định lượng

- Đơn vị phân tích
- Nhân tố, biến số, thước đo
- Giả thuyết và giả thiết
- Kiểm tra lại mô hình định lượng

4.2.3. Nguồn dữ liệu

- Dữ liệu sơ cấp
- Dữ liệu thứ cấp

4.2.4. Một số công cụ phân tích thông dụng

- Phân tích mô tả và khám phá
- So sánh nhóm
- Hồi quy
- Hàm Logistics

Chương 5. PHƯƠNG PHÁP VIẾT LUẬN VĂN THẠC SỸ

5.1. Quá trình viết báo cáo nghiên cứu

- 5.1.1. Lên kế hoạch viết báo cáo nghiên cứu
- 5.1.2. Thiết kế báo cáo
- 5.1.3. Cơ cấu bài viết
- 5.1.4. Lựa chọn phong cách viết
- 5.1.5. Lên thời gian biểu viết báo cáo

5.2. Cấu trúc của một luận văn thạc sỹ

- 5.2.1. Theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo
- 5.2.2. Theo hướng dẫn của trường Đại học Vinh
- 5.2.3. Phương pháp viết đề cương luận văn

5.3. Trình bày kết quả nghiên cứu

- 5.3.1. Phân tích môi trường

- 5.3.2. Xem xét các lựa chọn
- 5.3.3. Xây dựng bài trình bày
- 5.3.4. Truyền đạt thông điệp
- 5.3.5. Đánh giá sự phản hồi

8. Ngày phê duyệt

9. Cấp phê duyệt

Trưởng đơn vị cấp 2



PGS.TS. Thái Thị Kim Oanh

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2022

Trưởng đơn vị cấp 3



TS. Lê Vũ Sao Mai

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG KINH TẾ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: KINH TẾ QUỐC TẾ NÂNG CAO

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: TS.GVC. Nguyễn Thị Bích Liên

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Kinh tế, Đại học Vinh

Điện thoại: 0914.151.057 Email: lienntb@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học, Kinh tế quốc tế, Kinh tế phát triển

Giảng viên 2: TS. Trần Thị Thanh Tâm

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Kinh tế, Đại học Vinh

Điện thoại: 0982.177.287 Email: tamttt@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học, kinh tế quốc tế

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): KINH TẾ QUỐC TẾ NÂNG CAO (tiếng Anh): Advanced international economics	
- Mã số học phần: M.ECO105	
- Thuộc CTĐT ngành: { <i>Học phần chung cho các ngành: Kinh tế chính trị, Quản lý kinh tế, Quản trị kinh doanh</i> }	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn	
- Số tín chỉ: 03 + Số tiết lý thuyết: 30 + Số tiết thảo luận/bài tập: 15 + Số tiết thực hành: + Số tiết thực hiện đồ án, dự án: + Số tiết tự học: 90	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: Không Mã số HP: + Học phần học trước: Không Mã số HP:	

- Yêu cầu của học phần:	
+ Thời gian tối thiểu học viên phải có mặt trên lớp: 80%	
+ Học viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo... qua hệ thống LMS (Mục 5.1).	
+ Tham gia đầy đủ các bài thực hành.	
+...	
- Bộ môn phụ trách học phần: Kinh tế	
Điện thoại:	Email:

2. Mô tả học phần

Học phần Kinh tế quốc tế nâng cao thuộc phần kiến thức tự chọn trong chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Học phần này thường tập trung vào việc nghiên cứu chuyên sâu các mô hình lý thuyết và phương pháp phân tích được sử dụng trong nghiên cứu và hoạch định chính sách kinh tế đối ngoại.

3. Mục tiêu học phần

Mục tiêu của học phần Kinh tế quốc tế nâng cao là trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu về các quan hệ kinh tế quốc tế, những lý luận về thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế. Đồng thời, người học có thể vận dụng các kiến thức để giải quyết có hiệu quả các vấn đề thực tiễn kinh tế quốc tế.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1...)

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CDR học phần	Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	PLO1.1		PLO2.1		PLO2.2		PLO3.1		PLO3.2		PLO4.1		PLO4.2	
	1.1.2		2.1.1	2.2.1	...	3.1.1	3.2.1	4.1.1	4.2.1			
CLO1.1.2.1	0,25													
CLO1.1.2.2	0,25													
CLO1.1.2.3	0,25													
CLO1.1.2.4	0,25													
CLO2.1.1.1			1,0											

CLO2.1.1. 1				1,0						
CLO3.1.1. 1						1,0				
CLO3.2.1. 1							1,0			
CLO4.1.1. 1								1,0		
CLO4.2.1. 1									1,0	

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần (CLO)	Mức độ năng lực CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1.2.1	2,5	Vận dụng được kiến thức nâng cao về Kinh tế quốc tế vào đánh giá thực tiễn quản lý kinh tế	Hv nghe bài giảng trên E-learning kết hợp thuyết giảng trên lớp	- LMS thống kê. - Thi kết thúc học phần (Tự luận)
CLO1.1.2.2	2,5	Vận dụng được kiến thức về thương mại quốc tế vào đánh giá thực tiễn thương mại quốc tế ở Việt Nam	Hv nghe bài giảng trên E-learning kết hợp thuyết giảng trên lớp	LMS thống kê.
CLO1.1.2.3	2,5	Vận dụng được kiến thức về đầu tư quốc tế vào đánh giá thực tiễn đầu tư quốc tế ở Việt Nam	Hv nghe bài giảng trên E-learning kết hợp thuyết giảng trên lớp	LMS thống kê.
CLO1.1.2.4	2,5	Vận dụng các lý thuyết về tỷ giá hối đoái để đánh giá tác động của tỷ giá hối đoái	Hv nghe bài giảng trên E-learning kết hợp	LMS thống kê.

		đến các quan hệ kinh tế quốc tế	thuyết giảng trên lớp	
CLO2.1.1.1	2,5	Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề trong việc ra quyết định giải quyết các vấn đề trong thực tiễn quản lý kinh tế	Hv nghe bài giảng trên E-learning kết hợp thuyết giảng trên lớp	Bài thảo luận
CLO2.2.1.1	3,5	Thể hiện đạo đức, trách nhiệm, công bằng và hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực kinh tế quốc tế	Hv nghe bài giảng trên E-learning kết hợp thuyết giảng trên lớp	Bài thảo luận
CLO3.1.1.1	3,5	Thành thạo làm việc nhóm trong giải quyết các vấn đề liên quan đến các quan hệ kinh tế quốc tế	Hv nghe bài giảng trên E-learning kết hợp thuyết giảng trên lớp	Bài thảo luận
CLO3.2.1.1	3,5	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực kinh tế quốc tế	Hv nghe bài giảng trên E-learning kết hợp thuyết giảng trên lớp	Bài thảo luận
CLO4.1.1.1	3,5	Phân tích được số liệu về bối cảnh để rút ra tính cấp thiết cho vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế		Bài tập tự luận số 1. Tiểu luận kết thúc học phần
CLO4.2.1.1	3,5	Đề xuất được các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế		Bài tập tự luận số 2. Tiểu luận kết thúc học phần

Ghi chú:

- Ví dụ về phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đề án/dự án, tự học/tự nghiên cứu...

- Ví dụ về phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ cho bài đánh giá	Tỷ lệ cho học phần
A1. Đánh giá thường xuyên (tối thiểu 03 bài đánh giá)					50%
A1.1	LMS thống kê	LMS	CLO1.1.2.1	2,5%	10%
			CLO1.1.2.2	2,5%	
			CLO1.1.2.3	2,5%	
			CLO1.1.2.4	2,5%	
A1.2	Bài thảo luận	- Rubric 1 - Bảng điểm/ - Nhật ký	CLO2.1.1.1 CLO2.2.1.1 CLO3.1.1.1 CLO3.2.1.1	100%	10%
A1.3		Rubric 2	CLO4.1.1.1	50%	30%
			CLO4.2.1.1	50%	
A2. Đánh giá cuối kì					50%
A.2.1	Tiểu luận	Rubric 3	CLO1.1.1.1	100%	50%
			CLO1.2.2.1		
			CLO2.2.2.2		
			CLO4.1.1.1		
Công thức tính điểm học phần:					
$Điểm\ số\ HP = A1 * 50\% + A2 * 50\%$					

Ghi chú:

- Theo khoản 3, điều 9 của Quyết định 2018/QĐ-ĐHV, điểm học phần bao gồm 2 nhóm điểm: điểm đánh giá thường xuyên (50%) và điểm đánh giá cuối kì (50%). Do đó, đề cương chi tiết cần xác định rõ tỷ lệ % của mỗi bài đánh giá cho tổng điểm học phần, sao cho các

bài đánh giá thường xuyên chiếm 50% và các bài đánh giá cuối kì chiếm 50% (Cột tỷ lệ cho học phần).

- Theo ý 1, điểm c, khoản 2, điều 9 của Quyết định 2018/QĐ-ĐHV, bài đánh giá thể hiện rõ những CDR học phần được đánh giá và trọng số đóng góp của mỗi CDR cho bài đánh giá (Cột tỷ lệ cho bài đánh giá).

- Theo ý 2, điểm c, khoản 2, điều 9; điểm a, khoản 3, điều 9; khoản 8, điều 9; khoản 1, điều 10 của Quyết định 2018/QĐ-ĐHV, đề cương chi tiết học phần cần chỉ rõ nơi lưu giữ bài kiểm tra – đánh giá như: LMS, Trung tâm đảm bảo chất lượng...

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Ví dụ:

5.2.1. Rubric 1: Đánh giá bài A1.2

5.2.2. Rubric 2: Đánh giá bài A1.2

5.2.3. Rubric 3: Đánh giá bài A2.1

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

[1] Trần Thị Hoàng Mai, Nguyễn Thị Bích Liên, Nguyễn Thị Thuý Quỳnh, *Giáo trình Kinh tế quốc tế*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013.

[2] Kim Văn Chính, Nguyễn Thanh Tâm, *Giáo trình quan hệ kinh tế quốc tế*, Nxb Công an nhân dân, 2007.

[3] Nguyễn Thị Quy, *Giáo trình tài trợ thương mại quốc tế*, NXB Thống kê, 2012.

[4] Đinh Văn Thành, *Rào cản trong thương mại quốc tế*, NXB Thống kê, 2005.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Trần Thị Hoà Bình, Trần Văn Nam, *Giáo trình luật thương mại quốc tế*, NXB Lao động - Xã hội, 2005.

[2] Nguyễn Thị Hiền, *Hội nhập kinh tế khu vực của một số nước Asean: Sách tham khảo*, Nxb Chính trị Quốc gia, 2003.

[3] Nguyễn Thị Hương, Tạ Lợi, *Giáo trình Nghiệp vụ ngoại thương: Lý thuyết và thực hành (tập II)*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2009.

[4] Võ Thanh Thu, *Quan hệ kinh tế quốc tế*, Nxb Thống kê, 2008.

7. Kế hoạch dạy học

Lý thuyết

Tuần, số tiết	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu SV chuẩn bị	CDR học phần	Bài đánh giá
----------------------	-----------------	----------------------------------	----------------------------	---------------------	---------------------

1(8)	<p>1.1.1. Khái niệm</p> <p>1.1.2. Đối tượng nghiên cứu</p> <p>1.1.3. Nội dung và phương pháp nghiên cứu</p> <p>1.2.1. Khái niệm và cơ cấu</p> <p>1.2.2. Các giai đoạn phát triển của nền kinh tế thế giới</p> <p>1.2.3. Những thay đổi của nền kinh tế thế giới hiện đại</p> <p>1.3.1. Khái niệm</p> <p>1.3.2. Các quan hệ kinh tế quốc tế</p>	<p>- Địa điểm: E-learning và trực tiếp</p> <p>- Thuyết trình</p> <p>- Hướng dẫn làm bài tập</p> <p>- Hướng dẫn thảo luận</p> <p>- Hướng dẫn làm việc nhóm</p> <p>- Hướng dẫn nghiên cứu tình huống</p>	<p>- Học viên hoàn thành việc nghe bài giảng trên LMS.</p> <p>- Chuẩn bị bài thuyết trình trên Powerpoint.</p> <p>- Đọc tài liệu.</p> <p>- Thực hiện yêu cầu đã giao trên LMS</p>	<p>CLO1.1.2.1</p> <p>CLO2.1.1.1</p> <p>CLO2.2.1.1</p> <p>CLO4.1.1.1</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A1.3</p> <p>A2.1</p>
2(8)	<p>2.1. Những vấn đề chung về thương mại quốc tế</p> <p>2.2. Một số lý thuyết về thương mại quốc tế</p> <p>2.3. Chính sách thương mại quốc tế</p>	<p>- Địa điểm: E-learning và trực tiếp</p> <p>- Thuyết trình</p> <p>- Hướng dẫn làm bài tập</p> <p>- Hướng dẫn thảo luận</p> <p>- Hướng dẫn làm việc nhóm</p> <p>- Hướng dẫn nghiên cứu tình huống</p>	<p>- Học viên hoàn thành việc nghe bài giảng trên LMS.</p> <p>- Chuẩn bị bài thuyết trình trên Powerpoint.</p> <p>- Đọc tài liệu.</p> <p>- Thực hiện yêu cầu đã giao trên LMS</p>	<p>CLO1.1.2.2</p> <p>CLO2.2.1.1</p> <p>CLO1.1.1.2</p> <p>CLO1.2.2.1</p> <p>CLO2.2.2.2</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A1.3</p> <p>A2.1</p>

3(8)	<p>3.1.1. Khái niệm, nguyên nhân và tác động của đầu tư quốc tế</p> <p>3.1.2. Một số lý thuyết về đầu tư quốc tế</p> <p>3.2.1. Lý thuyết về lợi nhuận cận biên</p> <p>3.2.2. Lý thuyết về chu kỳ sống quốc tế của sản phẩm</p> <p>3.2.3. Lý thuyết đàn nhạn bay</p> <p>3.2.4. Mô hình OLI</p> <p>3.3. MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ QUỐC TẾ</p> <p>3.3.1. Môi trường của nước đi đầu tư</p> <p>3.3.2. Môi trường của nước tiếp nhận đầu tư</p> <p>3.3.3. Môi trường toàn cầu</p> <p>3.4. CÁC HÌNH THỨC ĐẦU TƯ QUỐC TẾ</p> <p>3.4.1. Đầu tư trực tiếp</p>	<p>- Địa điểm: E-learning và trực tiếp</p> <p>- Thuyết trình</p> <p>- Hướng dẫn làm bài tập</p> <p>- Hướng dẫn thảo luận</p> <p>- Hướng dẫn làm việc nhóm</p> <p>- Hướng dẫn nghiên cứu tình huống</p>	<p>- Học viên hoàn thành việc nghe bài giảng trên LMS.</p> <p>- Chuẩn bị bài thuyết trình trên Powerpoint.</p> <p>- Đọc tài liệu.</p> <p>- Thực hiện yêu cầu đã giao trên LMS</p>	<p>CLO1.1.2.3</p> <p>CLO1.1.2.3</p> <p>CLO3.1.1.1</p> <p>CLO4.1.1.1</p> <p>CLO4.2.1.1</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A1.3</p> <p>A2.1</p>
------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------

	3.4.2. Đầu tư gián tiếp				
4(8)	<p>4.1.1. Khái niệm tỷ giá hối đoái</p> <p>4.1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái</p> <p>4.1.3. Các biện pháp điều chỉnh tỷ giá hối đoái</p> <p>4.2.1. Tác động của tỷ giá hối đoái đến xuất khẩu</p> <p>4.2.2. Tác động của tỷ giá hối đoái đến nhập khẩu</p> <p>4.3.1. Tác động của tỷ giá hối đoái đến thu hút đầu tư nước ngoài</p> <p>4.3.2. Tác động của tỷ giá hối đoái đến đầu tư ra nước ngoài</p>	<p>- Địa điểm: E-learning và trực tiếp</p> <p>- Thuyết trình</p> <p>- Hướng dẫn làm bài tập</p> <p>- Hướng dẫn thảo luận</p> <p>- Hướng dẫn làm việc nhóm</p> <p>- Hướng dẫn nghiên cứu tình huống</p>	<p>- Học viên hoàn thành việc nghe bài giảng trên LMS.</p> <p>- Chuẩn bị bài thuyết trình trên Powerpoint.</p> <p>- Đọc tài liệu.</p> <p>- Thực hiện yêu cầu đã giao trên LMS</p>	<p>CLO1.1.2.4</p> <p>CLO1.2.2.1</p> <p>CLO3.1.1.1</p> <p>CLO2.2.1.1</p> <p>CLO4.1.1.1</p> <p>CLO4.2.1.1</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A1.3</p> <p>A2.1</p>
5(8)	<p>5.1.1. Khái quát vị thế của Việt Nam</p> <p>5.1.2. Các nguồn lực phát triển kinh tế quốc tế của Việt</p>	<p>- Địa điểm: E-learning và trực tiếp</p> <p>- Thuyết trình</p> <p>- Hướng dẫn làm bài tập</p>	<p>- Học viên hoàn thành việc nghe bài giảng trên LMS.</p> <p>- Chuẩn bị bài thuyết trình trên Powerpoint.</p>	<p>CLO1.1.2.1</p> <p>CLO1.2.2.1</p> <p>CLO2.1.1.1</p> <p>CLO2.2.1.1</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A1.3</p> <p>A2.1</p>

	<p>Nam</p> <p>5.1.3. Những thuận lợi, khó khăn của Việt Nam trong tiến trình hội nhập</p> <p>5.2.1. Khái quát quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam</p> <p>5.2.2. Một số liên kết và tổ chức kinh tế quốc tế mà Việt Nam tham gia</p>	<p>- Hướng dẫn thảo luận</p> <p>- Hướng dẫn làm việc nhóm</p> <p>- Hướng dẫn nghiên cứu tình huống</p>	<p>- Đọc tài liệu.</p> <p>- Thực hiện yêu cầu đã giao trên LMS</p>		
--	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------	--	--

Thực hành và/hoặc Đồ án học phần

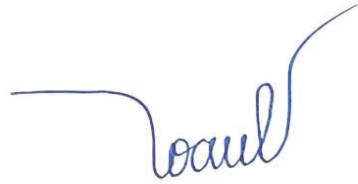
Tuần	Nội dung hoạt động	Địa điểm/không gian thực hiện	Hoạt động của học viên	Kết quả cần đạt được	CDR học phần	Bài đánh giá
1.					CLO...	A...
2.						
...						

8. Ngày phê duyệt:

9. Cấp phê duyệt:

Trưởng đơn vị cấp 2

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2022
Trưởng đơn vị cấp 3



PGS.TS. Thái Thị Kim Oanh



TS. Lê Vũ Sao Mai

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG KINH TẾ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: KINH TẾ PHÁT TRIỂN NÂNG CAO

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

Họ và tên: Nguyễn Thị Minh Phương

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Phó Giáo sư, Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Vào giờ hành chính tại trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế - Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0942726777, phuongntm@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học, Kinh tế phát triển

Giảng viên 2:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thúy Vinh

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Vào giờ hành chính tại trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế - Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0916605469, vinhntt@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học, Kinh tế phát triển

Giảng viên 3:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Thủy

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Vào giờ hành chính tại trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế - Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0983676459, thuyttt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế phát triển, Kinh tế đầu tư.

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): KINH TẾ PHÁT TRIỂN NÂNG CAO (tiếng Anh): Advanced development Economics
- Mã số học phần: M.ECO202
- Thuộc CTĐT ngành: Kinh tế
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản	<input type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung
<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án
<input type="checkbox"/> Kiến thức ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
- Số tín chỉ: 3	
+ Số tiết lý thuyết:	15
+ Số tiết thực hiện đồ án, dự án:	30
+ Số tiết tự học:	90
- Điều kiện đăng ký học:	
+ Học phần tiên quyết:	Mã số HP:
+ Học phần học trước:	Mã số HP:
- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:	
+ Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp:	
+ Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo..... qua hệ thống LMS	
+ Tham gia đầy đủ các bài thực hành.	
- Bộ môn phụ trách học phần:	
Điện thoại:	Email:

2. Mô tả học phần

Học phần Kinh tế phát triển nâng cao cung cấp cho học viên những kiến thức khái quát về phát triển kinh tế và hình thành cho người học một số kỹ năng cần thiết; nhận diện tổng quan về sự phát triển kinh tế của địa phương/quốc gia. Học viên được trải nghiệm thực tế của địa phương, nhận thức đúng về sự phát triển và có kế hoạch để góp phần xây dựng phát triển địa phương đáp ứng với bối cảnh xu hướng nền kinh tế toàn cầu.

3. Mục tiêu học phần

Học phần Kinh tế phát triển nâng cao giới thiệu khái quát về phát triển kinh tế và các chỉ tiêu đo lường để đánh giá phát triển kinh tế và một số mô hình kinh nghiệm phát triển kinh tế của quốc gia; quy trình thực hiện dự án học phần; bước đầu hình thành cho người học kỹ năng lập kế hoạch, quản lý thời gian, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm. Người học có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển một dự án liên quan đến học phần.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá
(Ký hiệu các CDR học phần được thống nhất là: CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1...)

4.1. Trọng số đóng góp của chuẩn đầu ra học phần cho chuẩn đầu ra CTĐT .

CDR học phần	Trọng số đóng góp của CLO cho PLO		
	PLO1.1	PLO2.2	PLO3.1
	1.1.2	2.2.2	3.1.2
CLO1.1	1		
CLO2.2		1	
CLO3.1			1

Ghi chú:

- Ví dụ: CLO1.1 đóng góp 40% (0,4) và CLO1.2 đóng góp 60% (0,6) cho PLO1.1.1, tức là điểm của CLO1.1 chiếm 40% và điểm của CLO1.2 chiếm 60% cho điểm của PLO1.1.1 đạt được ở học phần này.

- Mỗi chuẩn đầu ra CTĐT được phát triển thành 1 hoặc nhiều hơn 1 chuẩn đầu ra học phần; không phát triển theo hướng 1 chuẩn đầu ra học phần đáp ứng nhiều hơn 1 chuẩn đầu ra CTĐT.

4.2. Mô tả chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K4	Hiểu rõ được nguyên lý tăng trưởng, phát triển kinh tế của địa phương/quốc gia; Các mô hình tăng trưởng, phát triển kinh tế và vai trò của các ngành trong nền kinh tế	Thuyết trình Nghiên cứu tình huống	Bài tập thực hành Thi tự luận/ Tiểu luận
CLO2.2	S4	Vận dụng các thước đo tăng trưởng, phát triển kinh tế và phát triển bền vững để đánh giá thực trạng phát triển kinh tế ở quốc gia, địa phương (ngành, lĩnh vực công tác).	Thuyết trình Nghiên cứu tình huống Làm việc nhóm/Thảo luận	Bài tập thực hành Thi tự luận/ Tiểu luận

CLO3.1	S4	Vận dụng lý thuyết để đánh giá thực trạng phát triển các ngành kinh tế của địa phương/quốc gia	Thuyết trình Nghiên cứu tình huống	Bài tập Thi tự luận/ Tiểu luận
--------	----	------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------	--------------------------------------

Ghi chú:

- Lĩnh vực của CDR: Kiến thức được ghi là K, Kỹ năng là S và Thái độ là A.
- Mức năng lực của chuẩn đầu ra được ghi trong bảng là giá trị điểm năng lực thấp nhất của chuẩn đầu ra đó, cụ thể là: Mức 3 là “2,5”, Mức 4 là “3,5”, Mức 5 là “4,5”.
- Ví dụ về phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu...
- Ví dụ về phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Tên bài đánh giá	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ cho bài đánh giá	Tỷ lệ cho học phần
A1. Đánh giá thường xuyên (tối thiểu 02 bài đánh giá)					50%
A1.1	Câu hỏi thảo luận	Rubric 1	CLO1.1	5%	
			CLO2.2	5%	
A1.2	Bài tập tự luận 1	Rubric 2	CLO1.1	10%	
			CLO2.2	10%	
A1.3	Bài tập tự luận 2	Rubric 3	CLO1.1	10%	
			CLO2.2	10%	
A2. Đánh giá cuối kì: Thi kết thúc học phần hoặc làm Tiểu luận					50%
A2.1	- Thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	Chấm đồ án	CLO1.1	20%	50%
			CLO3.1	30%	
Công thức tính điểm học phần: $(\dots + \dots + \dots) \times 50\% + (\dots + \dots + \dots) \times 50\%$					

Ghi chú:

- Cột CDR học phần: Những học phần đánh dấu “*” sẽ được triển khai đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra.

- *Cột tỷ lệ cho bài đánh giá: Bài đánh giá thể hiện rõ những CDR học phần được đánh giá và trọng số đóng góp của mỗi CDR cho bài đánh giá. Trọng số này được sử dụng làm cơ sở để phân chia điểm khi xây dựng thang điểm hay rubric nếu 1 bài đánh giá có nhiều CLO.*

- *Cột tỷ lệ cho học phần: Điểm học phần bao gồm 2 nhóm điểm: điểm đánh giá thường xuyên (50%) và điểm đánh giá cuối kì (50%). Do đó, đề cương chi tiết cần xác định rõ tỷ lệ % của mỗi bài đánh giá sao cho tổng % của các bài đánh giá thường xuyên là 100% và tổng % của các bài đánh giá cuối kỳ là 100%.*

- *Đề cương chi tiết học phần cần chỉ rõ nơi lưu giữ bài kiểm tra – đánh giá như: LMS, Trung tâm đảm bảo chất lượng...*

5.2. Ma trận tỷ lệ đánh giá mức năng lực của các CDR

CĐR học phần	Mức năng lực	Trọng số điểm cho từng CDR	MNL đánh giá	Trọng số
CLO 1.1*		x%	Mức 3	40%
			Mức 4	60%
CLO 2.2*		y%	Mức 3	40%
			Mức 4	60%
CLO 3.1*		z%	Mức 3	40%
			Mức 4	60%

5.3. Ma trận đề thi và các bộ tiêu chí đánh giá

5.3.1. Ma trận đề thi trắc nghiệm/tự luận

5.3.2. Rubric 1: Đánh giá bài A1.2

5.3.3. Rubric 2: Đánh giá bài A1.3

5.3.4. Rubric 3: Đánh giá bài A2.1

5.3.1. Ma trận đề thi trắc nghiệm/tự luận

Bảng 1. Rubric câu hỏi thảo luận theo phân theo mức độ (A1.2)

TT	Nội dung	Tổng số câu hỏi	Mức độ hiểu	Mức độ vận dụng	Mức độ phân tích
1	Tăng trưởng, phát triển kinh tế	3	1	1	1
2	Nội dung phát triển kinh tế	3	1	1	1
3	Tiêu chí đánh giá phát triển kinh tế theo 3 nội dung: tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tiên bộ xã hội	6	2	2	2

4	Phát triển bền vững	3	1	1	1
5	Đặc trưng của các nước đang phát triển	3	1	1	1
6	Các mô hình tăng trưởng, phát triển kinh tế	3	1	1	1
7	Sự lựa chọn con đường phát triển của các nước đang phát triển	3	1	1	1
8	Vai trò của các ngành trong nền kinh tế	6	2	2	2
Tổng		30	10	10	10
Tỉ lệ (%)			50%	25%	25%

5.3.2. Rubric 1: Đánh giá bài A1.2

Bảng 2. Rubric Bài tập tự luận 1 theo phân theo mức độ (A1.2)

TT	Nội dung	Tổng số câu hỏi	Mức độ vận dụng	Mức độ phân tích
1	Bài tập tình huống về tăng trưởng, phát triển kinh tế	4	2	2
2	Bài tập tình huống về nội dung phát triển kinh tế	4	2	2
3	Bài tập tình huống về phát triển bền vững	4	2	2
4	Bài tập tình huống về các mô hình tăng trưởng, phát triển kinh tế	4	2	2
5	Bài tập tình huống về sự lựa chọn con đường phát triển của các nước đang phát triển	4	2	2
Tổng		20	10	10
Tỉ lệ (%)			50%	50%

5.3.3. Rubric 2: Đánh giá bài A2.1

Bảng 3. Rubric Bài tập tự luận 2 theo phân theo mức độ (A1.3)

TT	Nội dung	Tổng số câu hỏi	Mức độ vận dụng	Mức độ phân tích
----	----------	-----------------	-----------------	------------------

1	Bài tập tình huống về sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế	4	2	2
2	Bài tập tình huống về phát triển kinh tế ở một số nước đang phát triển	4	2	2
3	Bài tập tình huống về vai trò của ngành nông nghiệp trong phát triển kinh tế	4	2	2
4	Bài tập tình huống về vai trò của ngành công nghiệp trong phát triển kinh tế	4	2	2
5	Bài tập tình huống về vai trò của ngành dịch vụ trong phát triển kinh tế	4	2	2
Tổng		20	10	10
Tỉ lệ (%)			50%	50%

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình

[1]. Trần Mạnh Dũng (2020), *Giáo trình Kinh tế Phát triển nâng cao*, NXB Trường Đại học Vinh.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Ngô Thắng Lợi (2012), *Giáo trình Kinh tế Phát triển*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

[2]. Trần Thọ Đạt (2005), *Các mô hình tăng trưởng kinh tế*, NXB Thống kê

[3]. Gregory Mankiw (2003), *Nguyên lý kinh tế học (tập II)*, NXB Thống kê

7. Kế hoạch dạy học

Buổi (số tiết)	Nội dung công việc	Hình thức tổ chức dạy học	Hoạt động học của người học	CDR học phần	Bài đánh giá
1(5)	Chương 1: TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ	- Phát vấn: Gv đặt câu hỏi cho học viên trả lời và ngược lại (nếu có) - Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide	- Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo. - Lập email group của từng nhóm / hoặc ứng	CLO1.1 CLO2.2	A1.1 A1.2


		- Hướng dẫn tương tác với sinh viên qua hệ thống quản trị LMS	dụng CNTT để tạo group khác của nhóm và kết nối với giảng viên		
2(5)	Chương 2: MỘT SỐ LÝ THUYẾT VỀ TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ	- Phát vấn: Gv đặt câu hỏi cho học viên trả lời và ngược lại (nếu có) - Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide	Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo	CLO1.1 CLO2.2	A1.1 A1.2
3(5)	Chương 3: NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ	- Phát vấn: Gv đặt câu hỏi cho học viên trả lời và ngược lại (nếu có) - Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide	Thuyết giảng Thảo luận Bài tập	CLO1.1 CLO2.2	A1.1 A1.2
4(5)	Chương 4: CÔNG NGHIỆP VÀ CÔNG NGHIỆP HÓA VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ	- Phát vấn: Gv đặt câu hỏi cho học viên trả lời và ngược lại (nếu có) - Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide	Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo	CLO1.1 CLO2.2	A1.1 A1.2
5(5)	Chương 5: NGOẠI THƯƠNG VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ	- Phát vấn: Gv đặt câu hỏi cho học viên trả lời và ngược lại (nếu có)	Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo	CLO1.1 CLO2.2	A1.1 A1.2

		- Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide			
6(5)	GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN ĐỒ ÁN	Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide	Hướng dẫn Thảo luận	CLO1.1 CLO3.1	A2.1
7(5)	TRIỂN KHAI LẬP KẾ HOẠCH CHO THỰC HIỆN ĐỒ ÁN	Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide	Hướng dẫn Thảo luận	CLO1.1 CLO3.1	A2.1
8(5)	TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG ĐỒ ÁN	HV làm việc tại thực địa	Trải nghiệm	CLO1.1 CLO3.1	A2.1
9(5)	VIẾT BÁO CÁO DỰ ÁN HỌC PHẦN	SV làm việc (lựa chọn địa điểm)	Viết báo cáo và nộp	CLO1.1 CLO3.1	A2.1

8. Ngày phê duyệt:

9. Cấp phê duyệt:

Trưởng đơn vị cấp 2



PGS.TS. Thái Thị Kim Oanh

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2022

Trưởng đơn vị cấp 3



TS. Lê Vũ Sao Mai

. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: Hồ Thị Diệu Ánh

Địa chỉ liên hệ: Khoa QTKD, Trường Kinh tế

Điện thoại: 0948983777

Email: anhhtd@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Quản trị nhân lực, Quản trị doanh nghiệp

Giảng viên 2: Trần Quang Bách

Địa chỉ liên hệ: Khoa QTKD, Trường Kinh tế

Điện thoại: 0985287077

Email: bachqt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Quản trị nhân lực, Quản trị doanh nghiệp

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Quản lý nguồn nhân lực	(tiếng Anh):
- Mã số học phần: M.ECO204	
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Quản lý kinh tế	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
<input type="checkbox"/> Kiến thức đại cương/chung	<input checked="" type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung
<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input type="checkbox"/> Học phần dạy học dự án
<input type="checkbox"/> Kiến thức ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
- Số tín chỉ: 3	
+ Số tiết lí thuyết: 45	
+ Số tiết thực hành: 0	
+ Số tiết thực tế:	
+ Số tiết dạy học dự án: 0	
- Điều kiện đăng ký học:	
+ Học phần tiên quyết:	Mã số HP: {ghi MS HP}
+ Học phần học trước: {ghi tên HP nếu có}	Mã số HP: {ghi MS HP}
+ Học phần song hành: {ghi tên HP nếu có}	Mã số HP: {ghi MS HP}
- Yêu cầu của học phần {giảng viên cụ thể hóa các yêu cầu}:	
+ Thời gian tối thiểu người học phải có mặt trên lớp: 80%.	
+ Người học phải nộp đầy đủ bài tập, nghe SCORM 80% bài giảng qua hệ thống LMS.	
+ Tham gia đầy đủ các bài thực hành.	
+ Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên.	
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế	

2. Mô tả học phần

Nội dung của học phần giúp học viên nhận thức về tầm quan trọng của yếu tố con người và việc quản lý hiệu quả nguồn nhân lực của một quốc gia, cung cấp những kiến thức bổ trợ giúp học viên nghiên cứu sâu những nội dung trong chuyên ngành Kinh tế chính trị như lao động, sức lao động, tiền lương...

3. Mục tiêu học phần

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản được thiết kế nhằm nâng cao việc nhận thức về tầm quan trọng của yếu tố con người và việc quản lý hiệu quả nguồn nhân lực của một quốc gia.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thông nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1...)

4.1. Ảnh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CDR học phần	Trọng số đóng góp của CLO cho PLO			
	PLO1.2	PLO2.2	PLO3.1; PLO3.2	
	1.2.1	2.2.1	3.1.1	3.2.1
CLO 1.1	1			
CLO 2.1		1		
CLO 3.1.			1	
CLO 3.2				1

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO 1.1	K4	Phân tích được kiến thức chuyên sâu, tiên tiến về kinh tế nhân lực để giải quyết các vấn đề trong kinh tế nguồn nhân lực	Thuyết trình Nghiên cứu tình huống	Bài tập Thi tự luận
CLO 2.1	A4	Thể hiện khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân; đưa ra những quyết định mang tính chuyên gia	Thuyết trình Nghiên cứu tình huống	Bài tập Thi tự luận

		và chịu trách nhiệm với những kết luận chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế nhân lực		
CLO 3.1	S4	Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế nhân lực	Thuyết trình Nghiên cứu tình huống Làm việc nhóm Thảo luận	Bài tập Thi tự luận
CLO 3.2	S4	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực kinh tế nhân lực	Làm việc nhóm Thảo luận	Bài tập

Ghi chú:

- Ví dụ về phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu...

- Ví dụ về phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Tên bài đánh giá	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ cho bài đánh giá	Tỷ lệ cho học phần
A1. Đánh giá thường xuyên (tối thiểu 02 bài đánh giá)					50%
A1.1	Câu hỏi thảo luận	Rubric 1	CLO1.1	5%	
			CLO 2.1	5%	
A1.2	Bài tập tự luận 1	Rubric 2	CLO1.1	10%	
			CLO 2.1	10%	

A1.3	Bài tập tự luận 2	Rubric 3	CLO1.1	10%	
			CLO 2.1	10%	
A2. Đánh giá cuối kì: Thi kết thúc học phần hoặc làm Tiểu luận					50%
A2.1	- Thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	Đáp án	CLO1.1	10%	50%
			CLO2.1	20%	
			CLO4.1	10%	
			CLO4.2	10%	
Công thức tính điểm học phần: $(\dots + \dots + \dots) \times 50\% + (\dots + \dots + \dots) \times 50\%$					

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Ví dụ:

5.2.1. Rubric 1: Đánh giá bài A1.2

5.2.2. Rubric 2: Đánh giá bài A1.2

5.2.3. Rubric 3: Đánh giá bài A2.1

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

[1] Tên tác giả, tên giáo trình, tên nhà xuất bản, năm xuất bản.

[2] Tên tác giả, tên giáo trình, tên nhà xuất bản, năm xuất bản.

Ghi chú: Không quá 02 tài liệu bắt buộc. Tài liệu bắt buộc phải có tính cập nhật (ít nhất có 01 cuốn xuất bản sau 2012) và có sẵn trên thị trường Việt Nam.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[3] Tên tác giả, tên giáo trình, tên nhà xuất bản, năm xuất bản.

[4] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản), tên phần mềm.

7. Kế hoạch dạy học

Lý thuyết

Tuần, số tiết	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu SV chuẩn bị	CDR học phần	Bài đánh giá
1(3)	1.1. Các khái niệm cơ bản 1.2. Con người và hoạt động lao động của con người	- Phát vấn: Gv đặt câu hỏi cho học viên trả lời và ngược lại (nếu có) - Thuyết giảng	- Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo. - Lập email group của từng	CLO 1.2 CLO 2.1 CLO4.1 CLO4.2	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1

	<p>1.3. Vai trò của nhân tố con người trong phát triển kinh tế</p> <p>1.4. Kinh tế và quản lý nguồn nhân lực trong phát triển kinh tế xã hội</p>	<p>kết hợp với bài giảng slide</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trao đổi: Vai trò của nhân tố con người trong phát triển kinh tế - Hướng dẫn tương tác với học viên qua hệ thống quản trị LMS 	<p>nhóm / hoặc ứng dụng CNTT để tạo group khác của nhóm và kết nối với giáo viên</p>		
2(3)	<p>2.1. Các khái niệm cơ bản</p> <p>2.2. Dân số - cơ sở hình thành các nguồn nhân lực</p> <p>2.3. Phân bổ nguồn nhân lực giữa các ngành, khu vực, lãnh thổ</p> <p>2.4. Dự báo nguồn nhân lực và xu hướng phân bổ nguồn nhân lực</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phát vấn: Gv đặt câu hỏi cho học viên trả lời và ngược lại (nếu có) - Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide - Trao đổi: Tác động của dân số đến phát triển nguồn nhân lực - Hướng dẫn tương tác với học viên qua hệ thống quản trị LMS 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo. - Lập email group của từng nhóm / hoặc ứng dụng CNTT để tạo group khác của nhóm và kết nối với giáo viên 	<p>CLO 1.2</p> <p>CLO 2.1</p> <p>CLO4.1</p> <p>CLO4.2</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A1.3</p> <p>A2.1</p>
3(3)	<p>3.1. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực - yếu tố quyết định tăng trưởng và phát triển kinh tế</p> <p>3.2. Đào tạo công nhân kỹ thuật</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phát vấn: Gv đặt câu hỏi cho học viên trả lời và ngược lại (nếu có) - Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo. - Lập email group của từng nhóm / hoặc ứng dụng CNTT 	<p>CLO 1.2</p> <p>CLO 2.1</p> <p>CLO4.1</p> <p>CLO4.2</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A1.3</p> <p>A2.1</p>

	<p>3.3. Đào tạo cán bộ chuyên môn</p> <p>3.4. Đánh giá hiệu quả đào tạo</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trao đổi: Vai trò của đào tạo nguồn nhân lực - Hướng dẫn tương tác với học viên qua hệ thống quản trị LMS 	<p>để tạo group khác của nhóm và kết nối với giáo viên</p>		
4(3)	<p>4.1. Cung lao động và các nhân tố ảnh hưởng</p> <p>4.2. Cầu lao động và các nhân tố ảnh hưởng</p> <p>4.3. Cân bằng thị trường lao động</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phát vấn: Gv đặt câu hỏi cho học viên trả lời và ngược lại (nếu có) - Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide - Trao đổi: Vai trò của thị trường lao động - Hướng dẫn tương tác với học viên qua hệ thống quản trị LMS 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo. - Lập email group của từng nhóm / hoặc ứng dụng CNTT để tạo group khác của nhóm và kết nối với giáo viên 	<p>CLO 1.2</p> <p>CLO 2.1</p> <p>CLO4.1</p> <p>CLO4.2</p>	A1.1
5(3)	<p>5.1. Khái niệm, chỉ tiêu năng suất lao động</p> <p>5.2. Các nhân tố và điều kiện nâng cao năng suất lao động</p> <p>5.3. Khả năng tiềm tàng nâng cao năng suất lao động</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phát vấn: Gv đặt câu hỏi cho học viên trả lời và ngược lại (nếu có) - Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide - Trao đổi: Áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào nâng 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo. - Lập email group của từng nhóm / hoặc ứng dụng CNTT để tạo group khác của nhóm và kết nối với giáo viên 	<p>CLO 1.2</p> <p>CLO 2.1</p> <p>CLO4.1</p> <p>CLO4.2</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A1.3</p> <p>A2.1</p>

	<p>5.4. Áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào nâng cao năng suất lao động</p> <p>5.5. Lập kế hoạch và quản lý năng suất lao động</p>	<p>cao năng suất lao động</p> <p>- Hướng dẫn tương tác với học viên qua hệ thống quản trị LMS</p>			
6(3)	<p>6.1. Các khái niệm cơ bản</p> <p>6.2. Các mô hình lý thuyết tạo việc làm cho người lao động</p> <p>6.3. Các nhân tố ảnh hưởng tới tạo việc làm, thu nhập, đời sống dân cư</p> <p>6.4. Xác định hiệu quả của tạo việc làm</p> <p>6.5. Tình hình và phương hướng tạo việc làm cho người lao động ở nước ta</p>	<p>- Phát vấn: Gv đặt câu hỏi cho học viên trả lời và ngược lại (nếu có)</p> <p>- Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide</p> <p>- Trao đổi: Các nhân tố ảnh hưởng tới tạo việc làm, thu nhập, đời sống dân cư</p> <p>- Hướng dẫn tương tác với học viên qua hệ thống quản trị LMS</p>	<p>- Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo.</p> <p>- Lập email group của từng nhóm / hoặc ứng dụng CNTT để tạo group khác của nhóm và kết nối với giáo viên</p>	<p>CLO 1.2</p> <p>CLO 2.1</p> <p>CLO4.1</p> <p>CLO4.2</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A1.3</p> <p>A2.1</p>
7(3)	<p>7.1. Bản chất tiền lương trong nền kinh tế thị trường</p> <p>7.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến tiền lương của người lao động</p>	<p>- Phát vấn: Gv đặt câu hỏi cho học viên trả lời và ngược lại (nếu có)</p> <p>- Thuyết giảng kết hợp với bài</p>	<p>- Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo.</p> <p>- Lập email group của từng nhóm / hoặc</p>	<p>CLO 1.2</p> <p>CLO 2.1</p> <p>CLO4.1</p> <p>CLO4.2</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A1.3</p> <p>A2.1</p>

	<p>7.3. Những nguyên tắc cơ bản của tổ chức tiền lương</p> <p>7.4. Chính sách tiền lương</p> <p>7.5. Chế độ tiền lương</p> <p>7.6. Xây dựng và quản lý quỹ tiền lương trong các cơ quan, doanh nghiệp</p> <p>7.7. Các hình thức trả lương</p>	<p>giảng slide</p> <p>- Trao đổi: Chính sách tiền lương</p> <p>- Hướng dẫn tương tác với học viên qua hệ thống quản trị LMS</p>	<p>ứng dụng CNTT để tạo group khác của nhóm và kết nối với giáo viên</p>		
8(3)	<p>8.1. Bảo hiểm xã hội</p> <p>8.1.1. Một số chế độ bảo hiểm xã hội</p> <p>8.1.2. Quỹ bảo hiểm xã hội</p> <p>8.2. Thất nghiệp</p> <p>8.2.1. Thất nghiệp và các chỉ tiêu đo lường</p> <p>8.2.2. Hình thức và phân loại thất nghiệp</p>	<p>- Phát vấn: Gv đặt câu hỏi cho học viên trả lời và ngược lại (nếu có)</p> <p>- Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide</p> <p>- Trao đổi: Bảo hiểm xã hội</p> <p>- Hướng dẫn tương tác với học viên qua hệ thống quản trị LMS</p>	<p>- Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo.</p> <p>- Lập email group của từng nhóm / hoặc ứng dụng CNTT để tạo group khác của nhóm và kết nối với giáo viên</p>	<p>CLO 1.2</p> <p>CLO 2.1</p> <p>CLO4.1</p> <p>CLO4.2</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A1.3</p> <p>A2.1</p>

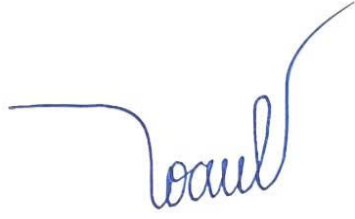
8. Ngày phê duyệt:

9. Cấp phê duyệt:

Trưởng đơn vị cấp 2

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2022

Trưởng đơn vị cấp 3

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Oanh' with a stylized flourish above it.

PGS.TS. Thái Thị Kim Oanh

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Sao Mai' with a long horizontal stroke extending to the right.

TS. Lê Vũ Sao Mai

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT
HỌC PHẦN: QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG
Ngành đào tạo: THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

1. Giảng viên 1: Đặng Thành Cương

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính - Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Vào giờ hành chính tại trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa TCNH, trường Kinh tế, Đại học Vinh

Điện thoại: 0914.792.688 Email: cuongdt@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Tài chính, Ngân hàng

2. Giảng viên 2: Nguyễn Thị Thu Cúc

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên cao cấp – PGS - Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Vào giờ hành chính tại trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa TCNH, trường Kinh tế, Đại học Vinh

Điện thoại: 0932.341.888 Email: cucntt@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Tài chính, Ngân hàng

3. Giảng viên 3: Trần Thị Lưu Tâm

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên - Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Vào giờ hành chính tại trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa TCNH, trường Kinh tế, Đại học Vinh

Điện thoại: 0985.824.777 Email: tamtll@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Tài chính, Ngân hàng

4. Giảng viên 4: Hoàng Thị Thanh Huyền

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên - Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Vào giờ hành chính tại trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa TCNH, trường Kinh tế, Đại học Vinh

Điện thoại: 0986.310.435 Email: huyenhtt@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Tài chính, Ngân hàng

5. Giảng viên 5: Nguyễn Thị Bích Thủy

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên- Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Vào giờ hành chính tại trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa TCNH, trường Kinh tế, Đại học Vinh

Điện thoại: 0981.168.888 Email: bichthuy@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Tài chính, Ngân hàng

6. Giảng viên 6: Hoàng Thị Việt

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên - Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Vào giờ hành chính tại trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa TCNH, trường Kinh tế, Đại học Vinh

Điện thoại: 0984.468.660 Email: cuongdt@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Tài chính, Ngân hàng

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG (tiếng Anh): Public finance management
- Mã số học phần:
- Thuộc CTĐT ngành: Quản lý kinh tế
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung <input type="checkbox"/> Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn
- Số tín chỉ: 3 + Số tiết lý thuyết: 30 + Số tiết thảo luận/bài tập: 15 + Số tiết thực hành: 0

+ Số tiết tự học: 90	
- Điều kiện đăng ký học:	
+ Học phần tiên quyết:	Mã số HP:
+ Học phần học trước:	Mã số HP:
- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:	
+ Thời gian tối thiểu học viên phải tham gia học: 80% thời gian học trên lớp và Elearning.	
+ Học viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo... (tối thiểu có 2 bài tập và 1 bài thảo luận) qua hệ thống LMS	
- Bộ môn phụ trách học phần: Khoa Tài chính – Ngân hàng	
Điện thoại:	Email:

2. Mô tả học phần

Quản lý tài chính công là một học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý kinh tế.

Học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu về quản lý tài chính công. Từ đó, giúp người học có khả năng tổ chức thực hiện, đưa ra giải pháp, kiến nghị nhằm cải tiến các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý tài chính công trong thực tiễn.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần này, người học cần nắm được khái niệm, mục tiêu, các công cụ quản lý tài chính công; xác định được quy trình quản lý NSNN, các quỹ tài chính ngoài NSNN và quản lý nợ công. Vận dụng các nghiệp vụ quản lý đó vào giải quyết có hiệu quả các vấn đề thực tiễn quản lý tài chính công. Có năng lực đánh giá các hoạt động quản lý tài chính công, từ đó đề xuất giải pháp phù hợp với bối cảnh kinh tế xã hội.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1,...)

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo			
	PLO1.1	PLO2.1	PO2.2	PLO4.2
	1.1.2	2.1.1	2.2.1	4.2.1
CLO1.1	1			
CLO2.1		1		
CLO2.2			1	
CLO4.2				1

Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo phân nhiệm cho học phần Quản lý tài chính công

Ký hiệu CĐR	CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA CTĐT	TĐNL
1.1.	Áp dụng được kiến thức về quản lý tài chính công để đánh giá, ra quyết định giải quyết các vấn đề quản lý kinh tế	K3
2.1	Áp dụng kỹ năng tìm kiếm, thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và đề xuất giải pháp quản lý tài chính công	S3
2.2	Sử dụng kỹ năng chuyển đổi số và công nghệ số trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	S3
4.2	Đề xuất được các vấn đề quản lý tài chính công ứng dụng trong lĩnh vực quản lý kinh tế	C3

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
1.1.	3	Áp dụng được kiến thức về quản lý tài chính công để đánh giá, ra quyết định giải quyết các vấn đề quản lý kinh tế	Thuyết trình; Thảo luận, Nghiên cứu tình huống	Tự luận
2.1	3	Áp dụng kỹ năng tìm kiếm, thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và đề xuất giải pháp quản lý tài chính công	Thuyết trình; Thảo luận, Nghiên cứu tình huống, Đồ án cá nhân	Tự luận

2.2	3	Sử dụng kỹ năng chuyển đổi số và công nghệ số trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	Nghiên cứu tình huống; Thảo luận, Dạy tự nghiên cứu	Tự luận
4.2	3	Đề xuất được các vấn đề quản lý tài chính công ứng dụng trong lĩnh vực quản lý kinh tế	Thuyết trình; Thảo luận, Nghiên cứu tình huống, Đồ án cá nhân	Tự luận

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				50%
A1.1	Chuyên cần thái độ	Rubric 1		10%
A1.2	Thảo luận (câu hỏi, thực hiện trên hệ thống elearning)	Đáp án, Rubric 2	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2	10%
A1.3	Bài tập (câu hỏi, thực hiện trên hệ thống elearning)	Đáp án, Rubric 2	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2	30%
A2. Đánh giá cuối kỳ (Đồ án môn học)				50%
A.2	Đồ án	Rubric 3	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO4.2	50%

Công thức tính điểm tổng kết: $A1.1*0.1+A1.2*0.1+A1.3*0,3+A2*0.5$				

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

5.2.1. Bộ tiêu chí đánh giá học tập thường xuyên

Rubric 1: Tiêu chí đánh giá chuyên cần thái độ

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Tham gia lớp học	Vắng 0 tiết học	Vắng dưới 5% tiết học	Vắng 5-10% tiết học	Vắng 10-20% tiết học	Vắng học quá 20% tiết học (trên 2 buổi)	35%
Học bài Elearning	85-100%	70-84%	55-69%	40-54%	0-39%	35%
Tham gia các hoạt động trên lớp (phát biểu, trình bày báo cáo,...)	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Không tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Không tham gia hoạt động tại lớp	30%

5.2.2. Bộ tiêu chí đánh giá bài thảo luận và bài tập

Rubric 2: Đánh giá bài thảo luận và bài tập

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung	- Cấu trúc đảm bảo yêu cầu, logic, rõ	- Các ý tưởng, khái	- Các ý tưởng, khái	- Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử	Không có nội dung hoặc nội	90%

	<p>ràng, mạch lạc, chặt chẽ và thống nhất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các ý tưởng, khái niệm là rất phù hợp chủ đề đề án - Sử dụng bằng chứng, ví dụ rõ ràng, sinh động, thời sự và đáng tin cậy - Xác định và phân tích sâu sắc các vấn đề cần giải quyết 	<p>niệm phù hợp chủ đề đề án</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. - Sử dụng bằng chứng, ví dụ rõ ràng, thời sự và đáng tin cậy. - Xác định và phân tích được các vấn đề cần giải quyết 	<p>niệm phù hợp chủ đề đề án</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ chưa rõ ràng. - Sử dụng bằng chứng, ví dụ chưa đảm bảo sự rõ ràng, thời sự và đáng tin cậy 	<p>dụng thuật ngữ chưa rõ ràng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa sử dụng bằng chứng minh hoạ cho nội dung yêu cầu 	<p>dung không phù hợp với yêu cầu, hoặc sao chép từ tài liệu cũ</p>	
Hình thức	<p>Đạt tất cả các yêu cầu về định dạng và bố cục của bài viết; căn lề, cách đoạn, giãn dòng đúng yêu cầu; bài viết trình bày rõ ràng, các phân đoạn kết nối đúng, hình thức trình bày chuyên nghiệp.</p>	<p>Đạt phần lớn các yêu cầu về định dạng và bố cục của bài viết; căn lề, cách đoạn, giãn dòng đúng yêu cầu; bài viết trình bày rõ ràng và các phân đoạn kết nối đúng</p>	<p>Đạt các yêu cầu về định dạng và bố cục của bài viết; căn lề, cách đoạn, giãn dòng nhìn chung đúng yêu cầu; bài viết trình bày rõ ràng nhưng vài phân đoạn chưa được kết nối đúng.</p>	<p>Không đáp ứng các yêu cầu về định dạng và bố cục của bài viết; căn lề, cách đoạn, giãn dòng sai yêu cầu; trình bày không rõ ràng.</p>	<p>Không chỉnh sửa văn bản, trình bày câu thả.</p>	10%

5.2.3. Bộ tiêu chí đánh giá tiểu luận

Rubric 3: Đánh giá tiểu luận

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung	- Cấu trúc đảm bảo yêu	- Các ý tưởng, khái	- Các ý tưởng, khái	- Nội dung phù hợp với	Không có nội dung	80%

	<p>câu, logic, rõ ràng, mạch lạc, chặt chẽ và thống nhất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các ý tưởng, khái niệm là rất phù hợp chủ đề tiểu luận - Sử dụng bằng chứng, ví dụ rõ ràng, sinh động, thời sự và đáng tin cậy - Xác định và phân tích sâu sắc các vấn đề cần giải quyết 	<p>niệm phù hợp chủ đề tiểu luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. - Sử dụng bằng chứng, ví dụ rõ ràng, thời sự và đáng tin cậy. - Xác định và phân tích được các vấn đề cần giải quyết 	<p>niệm phù hợp chủ đề tiểu luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ chưa rõ ràng. - Sử dụng bằng chứng, ví dụ chưa đảm bảo sự rõ ràng, thời sự và đáng tin cậy 	<p>yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ chưa rõ ràng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa sử dụng bằng chứng minh hoạ cho nội dung yêu cầu 	<p>hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu, hoặc sao chép từ tài liệu cũ</p>	
Hình thức	<p>Đạt tất cả các yêu cầu về định dạng và bố cục của bài viết; căn lề, cách đoạn, giãn dòng đúng yêu cầu; bài viết trình bày rõ ràng, các phân đoạn kết nối đúng, hình thức trình bày chuyên nghiệp.</p>	<p>Đạt phần lớn các yêu cầu về định dạng và bố cục của bài viết; căn lề, cách đoạn, giãn dòng đúng yêu cầu; bài viết trình bày rõ ràng và các phân đoạn kết nối đúng</p>	<p>Đạt các yêu cầu về định dạng và bố cục của bài viết; căn lề, cách đoạn, giãn dòng nhìn chung đúng yêu cầu; bài viết trình bày rõ ràng nhưng vài phân đoạn chưa được kết nối đúng.</p>	<p>Không đáp ứng các yêu cầu về định dạng và bố cục của bài viết; căn lề, cách đoạn, giãn dòng sai yêu cầu; trình bày không rõ ràng.</p>	<p>Không chỉnh sửa văn bản, trình bày cầu thả.</p>	20%

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

[1] Phạm Văn Khoan, Hoàng Thị Thúy Nguyệt “*Giáo trình Lý thuyết Quản lý tài chính công*”, NXB Tài chính, 2010.

[2] Bùi Tiến Hanh, Phạm Thị Hoàng Phương, “*Quản lý tài chính công*”, NXB Tài chính, 2016.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[3] Sử Đình Thành, Bùi Thị Mai Hoài, “*Lý thuyết Tài chính công*”, NXB Đại học Quốc gia TP HCM, 2009

[4] Lê Thị Kim Nhung, “*Tài chính công*”, NXB Thống kê, 2015

7. Kế hoạch dạy học

Chương 1: Tổng quan về tài chính công và quản lý tài chính công

1.1. Những vấn đề cơ bản về tài chính công

1.1.1 Khái niệm và đặc điểm tài chính công

1.1.2. Cơ cấu của tài chính công

1.1.3. Chức năng tài chính công

1.1.4. Vai trò tài chính công

1.2. Những vấn đề cơ bản về quản lý tài chính công

1.2.1. Khái niệm quản lý tài chính công

1.2.2. Đặc điểm quản lý tài chính công

1.2.3. Nội dung quản lý tài chính công

1.2.3. Tổ chức bộ máy quản lý tài chính công

Chương 2: Quản lý Ngân sách Nhà nước

2.1. Ngân sách nhà nước

2.1.1. Khái niệm và đặc điểm NSNN

2.1.2. Phân loại thu, chi NSNN

2.2. Quản lý chu trình NSNN

2.2.1. Nguyên tắc quản lý NSNN

2.2.2. Phân cấp quản lý NSNN

2.2.3. Quản lý chu trình NSNN

2.3. Quản lý thu NSNN

2.3.1. Khái niệm quản lý thu NSNN

2.3.2. Quản lý thu thuế

2.3.3. Quản lý thu phí và lệ phí

2.3.4. Quản lý các khoản thu khác ngoài NSNN

2.4. Quản lý chi NSNN

2.4.1. Quản lý chi thường xuyên của Ngân sách Nhà nước

2.4.2. Quản lý chi đầu tư phát triển của Ngân sách Nhà nước

2.5. Quản lý cân đối NSNN

2.5.1. Khái niệm cân đối ngân sách nhà nước

2.5.2. Cách tính bội chi ngân sách nhà nước

2.5.3. Nguyên nhân bội chi ngân sách nhà nước

2.5.4. Giải pháp bù đắp bội chi ngân sách nhà nước

Chương 3: Quản lý nợ công

3.1. Những vấn đề cơ bản về nợ công

3.1.1 Khái niệm nợ công

3.1.2. Các hình thức nợ công

3.2. Tổ chức quản lý nợ công

3.2.1. Mục tiêu của quản lý nợ công

3.2.2. Các nguyên tắc quản lý nợ công

3.2.3. Các công cụ quản lý nợ công

3.2.4. Quản lý rủi ro trong nợ công

Chương 4: Quản lý các quỹ tài chính công ngoài NSNN

4.1. Khái niệm, đặc điểm, phân loại các quỹ ngoài ngân sách nhà nước

4.1.1. Khái niệm, đặc điểm của các quỹ ngoài ngân sách nhà nước

4.1.2. Phân loại các quỹ ngoài ngân sách nhà nước

4.2. Quản lý một số quỹ ngoài ngân sách nhà nước ở Việt Nam

4.2.1. Quỹ Bảo hiểm xã hội

4.2.2. Quản lý tài chính quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam

4.2.3. Quản lý dự trữ quốc gia

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

TRƯỜNG KINH TẾ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN: QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH VÀ DỰ ÁN CÔNG

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: TS. Lê Vũ Sao Mai

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0983351184, levusaomai@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế, Kinh tế đầu tư

Giảng viên 2: TS. Nguyễn Thị Hải Yến

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0981171858, yennth@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế, Kinh tế chính trị

Giảng viên 3: TS. Trần Thị Thanh Thủy

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0983676450, thuyttt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế, Kinh tế chính trị

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH VÀ DỰ ÁN CÔNG (tiếng Anh): State program and project management
- Mã số học phần: TCPT (711)
- Thuộc CTĐT ngành: Quản lý kinh tế
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức đại cương <input type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn
- Số tín chỉ: 03 + Số tiết lý thuyết: + Số tiết thảo luận/bài tập: + Số tiết thực hành:

+ Số tiết thực hiện đồ án, dự án:	
+ Số tiết tự học:	
- Điều kiện đăng ký học:	
+ Học phần tiên quyết:	Mã số HP:
+ Học phần học trước:	Mã số HP:
- Yêu cầu của học phần:	
+ Thời gian tối thiểu học viên phải có mặt trên lớp:	
+ Học viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo... qua hệ thống LMS (Mục 5.1).	
+ Tham gia đầy đủ các bài thực hành.	
+...	
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế	
Điện thoại:	Email:

2. Mô tả học phần

Học phần thuộc kiến thức cơ sở cung cấp những kiến thức về quản lý chương trình và dự án công. Sử dụng các phương pháp truyền thống và hiện đại, sử dụng các thiết bị dạy học hiện đại

3. Mục tiêu học phần

Cung cấp cho học viên hệ thống kiến thức về quản lý các chương trình và dự án công. Học viên có thể vận dụng trong việc đánh giá hiệu quả và quản lý chi phí các chương trình và dự án đầu tư công.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

CLO1.1	Vận dụng kỹ năng tìm kiếm, phân tích dữ liệu về quản lý chương trình và dự án công
CLO2.1	Phân tích quá trình quản lý chương trình và dự án công

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CLO	PLO2.1	PLO4.2
	2.1.1	4.2.2
CLO1.1	x	
CLO2.1		x

Ghi chú:

- Theo ý 2, điểm a, khoản 2, điều 9 của Quyết định 2018/QĐ-ĐHV (Quy định đào tạo trình độ đại học), giảng viên xác định trọng số đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần cho chuẩn đầu ra CTĐT được phân nhiệm. Do đó, ở bảng trên, giảng viên thay dấu "✓" (Theo Hướng dẫn 04/HD-ĐHV) bằng trọng số đóng góp của chuẩn đầu ra học phần đó cho chuẩn đầu ra CTĐT được phân nhiệm. Ví dụ: CLO1.1 đóng góp 40% (0,4) và CLO1.2 đóng góp 60% (0,6) cho PLO1.1.1, tức là điểm của CLO1.1 chiếm 40% và điểm của CLO1.2 chiếm 60% cho điểm của PLO1.1.1 đạt được ở học phần này.

- Để tránh mâu thuẫn, mỗi chuẩn đầu ra CTĐT được phát triển thành 1 hoặc nhiều hơn 1 chuẩn đầu ra học phần; không phát triển theo hướng 1 chuẩn đầu ra học phần đáp ứng nhiều hơn 1 chuẩn đầu ra CTĐT.

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần (CLO)	Mức độ năng lực CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1				
CLO1.2				

Ghi chú:

- Ví dụ về phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu...

- Ví dụ về phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ cho bài đánh giá	Tỷ lệ cho học phần
A1. Đánh giá thường xuyên (tối thiểu 03 bài đánh giá)					50%
A1.1		- Rubric 1 - Bảng kiểm/	CLO...	...%	
			CLO...%	
			CLO...%	

		- Nhật ký...			
A1.2		- Rubric 2 - Bảng kiểm/ - Nhật ký			
A1.3		Rubric 3			
....					
A2. Đánh giá cuối kì					50%
A.2.1	Đánh giá chung của hội đồng đánh giá đề án/dự án	Rubric 4, Rubric 5, Rubric 6			
Công thức tính điểm học phần:					

Ghi chú:

- Theo khoản 3, điều 9 của Quyết định 2018/QĐ-ĐHV, điểm học phần bao gồm 2 nhóm điểm: điểm đánh giá thường xuyên (50%) và điểm đánh giá cuối kì (50%). Do đó, đề cương chi tiết cần xác định rõ tỷ lệ % của mỗi bài đánh giá cho tổng điểm học phần, sao cho các bài đánh giá thường xuyên chiếm 50% và các bài đánh giá cuối kì chiếm 50% (Cột tỷ lệ cho học phần).

- Theo ý 1, điểm c, khoản 2, điều 9 của Quyết định 2018/QĐ-ĐHV, bài đánh giá thể hiện rõ những CDR học phần được đánh giá và trọng số đóng góp của mỗi CDR cho bài đánh giá (Cột tỷ lệ cho bài đánh giá).

- Theo ý 2, điểm c, khoản 2, điều 9; điểm a, khoản 3, điều 9; khoản 8, điều 9; khoản 1, điều 10 của Quyết định 2018/QĐ-ĐHV, đề cương chi tiết học phần cần chỉ rõ nơi lưu giữ bài kiểm tra – đánh giá như: LMS, Trung tâm đảm bảo chất lượng...

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Ví dụ:

5.2.1. Rubric 1: Đánh giá bài A1.2

5.2.2. Rubric 2: Đánh giá bài A1.2

5.2.3. Rubric 3: Đánh giá bài A2.1

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

1. Từ Quang Phương (Chủ biên), *Quản lý dự án đầu tư*, Nxb Đại học KTQD, Hà Nội, tái bản lần thứ 3
2. Trần Thị Thu, Vũ Hoàng Ngân, *Giáo trình quản lý nguồn nhân lực trong các tổ chức công*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2013

Ghi chú: Không quá 02 tài liệu bắt buộc. Tài liệu bắt buộc phải có tính cập nhật (ít nhất có 01 cuốn xuất bản sau 2012) và có sẵn trên thị trường Việt Nam.

6.2. Tài liệu tham khảo:

3. Nguyễn Bạch Nguyệt, Từ Quang Phương, *Kinh tế đầu tư*, Nxb Thống Kê, Hà Nội, 2004
4. Luật Đầu tư công 2014, 2019

7. Kế hoạch dạy học

Lý thuyết

Tuần, số tiết	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu SV chuẩn bị	CDR học phần	Bài đánh giá
1(3)	Chương 1. Tổng quan về chương trình và dự án công (LT/BT/TH: 7/3/25) 1.1. Một số khái niệm cơ bản 1.1.1. Khái niệm đầu tư công 1.1.2. Vốn đầu tư công 1.1.3. Dự án đầu tư công 1.2. Các hình thức đầu tư công 1.2.1. Đầu tư theo các chương trình mục tiêu	<ul style="list-style-type: none">- Địa điểm:- Thuyết trình- Hướng dẫn làm bài tập- Hướng dẫn thảo luận- Hướng dẫn làm việc nhóm- Hướng dẫn nghiên cứu tình huống.....	<ul style="list-style-type: none">- Hoàn thành bài tập số... trên LMS- Chuẩn bị bài thuyết trình trên Powerpoint- Đọc tài liệu [x], trang yy-zz- Thực hiện yêu cầu đã giao cho nhóm trên LMS	CLO... CLO...	A...

	<p>1.2.2. Đầu tư theo các dự án công</p> <p>1.3. Vai trò của đầu tư công</p> <p>1.4. Chu kỳ thực hiện dự án đầu tư công</p> <p>1.4.1. Giai đoạn chuẩn bị đầu tư</p> <p>1.4.2. Giai đoạn thực hiện đầu tư</p> <p>1.4.3. Giai đoạn kết thúc xây dựng đưa dự án vào khai thác sử dụng</p> <p>1.5. Trình tự lập và trình duyệt một dự án đầu tư công</p> <p>1.5.1. Xác định mục đích, yêu cầu của việc lập dự án đầu tư</p> <p>1.5.2. Lập nhóm soạn thảo dự án đầu tư</p> <p>1.5.3. Các bước tiến hành nghiên cứu lập dự án đầu tư</p> <p>1.5.4. Trình duyệt, bảo vệ</p>				
--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--	--

<p>Chương 2. Tổ chức quản lý dự án đầu tư công</p> <p>2.1. Khái niệm và mục tiêu của quản lý dự án</p> <p> 2.1.1. Khái niệm quản lý dự án</p> <p> 2.1.2. Mục tiêu của quản lý dự án</p> <p>2.2. Các hình thức và mô hình tổ chức quản lý dự án</p> <p> 2.2.1. Mô hình chủ đầu tư trực tiếp quản lý thực hiện dự án</p> <p> 2.2.2. Mô hình chủ nhiệm điều hành dự án</p> <p> 2.2.3. Mô hình chìa khoá trao tay</p> <p> 2.2.4. Mô hình quản lý dự án đầu tư theo chức năng</p> <p> 2.2.5. Mô hình tổ chức chuyên trách quản lý dự án</p> <p> 2.2.6. Mô hình quản lý dự án theo ma trận</p> <p>2.3. Cán bộ quản lý dự án đầu tư</p>				
-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--	--

	<p>2.3.1. Chức năng của cán bộ quản lý dự án đầu tư</p> <p>2.3.2. Kỹ năng của cán bộ quản lý dự án đầu tư</p>				
	<p>Chương 3. Quản lý thời gian và tiến độ của dự án đầu tư công</p> <p>3.1. Mạng công việc</p> <p>3.2. Kỹ thuật tổng quan đánh giá dự án và phương pháp đường găng</p> <p>3.3. Phương pháp biểu đồ GANTT</p>				
	<p>Chương 4. Đánh giá hiệu quả dự án đầu tư công</p> <p>4.1. Công thức tính chuyển</p> <p>4.1.1. Công thức tính chuyển đơn</p> <p>4.1.2. Công thức tính chuyển đều</p> <p>4.2. Các phương pháp đánh giá dự án đầu tư công</p> <p>4.2.1. Giá trị hiện tại ròng</p>				

	4.2.2. Suất sinh lợi nội tại IRR				
	4.2.3. Tỷ số lợi ích trên chi phí				

8. Ngày phê duyệt:

9. Cấp phê duyệt:

Trưởng đơn vị cấp 2



PGS.TS. Thái Thị Kim Oanh

Trưởng đơn vị cấp 3



TS. Lê Vũ Sao Mai

QUẢN LÝ KHỦNG HOẢNG

Crisis management

Dự kiến cán bộ giảng dạy: PGS.TS. Nguyễn Thị Ngọc Huyền

TS. Nguyễn Thị Thu Cúc

TS. Đặng Thành Cường

1. Tên môn học: QUẢN LÝ KHỦNG HOẢNG - 3(2,1)

2. Mã số môn học: QHKH - 714

3. Số tín chỉ: 03

4. Bộ môn phụ trách: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế

5. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 30 tiết

- Thực hành, Xemina, bài tập: 15 tiết

- Tự học: 90 giờ

6. Mô tả tóm tắt học phần: Vị trí của học phần: Đây là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành tự chọn của chương trình cao học Quản lý kinh tế. Yêu cầu học viên có kiến thức về Quản lý tổ chức, Kỹ năng quản lý, Quản lý nhà nước về kinh tế; quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hóa và các kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá.

7. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho học viên những kỹ năng cơ bản và chuyên sâu về quá trình xử lý khủng hoảng, quản lý các vấn đề về khủng hoảng trong tổ chức, công tác phòng ngừa khủng hoảng, truyền thông khủng hoảng, lập kế hoạch quản lý khủng hoảng.

8. Nội dung môn học: QUẢN LÝ KHỦNG HOẢNG - 3(2,1)

Chương 1

TỔNG QUAN VỀ KHỦNG HOẢNG VÀ QUẢN LÝ KHỦNG HOẢNG

1.1. XUNG ĐỘT VÀ KHỦNG HOẢNG

1.1.1. Xung đột và vấn đề

1.1. 2. Khủng hoảng và truyền thông

1.2. QUẢN LÝ XUNG ĐỘT VÀ KHỦNG HOẢNG

1.2.1. Quản lý xung đột và vấn đề

1.2.2. Quản lý khủng hoảng

1.2.3. Truyền thông khủng hoảng

1.3. PHÂN BIỆT KHỦNG HOẢNG VÀ VẤN ĐỀ

Chương 2

QUY TRÌNH QUẢN LÝ KHỦNG HOẢNG

2.1. QUY TRÌNH QUẢN LÝ KHỦNG HOẢNG 2P2R

2.1.1. Phòng ngừa - Prevention

2.1.2. Chuẩn bị - Preparation

2.1.3. Phản ứng- Response

2.1.4. Hồi phục - Recovery

2.2. QUẢN LÝ TRƯỚC KHỦNG HOẢNG

2.2.1. Công tác phòng ngừa / dự báo

2.2.2. Hành động chuẩn bị

2.2.3. Ban quản lý khủng hoảng

2.2.4. Xây dựng kế hoạch

2.2.5. Đánh giá công tác chuẩn bị/ diễn tập

2.3. QUẢN LÝ TRONG KHỦNG HOẢNG

2.3.1. Ứng phó

2.3.2. Giải quyết khủng hoảng

2.3.3. Truyền thông khủng hoảng

2.4. QUẢN LÝ SAU KHỦNG HOẢNG

2.4.1. Đánh giá tác động của khủng hoảng tới các nhóm công chúng

2.4.2. Xây dựng các chiến lược, chính sách hoạt động cũng như truyền thông để phục hồi và phát triển

2.4.3. Đánh giá công tác đối phó khủng hoảng và hoàn thiện kế hoạch

Chương 3

XỬ LÝ KHỦNG HOẢNG VÀ NGUYÊN TẮC TRONG XỬ LÝ KHỦNG HOẢNG

3.1. CÁC BƯỚC TRONG XỬ LÝ KHỦNG HOẢNG

3.1.1. Thiết lập nhóm xử lý khủng hoảng

3.1.2. Cách ly thông tin, tìm nguyên nhân

3.1.3. Công tác báo chí và các cấp chính quyền

3.1.4. Tiến trình xử lý luôn mang lợi ích cộng đồng

3.1.5. Xây dựng kịch bản bảo đảm phát ngôn nhất quán

3.1.6. Đánh giá và rút ra bài học cho doanh nghiệp

3.2. NGUYÊN TẮC TRONG XỬ LÝ KHỦNG HOẢNG

3.2.1. Nguyên tắc trong giải quyết khủng hoảng

3.2.2. Nguyên tắc trong truyền thông khủng hoảng

Chương 4

QUẢN LÝ KHỦNG HOẢNG TRUYỀN THÔNG

4.1. NHẬN DIỆN NGUY CƠ VÀ KHỦNG HOẢNG TRUYỀN THÔNG

4.1.1. Nhận diện các nguy cơ khủng hoảng truyền thông

4.1.2. Các vấn đề khủng hoảng truyền thông

4.2. ĐẶC ĐIỂM CỦA KHỦNG HOẢNG TRUYỀN THÔNG

4.3. CÁC GIAI ĐOẠN CỦA KHỦNG HOẢNG TRUYỀN THÔNG

4.4. CÁC KỸ THUẬT TRUYỀN THÔNG KHI GẶP KHỦNG HOẢNG

4.5. CÁC NGUYÊN LÝ TRUYỀN THÔNG KHI GẶP KHỦNG HOẢNG

4.5.1. Các điều nên và không nên làm khi gặp khủng hoảng

4.5.2. Các nguyên lý truyền thông khi gặp khủng hoảng

9. Số tiết phân bổ:

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Thảo luận	Tự học
Chương 1	3	2	20
Chương 2	7	5	25
Chương 3	5	4	25
Chương 4	5	4	20
Tổng cộng:	20	15	90

10. Tài liệu tham khảo:

10.1. Tài liệu tham khảo chính

1. Đoàn Thị Hồng Vân, *Giáo trình Quản trị rủi ro và khủng hoảng*, NXB Lao động và xã hội, 2007.

2. GS. Trần Văn Thọ và các tác giả, *Khủng hoảng kinh tế toàn cầu và giải pháp của Việt Nam*, NXB Tổng hợp Tp.Hồ Chí Minh, 2006

10.2. Tài liệu tham khảo

1. International Finance Corporation, *Cẩm nang Vượt qua khủng hoảng*, World bank group, 2012

2. Peter F. Drucker, Dịch giả Hải Ninh, *Quản trị trong thời khủng hoảng*, Nhà xuất bản ĐH Kinh tế quốc dân

3. Nguyễn Hoàng Sinh, *Bài giảng Quản lý khủng hoảng*, Trường Đại học Curtin Australia, 2013.

4. First News, *Quản lý khủng hoảng*, NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2007.

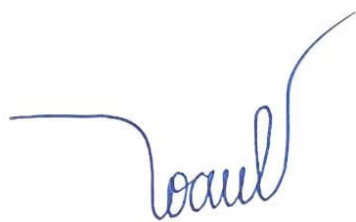
5. Hoảng loạn, hỗn loạn và cuồng loạn : Gần 400 năm lịch sử các cuộc khủng hoảng tài

chính / Charles P. Kindleberger, Robert Z. Aliber; Người dịch: Thu Loan, Quốc Anh, NXB
Tri thức, 2003.

11. Phương pháp đánh giá môn học:

- Điểm chuyên cần, thái độ: 20%
- Điểm kiểm tra giữa học phần: 30%
- Thi kết thúc môn học hoặc tiểu luận: 50%

Trưởng đơn vị cấp 2



PGS.TS. Thái Thị Kim Oanh

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2022

Trưởng đơn vị cấp 3



TS. Lê Vũ Sao Mai

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

TRƯỜNG KINH TẾ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN: KỸ NĂNG QUẢN LÝ

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: TS. Trần Thị Hoàng Mai

Địa chỉ liên hệ: Văn phòng Khoa Kinh tế, Tầng 1 Nhà A0

Điện thoại, email: 0917118846, maitth@vinhuni.edu.vn,
tranhoangmaidhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý kinh tế, Kinh tế quốc tế

Giảng viên 2: TS. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh

Địa chỉ liên hệ: Văn phòng Khoa Kinh tế, Tầng 1 Nhà A0

Điện thoại, email: 09122923433; ntquynh83@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý kinh tế, Kinh tế quốc tế

Giảng viên 2: PGS.TS. Đỗ Thị Phi Hoài

Địa chỉ liên hệ: Văn phòng Khoa Quản trị kinh doanh, Tầng 2 Nhà A0

Điện thoại, email: 09122923433; hoaidtp@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý kinh tế và chính sách, quản trị kinh doanh

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Kỹ năng quản lý (tiếng Anh): Management Skill		
- Mã số học phần:		
- Thuộc CTĐT ngành: Kinh tế học (CN Quản lý kinh tế)		
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:		
<input type="checkbox"/> Kiến thức đại cương	<input type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung	
<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input type="checkbox"/> Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án	
<input type="checkbox"/> Kiến thức ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần:	Bắt buộc	Tự chọn

- Số tín chỉ:3 + Số tiết lý thuyết: 30 + Số tiết thảo luận/bài tập:15 + Số tiết thực hành: + Số tiết thực hiện đồ án, dự án: + Số tiết tự học: 90	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: Mã số HP: + Học phần học trước: Mã số HP:	
- Yêu cầu của học phần: + Thời gian tối thiểu học viên phải có mặt trên lớp: + Học viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo... qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. +...	
- Khoa phụ trách học phần: Kinh tế Điện thoại: Email:	

2. Mô tả học phần

Đây là học phần thuộc phần kiến thức cơ sở tự chọn. Học phần này được thiết kế nhằm trang bị những kiến thức nâng cao về các kỹ năng quản lý như: tự nhận thức, quản trị căng thẳng cá nhân, giải quyết vấn đề theo kiểu phân tích và sáng tạo, kỹ năng huấn luyện, tư vấn và truyền thông hỗ trợ; hiểu rõ tầm quan trọng và sự cần thiết phải tạo dựng quyền lực và ảnh hưởng; vai trò của động cơ thúc đẩy, cách thức quản lý xung đột, xây dựng và làm việc nhóm hiệu quả.

3. Mục tiêu học phần

Môn học rèn luyện kỹ năng quản lý, một lĩnh vực kỹ năng tác dụng hữu ích trong phạm vi đa dạng các tổ chức, giúp người học có khả năng thể hiện hành vi hiệu quả thực tiễn cuộc sống, hoạt động kinh doanh và phát triển nghề nghiệp. Môn học giúp người học nhận diện kỹ năng thông qua các trắc nghiệm, hiểu biết và định hướng thay đổi hành vi thông qua việc học tập các hành vi phù hợp với tính hiệu quả trong các lĩnh vực kỹ năng, giúp người học rèn luyện nâng cao kỹ năng quản lý.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1...)

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CDR học phần	Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	PLO1.2	PLO2.2
	1.2.1	2.2.1
CLO1	1	
CLO2		1

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần (CLO)	Mức độ năng lực CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K4	Vận dụng được kiến thức chuyên sâu, tiên tiến về quản lý để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn quản lý tổ chức	Thuyết trình Thảo luận, Làm việc nhóm, Nghiên cứu tình huống	Tự luận Bài tập lớn
CLO2.1	A4	Tham mưu, tư vấn hỗ trợ phân tích đánh giá các vấn đề trong thực tiễn quản lý tổ chức một cách chuyên nghiệp	Thuyết trình Thảo luận, Làm việc nhóm, Nghiên cứu tình huống	Tự luận Bài tập lớn

Ghi chú:

- Ví dụ về phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu...

- Ví dụ về phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ cho bài đánh giá	Tỷ lệ cho học phần
A1. Đánh giá thường xuyên (tối thiểu 03 bài đánh giá)					50%
A1.1		- Rubric 1	CLO...	...%	
		- Bảng kiểm/	CLO...%	
		- Nhật ký...	CLO...%	
A1.2		- Rubric 2			
		- Bảng kiểm/			
		- Nhật ký			
A1.3		Rubric 3			
....					
A2. Đánh giá cuối kì					50%
A.2.1	Đánh giá chung của hội đồng đánh giá đề án/dự án	Rubric 4, Rubric 5, Rubric 6			

Công thức tính điểm học phần:

Ghi chú:

- Theo khoản 3, điều 9 của Quyết định 2018/QĐ-ĐHV, điểm học phần bao gồm 2 nhóm điểm: điểm đánh giá thường xuyên (50%) và điểm đánh giá cuối kì (50%). Do đó, đề cương chi tiết cần xác định rõ tỷ lệ % của mỗi bài đánh giá cho tổng điểm học phần, sao cho các bài đánh giá thường xuyên chiếm 50% và các bài đánh giá cuối kì chiếm 50% (Cột tỷ lệ cho học phần).

- Theo ý 1, điểm c, khoản 2, điều 9 của Quyết định 2018/QĐ-ĐHV, bài đánh giá thể hiện rõ những CDR học phần được đánh giá và trọng số đóng góp của mỗi CDR cho bài đánh giá (Cột tỷ lệ cho bài đánh giá).

- Theo ý 2, điểm c, khoản 2, điều 9; điểm a, khoản 3, điều 9; khoản 8, điều 9; khoản 1, điều 10 của Quyết định 2018/QĐ-ĐHV, đề cương chi tiết học phần cần chỉ rõ nơi lưu giữ bài kiểm tra – đánh giá như: LMS, Trung tâm đảm bảo chất lượng...

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Ví dụ:

5.2.1. Rubric 1: Đánh giá bài A1.2

5.2.2. Rubric 2: Đánh giá bài A1.2

5.2.3. Rubric 3: Đánh giá bài A2.1

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

[1] John C. Maxwell; Biên dịch: Nguyễn Thị Kim Oanh, Phát triển kỹ năng lãnh đạo, NXB Lao động Xã hội, 2007.

[2] Hoàng Văn Hải, Ra quyết định quản trị, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014..

6.2. Tài liệu tham khảo:

[3] Quang Hưng, Minh Đức, Quản lý doanh nghiệp những kinh nghiệm kinh điển, NXB Lao động - Xã hội, 2008.

[4] TS. Nguyễn Quốc Tuấn, ThS. Nguyễn Thị Loan, Phát triển kỹ năng quản trị, NXB Tài chính, 2006.

[5] Lawrence Holpp, Quản lý nhóm, NXB Lao động - Xã hội, 2008.

7. Kế hoạch dạy học

Lý thuyết

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu học viên chuẩn bị	CDR học phần	Bài đánh giá
1	Chương 1. TỰ NHẬN THỨC 1.1. Tầm quan trọng của sự tự nhận thức	Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide - Diễn cứu:	Làm bài tập tình huống do giảng viên cung cấp Thảo luận nhóm về nội dung do	CLO1.1 CLO2.1	A...

	<p>1.2. Điều thâm kín của tự nhận thức</p> <p>1.3. Hiểu rõ và chấp nhận sự khác biệt giữa các cá nhân</p> <p>1.4. Các yếu tố cốt lõi của tự nhận thức</p>	<p>đưa ra một số tình huống điển hình trên thực tế về các nội dung của chương.</p>	<p>giảng viên cung cấp</p>		
2	<p>Chương 2. QUẢN LÝ SỰ CĂNG THẲNG</p> <p>2.1. Tăng cường hiệu quả cá nhân thông qua quản lý sự căng thẳng</p> <p>2.2. Quản lý stress</p> <p>2.3. Hạn chế stress</p> <p>2.4. Xây dựng sự phục hồi để kiểm soát stress</p> <p>2.5. Các kỹ thuật làm giảm stress tạm thời</p>	<p>Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide</p> <p>- Diễn cứu: đưa ra một số tình huống điển hình trên thực tế về các nội dung của chương</p>	<p>Bài tập tình huống do giảng viên cung cấp.</p> <p>Thảo luận nhóm về nội dung do giảng viên cung cấp</p>	<p>CLO1.1</p> <p>CLO2.1</p>	
3	<p>Chương 3. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ MỘT CÁCH SÁNG TẠO</p> <p>3.1. Giải quyết vấn đề sáng tạo và cải tiến</p> <p>3.2. Quá trình giải quyết vấn đề thông thường</p> <p>3.3. Hạn chế của mô hình giải quyết vấn đề thông thường</p>	<p>Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide</p> <p>- Diễn cứu: đưa ra một số tình huống điển hình trên thực tế về các nội dung của chương</p>	<p>- Thuyết trình. Đánh giá hiệu quả giải quyết vấn đề từ thực tiễn công tác quản lý của một tổ chức mà anh chị biết?</p> <p>- Bài tập tình huống do giảng viên cung cấp</p>	<p>CLO1.1</p> <p>CLO2.1</p>	

	<p>3.4. Tính kiên định</p> <p>3.5. Cam kết</p> <p>3.6. Sự cô đọng ý tưởng</p> <p>3.7. Tự mãn</p> <p>3.8. Các giai đoạn trong tư duy sáng tạo</p> <p>3.9. Các phương pháp cải thiện việc xác định vấn đề</p> <p>3.10. Tập hợp nhiều phương án</p> <p>3.11. Những gợi ý để áp dụng kỹ thuật giải quyết vấn đề</p> <p>3.12. Những nguyên lý quản lý để tạo sự đổi mới</p>				
4	<p>Chương 4. HUẤN LUYỆN, TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG HIỆU QUẢ</p> <p>4.1. Tầm quan trọng của truyền thông hiệu quả</p> <p>4.1.1. Tập trung vào độ chính xác</p> <p>4.1.2. Truyền thông hỗ trợ</p> <p>4.2. Huấn luyện và tư vấn</p>	<p>Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide</p> <p>- Diễn cứu: đưa ra một số tình huống điển hình trên thực tế về các nội dung của chương.</p>	<p>Thảo luận nhóm về chủ đề do giảng viên cung cấp.</p>	<p>CLO1.1</p> <p>CLO2.1</p>	

	<p>4.2.1. Các vấn đề về huấn luyện và tư vấn</p> <p>4.2.2. Sự phòng thủ và phản đối</p> <p>4.3. Các nguyên tắc và truyền thông hỗ trợ</p>				
5	<p>Chương 5. QUYỀN LỰC VÀ ẢNH HƯỞNG</p> <p>5.1. Xây dựng nền tảng quyền lực và sự dụng sức ảnh hưởng khéo léo</p> <p>5.2. Thiếu quyền lực</p> <p>5.3. Lạm dụng quyền lực</p> <p>5.4. Các chiến lược để có quyền lực trong tổ chức</p> <p>5.5. Thúc đẩy khả năng của các cá nhân</p> <p>5.6. Nuôi dưỡng một môi trường làm việc thúc đẩy</p>	<p>Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide</p> <p>- Diễn cứu: đưa ra một số tình huống điển hình trên thực tế về năng suất lao động</p>	<p>Thảo luận nhóm về xây dựng quyền lực và ảnh hưởng của quyền lực tại một tổ chức.</p>		
6	<p>Chương 6. XÂY DỰNG NHÓM LÀM VIỆC VÀ NHÓM HIỆU QUẢ</p> <p>6.1. Phát triển nhóm và làm việc nhóm</p>	<p>Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide</p> <p>Diễn cứu: đưa ra một số mô hình</p>	<p>Bài tập nhóm theo chủ đề do giảng viên cung cấp</p>	<p>CLO1.1</p> <p>CLO2.1</p>	

6.2. Các lợi thế của nhóm	làm việc nhóm hiệu quả			
6.3. Lãnh đạo nhóm				
6.4. Thành viên của nhóm				
6.4.1. Các vai trò có lợi thế				
6.4.2. Cung cấp phản hồi				
6.5. Phát triển nhóm				

Thực hành và/hoặc Đồ án học phần

Tuần	Nội dung hoạt động	Địa điểm/không gian thực hiện	Hoạt động của học viên	Kết quả cần đạt được	CĐR học phần	Bài đánh giá
1.					CLO...	A...
2.						
...						

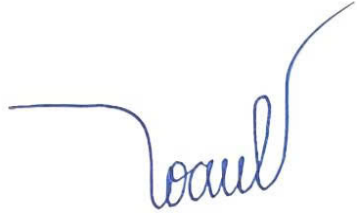
8. Ngày phê duyệt:

9. Cấp phê duyệt:

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2022

Trưởng đơn vị cấp 2

Trưởng đơn vị cấp 3

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Oanh' with a stylized flourish extending upwards and to the right.

PGS.TS. Thái Thị Kim Oanh

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Sao Mai' with a long, sweeping horizontal stroke underneath.

TS. Lê Vũ Sao Mai

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN KINH TẾ
TRONG TOÀN CẦU HOÁ

Ngành đào tạo: Quản lý kinh tế

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

1. Giảng viên 1: Nguyễn Thị Thúy Quỳnh

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên - Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Vào giờ hành chính tại trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Kinh tế, Đại học Vinh

Điện thoại: 0912.923.433 Email: ntquynh83@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Quản lý kinh tế

2. Giảng viên 2: Đào Quang Thắng

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên - Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Vào giờ hành chính tại trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Kinh tế, Đại học Vinh

Điện thoại: 0912.002.646 Email: thangdq@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Quản lý kinh tế

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá Economic development management in globalization
- Mã số học phần: QLPTKT
- Thuộc CTĐT ngành: Quản lý kinh tế
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung <input type="checkbox"/> Kiến thức khác

- Thuộc loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
- Số tín chỉ: 3	
+ Số tiết lý thuyết: 20	
+ Số tiết thảo luận/bài tập: 20	
+ Số tiết thực hành, thực tế: 30	
+ Số tiết tự học: 90	
- Điều kiện đăng ký học:	
+ Học phần tiên quyết:	Mã số HP:
+ Học phần học trước:	Mã số HP:
- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:	
+ Thời gian tối thiểu học viên phải có mặt trên lớp: 45 tiết	
+ Học viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo... qua hệ thống LMS	
- Bộ môn phụ trách học phần: Kinh tế	
Điện thoại:	Email:

2. Mô tả học phần

Học phần Quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá trang bị cho học viên các kiến thức chuyên sâu về quản lý kinh tế và quản lý phát triển kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hoá. Học phần sẽ cụ thể hóa các chiến lược quản lý kinh tế của các quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa. Học viên được cung cấp các kiến thức nhằm hoạch định, tổ chức và triển khai chiến lược quản lý kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa. Trên cơ sở đó, áp dụng các kiến thức và kỹ năng được học nhằm xây dựng các chiến lược quản lý phát triển kinh tế ngành/ địa phương trong bối cảnh toàn cầu hoá của Việt Nam.

3. Mục tiêu học phần

Môn học Quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hóa là tài liệu giảng dạy cung cấp kiến thức cho học viên chiến lược quản lý phát triển kinh tế trong bối cảnh toàn cầu. Sau khi học xong học phần, học viên có thể hoạch định chiến lược, thực hiện kiểm soát và điều chỉnh chiến lược... Trên cơ sở đó, áp dụng vào thực tiễn nhằm thực hiện các chức năng quản lý chiến lược phát triển kinh tế của Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hoá.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thông nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO2.1, CLO2.2, CLO3.1,...)

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo 122, 211, 312, 411, 421, 422, 423

CDR học phần	Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo						
	PLO1.2	PLO2.	PLO3.	PLO4.	PLO4.2		
	1.2.2	2.1.1	3.1.2	4.1.1	4.2.1	4.2.2	4.2.3
CLO1.1	1						
CLO2.1		1					
CLO3.1			1				
CLO4.1				1			
CLO4.2					1		
CLO4.3						1	
CLO4.4							1

Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo phân nhiệm cho học phần Quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá

Ký hiệu	CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA CTĐT	TĐNL
---------	---------------------------------	-------------

CDR		
1.1.	Áp dụng được kiến thức chuyên sâu về quản lý kinh tế để đánh giá, ra quyết định giải quyết các vấn đề quản lý kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hoá	K4
2.1	Áp dụng kỹ năng tìm kiếm, thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và đề xuất giải pháp phát triển kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hoá	S4
3.1	Thảo luận các vấn đề chuyên sâu về quản lý phát triển kinh tế, chiến lược phát triển kinh tế	S5
4.1.	Phân tích bối cảnh và xu hướng vận động của nền kinh tế trong toàn cầu hoá	K4
4.2	Hoạch định chiến lược quản lý kinh tế trong toàn cầu hóa	C4
4.3	Tổ chức và triển khai chiến lược quản lý kinh tế trong toàn cầu hóa	C4
4.4.	Đánh giá và điều chỉnh chiến lược quản lý kinh tế trong toàn cầu hóa	C5

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
1.1.	4	Áp dụng được kiến thức chuyên sâu về quản lý kinh tế để đánh giá, ra quyết định giải quyết các vấn đề quản lý kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hoá	Thuyết trình; Thảo luận, Nghiên cứu tình huống	Tự luận; Chấm Đồ án
2.1	4	Áp dụng kỹ năng tìm kiếm, thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và đề xuất giải pháp phát triển kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hoá	Thuyết trình; Thảo luận, Nghiên cứu tình huống, Đồ án môn học	Tự luận; Chấm Đồ án
3.1	4	Thảo luận các vấn đề chuyên sâu về quản lý phát triển kinh tế, chiến lược phát triển kinh tế	Nghiên cứu tình huống; Thảo luận, Dạy tự nghiên cứu	Tự luận; Chấm Đồ án
4.1.	4	Phân tích bối cảnh và xu hướng vận động của nền kinh tế trong toàn cầu hoá	Thuyết trình; Thảo luận, Nghiên cứu tình huống, Đồ án môn học	Chấm Đồ án
4.2	4	Hoạch định chiến lược quản lý kinh tế trong toàn cầu hóa	Thuyết trình; Thảo luận, Nghiên cứu tình huống, Đồ án môn học	Chấm Đồ án

4.3	4	Tổ chức và triển khai chiến lược quản lý kinh tế trong toàn cầu hóa	Thuyết trình; Thảo luận, Nghiên cứu tình huống, Đồ án môn học	Chấm Đồ án
4.4.	5	Đánh giá và điều chỉnh chiến lược quản lý kinh tế trong toàn cầu hóa	Thuyết trình; Thảo luận, Nghiên cứu tình huống, Đồ án môn học	Chấm Đồ án

Ghi chú:

- Khi đối sánh với CDR CTĐT, cần ghi rõ trình độ năng lực (TĐNL) phân nhiệm cho học phần bằng số tương ứng trong ngoặc đơn.
- TĐNL được ký hiệu bằng chữ số chẵn tương ứng: 1, 2, 3, 4, 5 (Phụ lục 1)
- Ví dụ về phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu...
- Ví dụ về phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				50%
A1.1	Chuyên cần thái độ	Rubric 1		10%
A1.2	Thảo luận (câu hỏi, thực hiện trên hệ thống elearning)	Đáp án, Rubric 2	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	10%
A1.3	Bài tập (câu hỏi, thực hiện trên hệ thống elearning)	Đáp án, Rubric 2	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	30%
A2. Đánh giá cuối kỳ (đồ án môn học)				50%
A.2	Đánh giá đồ án	Rubric 3	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO4.1 CLO4.2 CLO4.3 CLO4.4	50%
Công thức tính điểm tổng kết: $A1.1*0.1+A1.2*0.1+A1.3*0,3+A2*0.5$				

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

5.2.1. Bộ tiêu chí đánh giá học tập thường xuyên

Rubric 1: Tiêu chí đánh giá chuyên cần thái độ

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Tham gia lớp học	Vắng 0 tiết học	Vắng dưới 5% tiết học	Vắng 5-10% tiết học	Vắng 10-20% tiết học	Vắng học quá 20% tiết học (trên 2 buổi)	35%
Học bài Elearning	85-100%	70-84%	55-69%	40-54%	0-39%	35%
Tham gia các hoạt động trên lớp (phát biểu, trình bày báo cáo,...)	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Không tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Không tham gia hoạt động tại lớp	30%

5.2.2. Bộ tiêu chí đánh giá bài thảo luận và bài tập

Rubric 2: Đánh giá bài thảo luận và bài tập

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung	- Cấu trúc đảm bảo yêu cầu, logic, rõ ràng, mạch lạc, chặt chẽ và thống nhất	- Các ý tưởng, khái niệm phù hợp chủ đề đề án	- Các ý tưởng, khái niệm phù hợp chủ đề đề án	- Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ chưa rõ ràng.	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu, hoặc sao	90%

	<ul style="list-style-type: none"> - Các ý tưởng, khái niệm là rất phù hợp chủ đề đề án - Sử dụng bằng chứng, ví dụ rõ ràng, sinh động, thời sự và đáng tin cậy - Xác định và phân tích sâu sắc các vấn đề cần giải quyết 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. - Sử dụng bằng chứng, ví dụ rõ ràng, thời sự và đáng tin cậy. - Xác định và phân tích được các vấn đề cần giải quyết 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ chưa rõ ràng. - Sử dụng bằng chứng, ví dụ chưa đảm bảo sự rõ ràng, thời sự và đáng tin cậy 	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa sử dụng bằng chứng minh họa cho nội dung yêu cầu 	chép từ tài liệu cũ	
Hình thức	Đạt tất cả các yêu cầu về định dạng và bố cục của bài viết; căn lề, cách đoạn, giãn dòng đúng yêu cầu; bài viết trình bày rõ ràng, các phân đoạn kết nối đúng, hình thức trình bày chuyên nghiệp.	Đạt phần lớn các yêu cầu về định dạng và bố cục của bài viết; căn lề, cách đoạn, giãn dòng đúng yêu cầu; bài viết trình bày rõ ràng và các phân đoạn kết nối đúng	Đạt các yêu cầu về định dạng và bố cục của bài viết; căn lề, cách đoạn, giãn dòng nhìn chung đúng yêu cầu; bài viết trình bày rõ ràng nhưng vài phân đoạn chưa được kết nối đúng.	Không đáp ứng các yêu cầu về định dạng và bố cục của bài viết; căn lề, cách đoạn, giãn dòng sai yêu cầu; trình bày không rõ ràng.	Không chỉnh sửa văn bản, trình bày cầu thả.	10%

5.2.3. Bộ tiêu chí đánh giá đề án

Rubric 3: Đánh giá đề án

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số
	A	B	C	D	F	

	(8.5-10)	(7.0-8.4)	(5.5-6.9)	(4.0-5.4)	(0-3.9)	
Nội dung	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc đảm bảo yêu cầu, logic, rõ ràng, mạch lạc, chặt chẽ và thống nhất - Các ý tưởng, khái niệm là rất phù hợp chủ đề đề án - Sử dụng bằng chứng, ví dụ rõ ràng, sinh động, thời sự và đáng tin cậy - Xác định và phân tích sâu sắc các vấn đề cần giải quyết 	<ul style="list-style-type: none"> - Các ý tưởng, khái niệm phù hợp chủ đề đề án - Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. - Sử dụng bằng chứng, ví dụ rõ ràng, thời sự và đáng tin cậy. - Xác định và phân tích được các vấn đề cần giải quyết 	<ul style="list-style-type: none"> - Các ý tưởng, khái niệm phù hợp chủ đề đề án - Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ chưa rõ ràng. - Sử dụng bằng chứng, ví dụ chưa đảm bảo sự rõ ràng, thời sự và đáng tin cậy 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ chưa rõ ràng. - Chưa sử dụng bằng chứng minh họa cho nội dung yêu cầu 	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu, hoặc sao chép từ tài liệu cũ	40%
Thuyết trình và trả lời câu hỏi	<ul style="list-style-type: none"> Trình bày tự tin, mạch lạc, rõ ràng, giọng điệu phù hợp. - Sử dụng ngôn ngữ chính xác, thuật ngữ chuyên ngành đúng, phong cách thuyết phục. - Quản lý thời gian 	<ul style="list-style-type: none"> Trình bày rõ ràng, mạch lạc, có sự tự tin tương đối. - Sử dụng ngôn ngữ phù hợp, có thể còn đơn giản. - Quản lý thời gian tốt, bài thuyết trình có cấu trúc hợp lý. 	<ul style="list-style-type: none"> Trình bày cơ bản rõ ràng nhưng đôi khi thiếu tự tin, mạch lạc chưa cao. - Ngôn ngữ còn đơn giản, thuật ngữ chưa chính xác. - Quản lý thời gian chưa tốt, nhịp độ 	<ul style="list-style-type: none"> - Không có sự chuẩn bị, thuyết trình rời rạc, thiếu mạch lạc. - Ngôn ngữ lộn xộn, sai sót nhiều. - Không quản lý được thời gian, gây mất tập trung. 	Không thực hiện thuyết trình và trả lời câu hỏi	40%

	<p>hợp lý, làm chủ nhịp độ và thu hút người nghe.</p> <p>- Trả lời câu hỏi đầy đủ, logic, phân tích sâu sắc, minh chứng rõ ràng và thuyết phục.</p>	<p>- Trả lời câu hỏi khá đầy đủ, lập luận hợp lý, minh chứng tương đối rõ ràng.</p>	<p>chưa hợp lý.</p> <p>- Trả lời câu hỏi còn thiếu ý, phân tích chưa sâu, minh chứng chưa thuyết phục.</p>	<p>- Không trả lời hoặc trả lời sai lệch, không liên quan đến câu hỏi</p>		
Hình thức	<p>Đạt tất cả các yêu cầu về định dạng và bố cục của bài viết; căn lề, cách đoạn, giãn dòng đúng yêu cầu; bài viết trình bày rõ ràng, các phân đoạn kết nối đúng, hình thức trình bày chuyên nghiệp.</p>	<p>Đạt phần lớn các yêu cầu về định dạng và bố cục của bài viết; căn lề, cách đoạn, giãn dòng đúng yêu cầu; bài viết trình bày rõ ràng và các phân đoạn kết nối đúng</p>	<p>Đạt các yêu cầu về định dạng và bố cục của bài viết; căn lề, cách đoạn, giãn dòng nhìn chung đúng yêu cầu; bài viết trình bày rõ ràng nhưng vài phân đoạn chưa được kết nối đúng.</p>	<p>Không đáp ứng các yêu cầu về định dạng và bố cục của bài viết; căn lề, cách đoạn, giãn dòng sai yêu cầu; trình bày không rõ ràng.</p>	<p>Không chỉnh sửa văn bản, trình bày câu thả.</p>	<p>20%</p>

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

1. Nguyễn Thành Độ, Nguyễn Ngọc Huyền (2002), *Chiến lược kinh doanh và phát triển doanh nghiệp*, NXB lao động.
2. Garry D.Smith, Danny R.Arnold & Bobby G.Bizzell (1994), *Chiến lược và sách lược kinh doanh*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.

6.2. Tài liệu tham khảo:

3. Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Khoa Kinh tế học (2012), *Kinh tế học vĩ mô*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

4. Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư, Phan Nữ Thanh Thủy, *Kinh tế vĩ mô*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2005, (tr1,33)

7. Kế hoạch dạy học

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ TOÀN CẦU HOÁ

1.1. Toàn cầu hóa và tác động của toàn cầu hóa đến phát triển kinh tế

1.1.1. Khái niệm toàn cầu hóa

1.1.2. Đặc trưng của toàn cầu hoá

1.1.3. Tác động của toàn cầu hóa đến phát triển kinh tế

1.2. Biểu hiện của xu hướng toàn cầu hóa

1.2.1. Các tổ chức liên kết kinh tế khu vực

1.2.2. Xu hướng thương mại

1.2.3. Một số biểu hiện khác

1.3. Thời cơ và thách thức đối với các quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hoá

1.3.1. Thời cơ đối với các quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hoá

1.3.2. Thách thức đối với các quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hoá

1.4. Toàn cầu hóa đối với Việt Nam

- *Tài liệu:*

1. Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Khoa Kinh tế học (2012), *Kinh tế học vĩ mô*, NXB Đại học kinh tế quốc dân, (tr1,27)

2. Nguyễn Thành Độ, Nguyễn Ngọc Huyền (2002), *Chiến lược kinh doanh và phát triển doanh nghiệp*, NXB lao động, (tr41,45)

3. Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư, Phan Nữ Thanh Thủy, *Kinh tế vĩ mô*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2005, (tr1,33).

4. Garry D.Smith, Danny R.Arnold & Bobby G.Bizzell (1994), *Chiến lược và sách lược kinh doanh*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, (tr46,50)

CHƯƠNG 2. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ

TRONG NỀN KINH TẾ TOÀN CẦU HÓA

2.1. Chiến lược phát triển kinh tế trong nền kinh tế toàn cầu hoá

2.1.1. Bản chất của chiến lược phát triển kinh tế

2.1.2. Những thách thức của quản lý phát triển kinh tế trong nền kinh tế toàn cầu hoá

2.2. Ảnh hưởng của quản lý toàn cầu hóa đến phát triển kinh tế

2.2.1. Những ảnh hưởng tích cực

2.2.2. Những ảnh hưởng tiêu cực

- Tài liệu:

1. Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Khoa Kinh tế học (2012), *Kinh tế học vĩ mô*, NXB Đại học kinh tế quốc dân, (tr1,27)

2. Nguyễn Thành Độ, Nguyễn Ngọc Huyền (2002), *Chiến lược kinh doanh và phát triển doanh nghiệp*, NXB lao động, (tr41,45)

3. Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư, Phan Nữ Thanh Thủy, *Kinh tế vĩ mô*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2005, (tr1,33).

4. Garry D.Smith, Danny R.Arnold & Bobby G.Bizzell (1994), *Chiến lược và sách lược kinh doanh*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, (tr46,50)

CHƯƠNG 3. HOẠCH ĐỊNH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRONG TOÀN CẦU HÓA

3.1. Khái quát về hoạch định chiến lược phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá

3.1.1. Một số khái niệm về hoạch định chiến lược phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá

3.1.2. Quy trình hoạch định chiến lược phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá

3.1.3. Chiến lược phát triển của Việt Nam trong toàn cầu hoá

3.2. Phương pháp hoạch định và lựa chọn chiến lược phát triển kinh tế trong toàn cầu hóa

3.2.1. Phân tích đánh giá môi trường bên ngoài

3.2.2. Phân tích đánh giá môi trường bên trong

3.2.3. Ma trận SWOT trong phân tích và dự báo hoạch định chiến lược phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá

3.2.4. Mô hình kim cương trong hoạch định chiến lược cạnh tranh quốc gia của Michel E.Porter

- Tài liệu:

1. Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Khoa Kinh tế học (2012), *Kinh tế học vĩ mô*, NXB Đại học kinh tế quốc dân, (tr1,27)
2. Nguyễn Thành Độ, Nguyễn Ngọc Huyền (2002), *Chiến lược kinh doanh và phát triển doanh nghiệp*, NXB lao động, (tr41,45)
3. Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư, Phan Nữ Thanh Thủy, *Kinh tế vĩ mô*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2005, (tr1,33).
4. Garry D.Smith, Danny R.Arnold & Bobby G.Bizzell (1994), *Chiến lược và sách lược kinh doanh*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, (tr46,50)

CHƯƠNG 4. THỰC HIỆN KIỂM SOÁT VÀ ĐIỀU CHỈNH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRONG TOÀN CẦU HOÁ

- 4.1. Triển khai thực hiện chiến lược phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá
 - 4.1.1. Khái niệm thực hiện chiến lược phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá
 - 4.1.2. Nội dung thực hiện chiến lược phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá
 - 4.1.3. Những hạn chế thường gặp trong thực hiện chiến lược phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá
- 4.2. Kiểm soát và điều chỉnh chiến lược phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá
 - 4.2.1. Khái niệm phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá
 - 4.2.2. Nội dung kiểm soát và điều chỉnh chiến lược phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá
 - 4.2.3. Phiếu điểm cân bằng BSC (Balance Score Card)

- Tài liệu:

1. Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Khoa Kinh tế học (2012), *Kinh tế học vĩ mô*, NXB Đại học kinh tế quốc dân, (tr1,27)
2. Nguyễn Thành Độ, Nguyễn Ngọc Huyền (2002), *Chiến lược kinh doanh và phát triển doanh nghiệp*, NXB lao động, (tr41,45)
3. Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư, Phan Nữ Thanh Thủy, *Kinh tế vĩ mô*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2005, (tr1,33).
4. Garry D.Smith, Danny R.Arnold & Bobby G.Bizzell (1994), *Chiến lược và sách lược kinh doanh*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, (tr46,50)

CHƯƠNG 5. XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRONG TOÀN CẦU HÓA Ở VIỆT NAM

5.1. Bối cảnh lịch sử tác động đến xây dựng chiến lược phát triển kinh tế ở Việt Nam

5.1.1. Thuận lợi trong xây dựng chiến lược phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá ở Việt Nam

5.1.2. Khó khăn trong xây dựng chiến lược phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá ở Việt Nam

5.1.3. Cơ hội trong xây dựng chiến lược phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá ở Việt Nam

5.1.4. Thách thức trong xây dựng chiến lược phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá ở Việt Nam

5.2. Lựa chọn chiến lược phát triển kinh tế trong toàn cầu hóa ở Việt Nam

5.2.1. Phương hướng phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá ở Việt Nam

5.2.2. Chiến lược phát triển kinh tế trong toàn cầu hóa ở Việt Nam

5.2.3. Giải pháp lựa chọn chiến lược phát triển kinh tế trong toàn cầu hóa ở Việt Nam

-Tài liệu:

1. Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Khoa Kinh tế học (2012), *Kinh tế học vĩ mô*, NXB Đại học kinh tế quốc dân, (tr1,27)

2. Nguyễn Thành Độ, Nguyễn Ngọc Huyền (2002), *Chiến lược kinh doanh và phát triển doanh nghiệp*, NXB lao động, (tr41,45)

3. Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư, Phan Nữ Thanh Thủy, *Kinh tế vĩ mô*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2005, (tr1,33).

4. Garry D.Smith, Danny R.Arnold & Bobby G.Bizzell (1994), *Chiến lược và sách lược kinh doanh*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, (tr46,50)

10. Tài liệu tham khảo

1. Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Khoa Kinh tế học (2012), *Kinh tế học vĩ mô*, NXB Đại học kinh tế quốc dân, (tr1,27)

2. Nguyễn Thành Độ, Nguyễn Ngọc Huyền (2002), *Chiến lược kinh doanh và phát triển doanh nghiệp*, NXB lao động, (tr41,45)

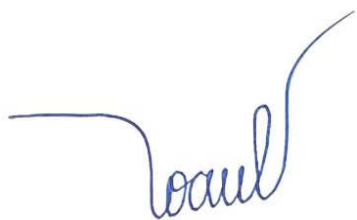
3. Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư, Phan Nữ Thanh Thủy, *Kinh tế vĩ mô*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2005, (tr1,33).

4. Garry D.Smith, Danny R.Arnold & Bobby G.Bizzell (1994), *Chiến lược và sách lược kinh doanh*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, (tr46,50)

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2022

Trưởng đơn vị cấp 2

Trưởng đơn vị cấp 3



PGS.TS. Thái Thị Kim Oanh

TS. Lê Vũ Sao Mai

PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH KINH TẾ

Economic policy analysis and evaluation

Dự kiến cán bộ giảng dạy: TS. Thái Thị Kim Oanh
TS. Trần Thị Hoàng Mai
TS. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh
TS. Trần Tú Khánh

1. Tên môn học: PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH KINH TẾ_3(2,1)

2. Mã số môn học: QLCS - 717

3. Số tín chỉ: 03

4. Bộ môn phụ trách: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế

5. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 30 tiết

- Thực hành, xemina, bài tập: 15 tiết

- Tự học: 90 giờ

6. Mô tả tóm tắt môn học: Đây là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành bắt buộc của chương trình cao học Quản lý kinh tế. Yêu cầu học viên có kiến thức Quản lý Nhà nước về kinh tế - xã hội, Quản lý công, Kinh tế vĩ mô nâng cao; các kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá. Môn này đặc biệt cần thiết cho đối tượng người học là những cán bộ lãnh đạo, quản lý trong bộ máy của Đảng và Nhà nước.

7. Mục tiêu của môn học:

Trang bị cho học viên những kỹ năng và phương pháp luận chuyên sâu về chính sách kinh tế - xã hội, phân tích, đánh giá và lựa chọn chính sách hiệu quả để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong quản lý kinh tế.

8. Nội dung môn học: PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH KINH TẾ _ 3 (2,1)

Chương 1

TỔNG QUAN VỀ PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH KINH TẾ

1.1. NHÀ NƯỚC VỚI CÁC CÔNG CỤ QUẢN LÝ KINH TẾ - XÃ HỘI

1.1.1. Tính tất yếu khách quan của sự can thiệp nhà nước đối với các hoạt động kinh tế - xã hội trong cơ chế thị trường

1.1.2. Các công cụ quản lý kinh tế - xã hội của Nhà nước

1.2. KHÁI QUÁT VỀ CHÍNH SÁCH KINH TẾ

1.2. 1. Khái niệm và phân loại

1.2.3. Cấu trúc của chính sách kinh tế

1.2.3. Vai trò của các chính sách kinh tế

1.2.4. Tính chất của chính sách kinh tế

- 1.2.5. Quá trình chính sách
- 2.3. TỔNG QUAN VỀ PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH KINH TẾ
 - 2.3.1. Khái niệm phân tích chính sách kinh tế
 - 2.3.2. Nhiệm vụ của phân tích chính sách
 - 2.3.3. Những yêu cầu đối với nhà phân tích chính sách kinh tế
 - 2.3.4. Quan điểm phân tích chính sách kinh tế
 - 2.3.5. Cơ sở thông tin của phân tích chính sách kinh tế
- 2.4. MỘT SỐ MÔ HÌNH PHÂN TÍCH PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH KINH TẾ
 - 2.4.1. Mô hình phân tích chính sách theo quan điểm hợp lý
 - 2.4.2. Mô hình phân tích chính sách theo quan điểm vĩ mô
 - 2.4.3. Phân tích chính sách theo quan điểm vi mô

Chương 2

PHÂN TÍCH HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH KINH TẾ

- 2.1. VỊ TRÍ VÀ MỤC ĐÍCH PHÂN TÍCH HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH
 - 2.1.1. Khái niệm cơ bản về phân tích hoạch định chính sách kinh tế
 - 2.1.2. Vị trí của phân tích hoạch định chính sách kinh tế
 - 2.1.3. Mục đích của phân tích hoạch định chính sách kinh tế
- 2.2. NGUYÊN TẮC PHÂN TÍCH HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH KINH TẾ
 - 2.2.1. Chính sách kinh tế phải phù hợp và phục vụ đường lối chính trị
 - 2.2.2. Chính sách kinh tế phải phù hợp với pháp luật hiện hành
 - 2.2.3. Các chính sách kinh tế phải khả thi
 - 2.2.4. Các chính sách kinh tế phải đồng bộ, hệ thống
- 2.3. PHÂN TÍCH QUÁ TRÌNH HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH KINH TẾ
 - 2.3.1. Phân tích vấn đề chính sách
 - 2.3.2. Phân tích mục tiêu chính sách
 - 2.3.3. Phân tích hành động chính sách

Chương 3

PHÂN TÍCH TỔ CHỨC THỰC THI CHÍNH SÁCH KINH TẾ

- 3.1. TỔNG QUAN VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH KINH TẾ
 - 3.1.1. Khái niệm
 - 3.1.2. Vai trò của việc thực hiện chính sách kinh tế
 - 3.1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách kinh tế
 - 3.1.4. Các điều kiện cần thiết để thực hiện chính sách kinh tế

3.2. QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC THỰC THI CHÍNH SÁCH KINH TẾ

3.2.1. Chuẩn bị triển khai chính sách

3.2.2. Chỉ đạo thực hiện chính sách

3.2.3. Kiểm tra việc thực hiện chính sách

3.3. NỘI DUNG PHÂN TÍCH QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH KINH TẾ

3.3.1. Phân tích bộ máy

3.3.2. Phân tích các văn bản

3.3.3. Phân tích hệ thống truyền thông

3.3.4. Phân tích hệ thống phối hợp

3.3.5. Phân tích hệ thống dịch vụ hỗ trợ

3.3.6. Phân tích hệ thống thông tin phản hồi

3.4. PHÂN TÍCH LỰA CHỌN CÁC HÌNH THỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH KINH TẾ

3.4.1. Phân tích các hình thức thực hiện chính sách

3.4.2. Phân tích các phương pháp thực hiện chính sách

Chương 4

ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH KINH TẾ

4.1. BẢN CHẤT CỦA ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH

4.1.1. Khái niệm

4.1.2. Các loại hình đánh giá chính sách

4.1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến đánh giá chính sách kinh tế

4.2. NGUYÊN TẮC VÀ MỤC ĐÍCH CỦA ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH

4.2.1. Nguyên tắc đánh giá chính sách kinh tế

4.2.2. Mục đích đánh giá chính sách

4.3. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHỦ THỂ CỦA ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH

4.3.1. Đối tượng nghiên cứu đánh giá chính sách kinh tế

4.3.2. Các chủ thể tham gia đánh giá chính sách kinh tế

4.4. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH CÔNG

4.4.1. Cách tiếp cận đánh giá chính sách kinh tế

4.4.2. Phương pháp đánh giá chính sách kinh tế

4.4.3. Các tiêu chí đánh giá chính sách

4.4.4. Sử dụng kết quả đánh giá chính sách kinh tế

4.5. ĐIỀU CHỈNH CHÍNH SÁCH

4.5.1. Lý do điều chỉnh

4.5.2. Nguyên tắc điều chỉnh chính sách

4.5.3. Các loại điều chỉnh

9. Số tiết phân bổ:

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Thảo luận	Tự học
Chương 1	4	1	10
Chương 2	6	2	15
Chương 3	7	5	20
Chương 4	7	3	20
Chương 5	6	4	15
Tổng cộng:	30	15	90

10. Tài liệu tham khảo:

10.1. Tài liệu tham khảo chính

1. TS. Nguyễn Thị Lệ Thúy, TS. Bùi Thị Hồng Việt, *Giáo trình Chính sách kinh tế - xã hội*, NXB Tài chính, 2012.
2. Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Ngọc Huyền, *Giáo trình Chính sách kinh tế*, NXB Khoa học và xã hội, 2010.

10.2. Tài liệu tham khảo

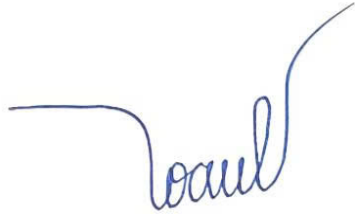
1. Ngân hàng phát triển Châu Á, Phục vụ và duy trì: Cải thiện hành chính công trong một thế giới cạnh tranh, Nxb Chính trị quốc gia, 2003
2. Hughes, O.E. 1998. *Public Management and Administration: an introduction*, Macmillan.
3. Colebatch, H.K. 2000. *Policy*, Buckingham, England.
4. Lê Chi Mai, Những vấn đề cơ bản về chính sách và quy trình chính sách, Nxb Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, 2001.

11. Phương pháp đánh giá môn học:

- Điểm chuyên cần, thái độ: 20%
- Điểm kiểm tra giữa môn học: 30%
- Thi kết thúc môn học hoặc tiểu luận: 50%

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2022

Trưởng đơn vị cấp 2

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Oanh', with a long horizontal stroke extending to the left.

PGS.TS. Thái Thị Kim Oanh

Trưởng đơn vị cấp 3

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Sao Mai', with a long horizontal stroke extending to the right.

TS. Lê Vũ Sao Mai

QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Socio-economic development planning

Dự kiến cán bộ giảng dạy: TS. Nguyễn Hoài Nam
TS. Nguyễn Thị Minh Phượng
TS (CS). Nguyễn Thị Bích Liên

1. Tên môn học: QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI - 3(2,1)

2. Mã số môn học: QLQH - 718

3. Số tín chỉ: 03

4. Bộ môn phụ trách: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế

5. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 30 tiết

- Thảo luận (thực hành), Xemina, bài tập: 15 tiết

- Tự học: 90 giờ

6. Mô tả tóm tắt môn học: Vị trí của học phần: Đây là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành tự chọn của chương trình cao học Quản lý kinh tế. Yêu cầu học viên có kiến thức về Quản lý tổ chức, Kinh tế phát triển nâng cao, Khoa học quản lý, Quản lý nhà nước về kinh tế; các kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá. Môn này đặc biệt cần thiết cho đối tượng người học là những cán bộ quản lý nhà nước.

7. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho học viên những kỹ năng cơ bản và chuyên sâu về quá trình thiết lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội lãnh thổ và quy hoạch phát triển ngành. Từ đó các học viên có thể vận dụng các kiến thức để tham gia thực hiện công tác lập quy hoạch trong lĩnh vực công tác của mình.

8. Nội dung chi tiết môn học: QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI - 3(2,1)

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP QUỐC TẾ Ở VIỆT NAM

1.1. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VIỆT NAM

1.1.1. Tình hình phát triển đất nước

1.1.2. Bối cảnh quốc tế

1.2. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN CỦA CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 2011-2020

1.3. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

1.3.1. Mục tiêu tổng quát

1.3.2. Mục tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường

1.4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN, ĐỔI MỚI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG, CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ

1.5. VẤN ĐỀ QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

5.1. Tình hình chung

5.2. Vấn đề về kế hoạch hóa

5.3. Về nội dung và phương pháp quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam

1.6. ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP MÔN HỌC

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

2.1.1. Hệ thống hóa kế hoạch hóa phát triển

2.1.2. Vị trí, vai trò

2.1.3. Mối quan hệ giữa quy hoạch TTPTKTXH với các loại hình quy hoạch khác

2.2. BẢN CHẤT CỦA QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

2.2.1. Khái luận về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội

2.2.2. Bản chất của quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội

2.3. PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN CỦA QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

2.3.1. Phương pháp tiếp cận của quy hoạch TTPTKTXH trong điều kiện kinh tế thị trường

2.3.2. Phương pháp tiếp cận quy hoạch PTKTXH vùng

2.4. ĐẶC ĐIỂM, YÊU CẦU VÀ NGUYÊN TẮC CƠ BẢN CỦA QUY HOẠCH TỔNG THỂ PTKT - XH

2.4.1. Đặc điểm

2.4.2. Yêu cầu

2.4.3. Nguyên tắc

Chương 3

NỘI DUNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

3.1. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÁC NGUỒN LỰC TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

- 3.1.1. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và môi trường
- 3.1.2. Đặc điểm dân số, dân cư, nguồn nhân lực
- 3.1.3. Đánh giá thực trạng kinh tế - xã hội
- 3.1.4. Phân tích đánh giá các yếu tố bên ngoài tác động đến sự phát triển
- 3.1.5. Phân tích lợi thế, hạn chế, thách thức

3.2. LUẬN CHỨNG QUAN ĐIỂM MỤC TIÊU VÀ KHẢ NĂNG PHÁT TRIỂN

- 3.2.1. Luận chứng các quan điểm phát triển và mục tiêu tổng quát
- 3.2.2. Luận chứng các mục tiêu phát triển cụ thể cho từng giai đoạn quy hoạch
- 3.2.3. Luận chứng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, các phương án tăng trưởng kinh tế và lựa chọn cơ cấu đầu tư

3.3. LUẬN CHỨNG PHƯƠNG HƯỚNG QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH VÀ CÁC LĨNH VỰC

- 3.3.1. Phương hướng phát triển các ngành kinh tế chủ yếu
- 3.3.2. Phương hướng phát triển các lĩnh vực xã hội và môi trường

3.4. QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN

- 3.4.1. Quy hoạch phát triển không gian chung
- 3.4.2. Quy hoạch phát triển sản xuất
- 3.4.3. Quy hoạch phát triển mạng lưới đô thị và hệ thống điểm dân cư nông thôn
- 3.4.4. Luận chứng phương hướng phát triển kinh tế - xã hội
- 3.4.5. Quy hoạch bảo vệ môi trường thiên nhiên và cảnh quan
- 3.4.6. Quy hoạch sử dụng đất

3.5. LUẬN CHỨNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN, CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ BƯỚC ĐI TỪNG GIAI ĐOẠN 5 NĂM

- 3.5.1. Xác định bước đi theo giai đoạn 5 năm phát triển kinh tế - xã hội
- 3.5.2. Xác định chương trình, dự án đầu tư triển khai xây dựng theo từng giai đoạn

3.6. NGHIÊN CỨU CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM THỰC HIỆN MỤC TIÊU QUY HOẠCH

Chương 4

QUY TRÌNH QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI ĐÃ ÁP DỤNG Ở VIỆT NAM

4.1. GIỚI THIỆU QUY TRÌNH QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

4.1.1. Quy trình quy hoạch tổng thể phát triển ngành nông nghiệp và nông thôn

4.1.2. Quy trình quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

4.1.3. Quy trình quy hoạch tổng thể phát triển ngành dịch vụ và du lịch

4.2. VĂN BẢN HƯỚNG DẪN LẬP QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

9. Số tiết phân bổ:

Nội dung học phần	Phân bổ số tiết của học phần		
	Lý thuyết	Thảo luận	Tự học
Chương 1	3	2	20
Chương 2	7	5	25
Chương 3	7	5	25
Chương 4	3	3	20
Tổng cộng:	20	15	90

10. Tài liệu tham khảo:

10.1. Tài liệu tham khảo chính

1. Ngô Thắng Lợi, *Giáo trình kế hoạch hóa phát triển kinh tế-xã hội*, NXB Thống kê, 2002.
2. Mạnh Hùng, *Quy hoạch chiến lược phát triển ngành: Chương trình ưu tiên trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội Việt Nam đến 2010, định hướng 2020 và hệ thống văn bản hướng dẫn sử dụng*, Nxb. Thống Kê, 2005.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Vũ Thị Bình (chủ biên), Nguyễn Quang Học, Quyền Thị Lan Phương, *Quy hoạch đô thị và khu dân cư nông thôn*, NXB Nông Nghiệp, Hà Nội, 2008
2. Vũ Thị Bình (chủ biên), Nguyễn Thị Vòng, Đỗ Văn Nhạ, *Quy hoạch phát triển nông thôn*, NXB Nông Nghiệp, Hà Nội, 2006
3. Đỗ Văn Nhạ và cộng sự, *Upland Natural Resource and Social Ecological systems in Northern Vietnam*, Elsevier, 2016
4. Nguyễn Hữu Ngữ, *Bài giảng Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội*, Trường ĐH Nông Lâm, ĐH Huế, 2011
5. Đoàn Công Quý (chủ biên), Vũ Thị Bình, Nguyễn Thị Vòng, Nguyễn Quang Học, Đỗ Thị Tám, *Quy hoạch sử dụng đất*, NXB Nông Nghiệp, Hà Nội, 2006.
6. Nguyễn Thị Vòng (chủ biên), Vũ Thị Bình, Đỗ Văn Nhạ, *Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội*, NXB Nông Nghiệp, Hà Nội, 2008.

11. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả môn học

- Điểm chuyên cần, thái độ: 20%

- Điểm kiểm tra giữa môn học: 30%
- Thi kết thúc môn học hoặc tiểu luận: 50%

Trưởng đơn vị cấp 2



PGS.TS. Thái Thị Kim Oanh

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2022

Trưởng đơn vị cấp 3



TS. Lê Vũ Sao Mai

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: LÃNH ĐẠO

Ngành đào tạo: Quản lý kinh tế

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 2: PGS.TS. Đỗ Thị Phi Hoài

Địa chỉ liên hệ: Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 098 345 7799 Email: hoaidtp@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế và quản lý

Giảng viên 1: TS. Nguyễn Thị Thuý Quỳnh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0912.923.433

Email: ntquynh83@gmail.com;

quynhntt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý kinh tế, Quản lý nhà nước về kinh tế

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Lãnh đạo (tiếng Anh): Leadership
- Mã số học phần: LĐ
- Thuộc CTĐT ngành: Quản lý kinh tế
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung <input type="checkbox"/> Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn
- Số tín chỉ: 3

+ Số tiết lý thuyết: 20	
+ Số tiết thảo luận/bài tập: 20	
+ Số tiết thực hành, thực tế: 30	
+ Số tiết tự học: 90	
- Điều kiện đăng ký học:	
+ Học phần tiên quyết:	Mã số HP:
+ Học phần học trước:	Mã số HP:
- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:	
+ Thời gian tối thiểu học viên phải có mặt trên lớp: 45 tiết	
+ Học viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo... qua hệ thống LMS	
- Bộ môn phụ trách học phần: Kinh tế	
Điện thoại:	Email:

2. Mô tả học phần

Học phần *Lãnh đạo* thuộc nhóm học phần đồ án chuyên ngành tự chọn trong chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ, cung cấp cho người học kiến thức về lãnh đạo, nghệ thuật lãnh đạo, những kỹ năng và phẩm chất để trở thành nhà lãnh đạo thành công. Trên cơ sở đó có khả năng nghiên cứu, ứng dụng kỹ năng và phương pháp nhằm phát triển nhà lãnh đạo trong thực tiễn quản lý kinh tế của Việt Nam.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, người học phân tích được các vấn đề liên quan đến lãnh đạo trong các hoạt động quản lý tổ chức và quản lý kinh tế. Áp dụng được tri thức về lãnh đạo vào các hoạt động quản lý tổ chức và quản lý kinh tế trong thực tiễn.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1.1, CLO2.1, CLO2.2, CLO3.1, CLO4.1...)

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

1.1.1; 2.1.2; 2.2.1; 3.1.1; 4.1.2

CDR học phần	Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo				
	PLO1.1	PLO2.1	PLO2.2	PLO3.1	PLO4.1
	1.1.1	2.1.2	2.2.1	3.1.1	4.1.2
CLO1.1	1				
CLO2.1		1			
CLO2.2			1		
CLO3.1				1	
CLO4.1					1

Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo phân nhiệm cho học phần Lãnh đạo

Ký hiệu CDR	CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA CTĐT	TĐNL
1.1	Phân tích được những lý luận cơ bản về lãnh đạo trong quản lý tổ chức và quản lý kinh tế	K4
2.1	Áp dụng được kỹ năng lãnh đạo trong hoạt động quản lý tổ chức và quản lý kinh tế	S4
2.2	Phân tích được các kỹ năng lãnh đạo trong hoạt động quản lý tổ chức và quản lý kinh tế	S4
3.1	Vận dụng được kỹ năng lãnh đạo để giải quyết tình huống thực tiễn trong quản lý tổ chức và quản lý kinh tế	S4
4.1	Phân tích được bối cảnh lãnh đạo trong quản lý tổ chức và quản lý kinh tế	K4

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
1.1.	4	Phân tích được những lý luận cơ bản về lãnh đạo trong quản lý tổ chức và quản lý kinh tế	Thuyết trình; Thảo luận, Nghiên cứu tình huống	Tự luận; Chấm Đồ án cá nhân
2.1	4	Áp dụng được kỹ năng lãnh đạo trong hoạt động quản lý tổ chức và quản lý kinh tế	Thuyết trình; Thảo luận, Nghiên cứu tình huống, Đồ án cá nhân	Tự luận; Chấm Đồ án cá nhân
2.2	4	Phân tích được các kỹ năng lãnh đạo trong hoạt động quản lý tổ chức và quản lý kinh tế	Nghiên cứu tình huống; Thảo luận, Dạy tự nghiên cứu	Tự luận; Chấm Đồ án cá nhân
3.1	4	Vận dụng được kỹ năng lãnh đạo để giải quyết tình huống thực tiễn trong quản lý tổ chức và quản lý kinh tế	Thuyết trình; Thảo luận, Nghiên cứu tình huống, Đồ án cá nhân	Chấm Đồ án cá nhân
4.1	4	Phân tích được bối cảnh lãnh đạo trong quản lý tổ chức và quản lý kinh tế	Thuyết trình; Thảo luận, Nghiên cứu tình huống, Đồ án cá nhân	Chấm Đồ án cá nhân

Ghi chú:

- Khi đối sánh với CDR CTĐT, cần ghi rõ trình độ năng lực (TĐNL) phân nhiệm cho học phần bằng số tương ứng trong ngoặc đơn.
- TĐNL được ký hiệu bằng chữ số chẵn tương ứng: 1, 2, 3, 4, 5 (Phụ lục 1)
- Ví dụ về phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu...
- Ví dụ về phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				50%
A1.1	Chuyên cần thái độ	Rubric 1		10%
A1.2	Thảo luận (câu hỏi, thực hiện trên hệ thống elearning)	Đáp án, Rubric 2	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2	10%
A1.3	Bài tập (câu hỏi, thực hiện trên hệ thống elearning)	Đáp án, Rubric 2	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2	30%
A2. Đánh giá cuối kỳ (đồ án môn học)				50%
A.2	Đánh giá đồ án cá nhân	Rubric 3	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	

			CLO4.1	50%
Công thức tính điểm tổng kết: $A1.1*0.1+A1.2*0.1+A1.3*0,3+A2*0.5$				

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

5.2.1. Bộ tiêu chí đánh giá học tập thường xuyên

Rubric 1: Tiêu chí đánh giá chuyên cần thái độ

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Tham gia lớp học	Vắng 0 tiết học	Vắng dưới 5% tiết học	Vắng 5-10% tiết học	Vắng 10-20% tiết học	Vắng học quá 20% tiết học (trên 2 buổi)	35%
Học bài Elearning	85-100%	70-84%	55-69%	40-54%	0-39%	35%
Tham gia các hoạt động trên lớp (phát biểu, trình bày báo cáo,...)	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Không tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Không tham gia hoạt động tại lớp	30%

5.2.2. Bộ tiêu chí đánh giá bài thảo luận và bài tập

Rubric 2: Đánh giá bài thảo luận và bài tập

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc đảm bảo yêu cầu, logic, rõ ràng, mạch lạc, chặt chẽ và thống nhất - Các ý tưởng, khái niệm là rất phù hợp chủ đề đề án - Sử dụng bằng chứng, ví dụ rõ ràng, sinh động, thời sự và đáng tin cậy - Xác định và phân tích sâu sắc các vấn đề cần giải quyết 	<ul style="list-style-type: none"> - Các ý tưởng, khái niệm phù hợp chủ đề đề án - Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. - Sử dụng bằng chứng, ví dụ rõ ràng, thời sự và đáng tin cậy. - Xác định và phân tích được các vấn đề cần giải quyết 	<ul style="list-style-type: none"> - Các ý tưởng, khái niệm phù hợp chủ đề đề án - Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ chưa rõ ràng. - Sử dụng bằng chứng, ví dụ chưa đảm bảo sự rõ ràng, thời sự và đáng tin cậy 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ chưa rõ ràng. - Chưa sử dụng bằng chứng minh hoạ cho nội dung yêu cầu 	<p>Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu, hoặc sao chép từ tài liệu cũ</p>	90%
Hình thức	<p>Đạt tất cả các yêu cầu về định dạng và bố cục của bài viết; căn lề, cách đoạn, giãn dòng đúng yêu cầu; bài viết</p>	<p>Đạt phần lớn các yêu cầu về định dạng và bố cục của bài viết; căn lề, cách đoạn, giãn dòng đúng yêu cầu; bài viết trình</p>	<p>Đạt các yêu cầu về định dạng và bố cục của bài viết; căn lề, cách đoạn, giãn dòng nhìn chung đúng yêu cầu; bài viết</p>	<p>Không đáp ứng các yêu cầu về định dạng và bố cục của bài viết; căn lề, cách đoạn, giãn dòng sai yêu cầu; trình bày</p>	<p>Không chỉnh sửa văn bản, trình bày cầu thả.</p>	10%

	trình bày rõ ràng, các phân đoạn kết nối đúng, hình thức trình bày chuyên nghiệp.	bày rõ ràng và các phân đoạn kết nối đúng	trình bày rõ ràng nhưng vài phân đoạn chưa được kết nối đúng.	không rõ ràng.		
--	-----------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------	---------------------------------------------------------------	----------------	--	--

5.2.3. Bộ tiêu chí đánh giá đồ án

Rubric 3: Đánh giá đồ án

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc đảm bảo yêu cầu, logic, rõ ràng, mạch lạc, chặt chẽ và thống nhất - Các ý tưởng, khái niệm là rất phù hợp chủ đề đồ án - Sử dụng bằng chứng, ví dụ rõ ràng, sinh động, thời sự và đáng tin cậy - Xác định và phân tích sâu sắc các vấn đề cần giải quyết 	<ul style="list-style-type: none"> - Các ý tưởng, khái niệm phù hợp chủ đề đồ án - Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. - Sử dụng bằng chứng, ví dụ rõ ràng, thời sự và đáng tin cậy. - Xác định và phân tích được các vấn đề cần giải quyết 	<ul style="list-style-type: none"> - Các ý tưởng, khái niệm phù hợp chủ đề đồ án - Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ chưa rõ ràng. - Sử dụng bằng chứng, ví dụ chưa đảm bảo sự rõ ràng, thời sự và đáng tin cậy 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ chưa rõ ràng. - Chưa sử dụng bằng chứng minh hoạ cho nội dung yêu cầu 	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu, hoặc sao chép từ tài liệu cũ	40%
Thuyết trình và	Trình bày tự tin, mạch lạc, rõ ràng,	Trình bày rõ ràng, mạch lạc, có sự tự	Trình bày cơ bản rõ ràng nhưng đôi	- Không có sự chuẩn bị, thuyết trình	Không thực hiện thuyết	40%

<p>trả lời câu hỏi</p>	<p>giọng điệu phù hợp. - Sử dụng ngôn ngữ chính xác, thuật ngữ chuyên ngành đúng, phong cách thuyết phục. - Quản lý thời gian hợp lý, làm chủ nhịp độ và thu hút người nghe. - Trả lời câu hỏi đầy đủ, logic, phân tích sâu sắc, minh chứng rõ ràng và thuyết phục.</p>	<p>tin tưởng đối. - Sử dụng ngôn ngữ phù hợp, có thể còn đơn giản. - Quản lý thời gian tốt, bài thuyết trình có cấu trúc hợp lý. - Trả lời câu hỏi khá đầy đủ, lập luận hợp lý, minh chứng tương đối rõ ràng.</p>	<p>khi thiếu tự tin, mạch lạc chưa cao. - Ngôn ngữ còn đơn giản, thuật ngữ chưa chính xác. - Quản lý thời gian chưa tốt, nhịp độ chưa hợp lý. - Trả lời câu hỏi còn thiếu ý, phân tích chưa sâu, minh chứng chưa thuyết phục.</p>	<p>rời rạc, thiếu mạch lạc. - Ngôn ngữ lộn xộn, sai sót nhiều. - Không quản lý được thời gian, gây mất tập trung. - Không trả lời hoặc trả lời sai lệch, không liên quan đến câu hỏi</p>	<p>trình và trả lời câu hỏi</p>	
<p>Hình thức</p>	<p>Đạt tất cả các yêu cầu về định dạng và bố cục của bài viết; căn lề, cách đoạn, giãn dòng đúng yêu cầu; bài viết trình bày rõ ràng, các phân đoạn kết nối đúng, hình thức trình bày chuyên nghiệp.</p>	<p>Đạt phần lớn các yêu cầu về định dạng và bố cục của bài viết; căn lề, cách đoạn, giãn dòng đúng yêu cầu; bài viết trình bày rõ ràng và các phân đoạn kết nối đúng</p>	<p>Đạt các yêu cầu về định dạng và bố cục của bài viết; căn lề, cách đoạn, giãn dòng nhìn chung đúng yêu cầu; bài viết trình bày rõ ràng nhưng vài phân đoạn chưa được kết nối đúng.</p>	<p>Không đáp ứng các yêu cầu về định dạng và bố cục của bài viết; căn lề, cách đoạn, giãn dòng sai yêu cầu; trình bày không rõ ràng.</p>	<p>Không chỉnh sửa văn bản, trình bày câu thả.</p>	<p>20%</p>

6. Tài liệu học tập

1. Nguyễn Văn Hà, *Giáo trình Lãnh đạo (Leadership)*, Nhà xuất bản Lao động, 2023
2. Anthony Cell, *Lãnh đạo (the book of Leadership)*, NXB Hồng Đức, 2023

7. Kế hoạch dạy học

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ LÃNH ĐẠO

1.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ LÃNH ĐẠO

- 1.1.1. Định nghĩa về lãnh đạo
- 1.1.2. Chức năng lãnh đạo
- 1.1.4. Nhà quản lý và người lãnh đạo

1.2. HIỆU QUẢ LÃNH ĐẠO

- 1.2.1. Người lãnh đạo hiệu quả
- 1.2.2. Uy tín của lãnh đạo
- 1.2.3. Một số hình thức về “uy tín giả tạo”

1.3. VAI TRÒ LÃNH ĐẠO TRONG QUẢN LÝ

- 1.3.1. Vai trò tương tác
- 1.3.2. Vai trò thông tin
- 1.3.3. Vai trò quyết định

Tài liệu học tập

1. Nguyễn Văn Hà, *Giáo trình Lãnh đạo (Leadership)*, Nhà xuất bản Lao động, 2023
2. Anthony Cell, *Lãnh đạo (the book of Leadership)*, NXB Hồng Đức, 2023

Chương 2

QUYỀN LỰC VÀ SỰ ẢNH HƯỞNG

2.1. KHÁI NIỆM QUYỀN LỰC VÀ SỰ ẢNH HƯỞNG

- 2.1.1. Quyền lực
- 2.2.2. Ảnh hưởng

2.2. CÁC CHIẾN LƯỢC GÂY ẢNH HƯỞNG NHẪM TẠO QUYỀN LỰC CHO NHÀ LÃNH ĐẠO

- 2.2.1. Chiến lược thân thiện
 - 2.2.2. Chiến lược tham khảo cấp trên
 - 2.2.3. Chiến lược liên minh
 - 2.2.4. Chiến lược trừng phạt
- 2.3. CÁC CẤP ĐỘ LÃNH ĐẠO
- 2.3.1. Chức vị
 - 2.3.2. Sự chấp thuận
 - 2.3.3. Định hướng kết quả
 - 2.3.4. Phát triển con người
 - 2.3.5. Cá nhân
- 2.4. KẾT LUẬN VỀ TẦM ẢNH HƯỞNG
- 2.4.1. Hiểu rõ cấp độ hiện tại của bạn
 - 2.4.2. Thấu hiểu và áp dụng những phẩm chất cần thiết để thành công ở mỗi cấp độ

Tài liệu học tập

1. Nguyễn Văn Hà, *Giáo trình Lãnh đạo (Leadership)*, Nhà xuất bản Lao động, 2023
2. Anthony Cell, *Lãnh đạo (the book of Leadership)*, NXB Hồng Đức, 2023

Chương 3 **NGHỆ THUẬT LÃNH ĐẠO**

- 3.1. NHỮNG HIỂU BIẾT VỀ NGHỆ THUẬT LÃNH ĐẠO
- 3.1.1. Quan điểm truyền thống về nghệ thuật lãnh đạo
 - 3.1.2. Cơ sở triết học và tâm lý học của nghệ thuật lãnh đạo
 - 3.1.3. Các lý thuyết về nghệ thuật lãnh đạo
 - 3.1.4. Khái niệm và đặc điểm của nghệ thuật lãnh đạo
 - 3.1.5. Phân biệt khoa học lãnh đạo và nghệ thuật lãnh đạo
- 3.2. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỆ THUẬT LÃNH ĐẠO
- 3.2.1. Tầm nhìn
 - 3.2.2. Nguyên tắc đạo đức
 - 3.2.3. Trao gửi niềm tin
 - 3.2.4. Dám thừa nhận khuyết điểm
 - 3.2.5. Xây dựng phát triển văn hóa doanh nghiệp
 - 3.2.6. Khai thác năng lực tiềm ẩn

3.4. NGHỆ THUẬT LÃNH ĐẠO TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC

- 3.4.1. Nghệ thuật sử dụng quyền lực gắn với phân quyền, ủy quyền
- 3.4.2. Nghệ thuật hiểu và sử dụng con người
- 3.4.3. Nghệ thuật khích lệ, động viên
- 3.4.4. Nghệ thuật điều hòa các mối quan hệ
- 3.4.5. Nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong lãnh đạo

Tài liệu học tập

- 1. Nguyễn Văn Hà, *Giáo trình Lãnh đạo (Leadership)*, Nhà xuất bản Lao động, 2023
- 2. Anthony Cell, *Lãnh đạo (the book of Leadership)*, NXB Hồng Đức, 2023

Chương 4

PHÁT TRIỂN CÁC NHÀ LÃNH ĐẠO

4.1. ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC YẾU TỐ CƠ BẢN CỦA NHÀ LÃNH ĐẠO

- 4.1.1. Định nghĩa về nhà lãnh đạo
- 4.1.2. Các yếu tố cơ bản của nhà lãnh đạo

4.2. CÁC PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN NHÀ LÃNH ĐẠO

- 4.2.1. Xác định và tái xác định vị trí của tổ chức
- 4.2.2. Nhận thấy các thay đổi bên ngoài
- 4.2.3. Quản lý hệ thống xã hội của tổ chức
- 4.2.4. Xét đoán người khác
- 4.2.5. Tạo nên nhóm các nhà lãnh đạo
- 4.2.6. Thiết lập các mục tiêu
- 4.2.7. Xác định các ưu tiên
- 4.2.8. Quản lý các yếu tố bất ngờ

4.3. CÁC NGUYÊN TẮC PHÁT TRIỂN NHÀ LÃNH ĐẠO

- 4.3.1. Tự trọng
- 4.3.2. Lập kế hoạch
- 4.3.3. Động lực
- 4.3.4. Đại diện
- 4.3.5. Giao quyền

Tài liệu học tập

- 1. Nguyễn Văn Hà, *Giáo trình Lãnh đạo (Leadership)*, Nhà xuất bản Lao động, 2023
- 2. Anthony Cell, *Lãnh đạo (the book of Leadership)*, NXB Hồng Đức, 2023

Chương 5

PHẨM CHẤT VÀ KỸ NĂNG NHÀ LÃNH ĐẠO THÀNH CÔNG

5.1. NHỮNG PHẨM CHẤT LÃNH ĐẠO

- 5.1.1. Phẩm chất chung của nhà lãnh đạo kiệt xuất
- 5.1.2. Phẩm chất quan trọng
- 5.1.2. Các nghiên cứu khác về phẩm chất nhà lãnh đạo

5.2. NHỮNG KỸ NĂNG LÃNH ĐẠO

- 5.2.1. Nhà lãnh đạo không phải bẩm sinh
- 5.2.2. Ưu điểm trong kỹ năng lãnh đạo

5.3. PHONG CÁCH LÃNH ĐẠO

- 5.3.1. Phong cách lãnh đạo độc đoán
- 5.3.2. Phong cách lãnh đạo dân chủ
- 5.3.3. Phong cách lãnh đạo tự do
- 5.3.4. Phong cách lãnh đạo linh hoạt

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Hà, *Giáo trình Lãnh đạo (Leadership)*, Nhà xuất bản Lao động, 2023
2. Anthony Cell, *Lãnh đạo (the book of Leadership)*, NXB Hồng Đức, 2023

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2022

Trưởng đơn vị cấp 2

Trưởng đơn vị cấp 3



PGS.TS. Thái Thị Kim Oanh

TS. Lê Vũ Sao Mai

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: ĐÀM PHÁN VÀ QUẢN LÝ XUNG ĐỘT

Ngành đào tạo: Quản lý kinh tế

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

1. Giảng viên 1: Nguyễn Thị Thúy Quỳnh

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên - Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Vào giờ hành chính tại trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Kinh tế, Đại học Vinh

Điện thoại: 0912.923.433 Email: ntquynh83@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Quản lý kinh tế

2. Giảng viên 2: Nguyễn Thị Bích Liên

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên - Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Vào giờ hành chính tại trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Kinh tế, Đại học Vinh

Điện thoại: 0914.151.057 Email: lienntb@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Quản lý kinh tế

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Đàm phán và Quản lý xung đột Negotiation and Conflict Management
- Mã số học phần: ĐPVQLXD
- Thuộc CTĐT ngành: Quản lý kinh tế
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung <input type="checkbox"/> Kiến thức khác

- Thuộc loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
- Số tín chỉ: 3	
+ Số tiết lý thuyết: 20	
+ Số tiết thảo luận/bài tập: 20	
+ Số tiết thực hành, thực tế: 30	
+ Số tiết tự học: 90	
- Điều kiện đăng ký học:	
+ Học phần tiên quyết:	Mã số HP:
+ Học phần học trước:	Mã số HP:
- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:	
+ Thời gian tối thiểu học viên phải có mặt trên lớp: 45 tiết	
+ Học viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo... qua hệ thống LMS	
- Bộ môn phụ trách học phần: Kinh tế	
Điện thoại:	Email:

2. Mô tả học phần

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về lý luận và thực tiễn đàm phán và quản lý xung đột trong quản lý tổ chức và quản lý kinh tế. Vận dụng các kiến thức về đàm phán và quản lý xung đột trong đàm phán để giải quyết các tình huống đàm phán và xung đột trong thực tiễn. Hình thành kỹ năng đàm phán và quản lý xung đột trong quản lý tổ chức và quản lý kinh tế.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, người học phân tích được các vấn đề liên quan đến đàm phán và quản lý xung đột trong các hoạt động quản lý tổ chức và quản lý

kinh tế. Áp dụng được tri thức về đàm phán và quản lý xung đột trong đàm phán vào các hoạt động quản lý tổ chức và quản lý kinh tế trong thực tiễn.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

1.1.1; 2.1.2; 2.2.1; 3.1.1; 4.1.2

CĐR học phần	Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo				
	PLO1.1	PLO2.	PLO2.	PLO3.	PLO4.
		1	2	1	1
	1.1.1	2.1.2	2.2.1	3.1.1	4.1.2
CLO1.1	1				
CLO2.1		1			
CLO2.2			1		
CLO3.1				1	
CLO4.1					1

Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo phân nhiệm cho học phần Đàm phán và Quản lý xung đột

Ký hiệu CĐR	CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA CTĐT	TĐNL
1.1.	Phân tích những lý luận về đàm phán và quản lý xung đột trong đàm phán trong quản lý tổ chức và quản lý kinh tế	K4
2.1	Áp dụng được lý luận về đàm phán trong hoạt động quản lý tổ chức và quản lý kinh tế	S4
2.2	Áp dụng được lý luận về quản lý xung đột trong đàm phán trong hoạt động cụ thể quản lý tổ chức và quản lý kinh tế	S4
3.1	Vận dụng được kỹ năng đàm phán và quản lý xung đột trong đàm phán trong tình huống thực tiễn quản lý tổ chức và quản	S4

	lý kinh tế	
4.1.	Phân tích bối cảnh của đàm phán và quản lý xung đột trong quản lý tổ chức và quản lý kinh tế	K4

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
1.1.	4	Phân tích những lý luận về đàm phán và quản lý xung đột trong đàm phán trong quản lý tổ chức và quản lý kinh tế	Thuyết trình; Thảo luận, Nghiên cứu tình huống	Tự luận; Chấm Đồ án cá nhân
2.1	4	Áp dụng được lý luận về đàm phán trong hoạt động quản lý tổ chức và quản lý kinh tế	Thuyết trình; Thảo luận, Nghiên cứu tình huống, Đồ án cá nhân	Tự luận; Chấm Đồ án cá nhân
2.2	4	Áp dụng được lý luận về quản lý xung đột trong đàm phán trong hoạt động quản lý tổ chức và quản lý kinh tế	Nghiên cứu tình huống; Thảo luận, Dạy tự nghiên cứu	Tự luận; Chấm Đồ án cá nhân
3.1	4	Vận dụng được kỹ năng đàm phán và quản lý xung đột trong đàm phán trong tình huống thực tiễn quản lý tổ chức và quản lý kinh tế	Thuyết trình; Thảo luận, Nghiên cứu tình huống, Đồ án cá nhân	Chấm Đồ án cá nhân

4.1	4	Phân tích bối cảnh của đàm phán và quản lý xung đột trong quản lý tổ chức và quản lý kinh tế	Thuyết trình; Thảo luận, Nghiên cứu tình huống, Đồ án cá nhân	Chấm Đồ án cá nhân
-----	---	-----------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------	--------------------

Ghi chú:

- Khi đối sánh với CDR CTĐT, cần ghi rõ trình độ năng lực (TĐNL) phân nhiệm cho học phần bằng số tương ứng trong ngoặc đơn.
- TĐNL được ký hiệu bằng chữ số chẵn tương ứng: 1, 2, 3, 4, 5 (Phụ lục 1)
- Ví dụ về phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu...
- Ví dụ về phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				50%
A1.1	Chuyên cần thái độ	Rubric 1		10%
A1.2	Thảo luận (câu hỏi, thực hiện trên hệ thống elearning)	Đáp án, Rubric 2	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2	10%
A1.3	Bài tập (câu hỏi, thực hiện trên hệ thống elearning)	Đáp án, Rubric 2	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2	30%
A2. Đánh giá cuối kỳ (đồ án môn học)				50%
A.2	Đánh giá đồ án cá nhân	Rubric 3	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO4.1	50%

Công thức tính điểm tổng kết: $A1.1*0.1+A1.2*0.1+A1.3*0,3+A2*0.5$

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

5.2.1. Bộ tiêu chí đánh giá học tập thường xuyên

Rubric 1: Tiêu chí đánh giá chuyên cần thái độ

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Tham gia lớp học	Vắng 0 tiết học	Vắng dưới 5% tiết học	Vắng 5-10% tiết học	Vắng 10-20% tiết học	Vắng học quá 20% tiết học (trên 2 buổi)	35%
Học bài Elearning	85-100%	70-84%	55-69%	40-54%	0-39%	35%
Tham gia các hoạt động trên lớp (phát biểu, trình bày báo cáo,...)	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Không tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Không tham gia hoạt động tại lớp	30%

5.2.2. Bộ tiêu chí đánh giá bài thảo luận và bài tập

Rubric 2: Đánh giá bài thảo luận và bài tập

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung	- Cấu trúc đảm bảo yêu cầu, logic,	- Các ý tưởng, khái niệm phù	- Các ý tưởng, khái niệm phù	- Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử	Không có nội dung hoặc nội	90%

	<p>rõ ràng, mạch lạc, chặt chẽ và thống nhất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các ý tưởng, khái niệm là rất phù hợp chủ đề đề án - Sử dụng bằng chứng, ví dụ rõ ràng, sinh động, thời sự và đáng tin cậy - Xác định và phân tích sâu sắc các vấn đề cần giải quyết 	<p>hợp chủ đề đề án</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. - Sử dụng bằng chứng, ví dụ rõ ràng, thời sự và đáng tin cậy. - Xác định và phân tích được các vấn đề cần giải quyết 	<p>hợp chủ đề đề án</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ chưa rõ ràng. - Sử dụng bằng chứng, ví dụ chưa đảm bảo sự rõ ràng, thời sự và đáng tin cậy 	<p>dụng thuật ngữ chưa rõ ràng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa sử dụng bằng chứng minh họa cho nội dung yêu cầu 	<p>dung không phù hợp với yêu cầu, hoặc sao chép từ tài liệu cũ</p>	
Hình thức	<p>Đạt tất cả các yêu cầu về định dạng và bố cục của bài viết; căn lề, cách đoạn, giãn dòng đúng yêu cầu; bài viết trình bày rõ ràng, các phân đoạn kết nối đúng, hình thức trình bày chuyên nghiệp.</p>	<p>Đạt phần lớn các yêu cầu về định dạng và bố cục của bài viết; căn lề, cách đoạn, giãn dòng đúng yêu cầu; bài viết trình bày rõ ràng và các phân đoạn kết nối đúng</p>	<p>Đạt các yêu cầu về định dạng và bố cục của bài viết; căn lề, cách đoạn, giãn dòng nhìn chung đúng yêu cầu; bài viết trình bày rõ ràng nhưng vài phân đoạn chưa được kết nối đúng.</p>	<p>Không đáp ứng các yêu cầu về định dạng và bố cục của bài viết; căn lề, cách đoạn, giãn dòng sai yêu cầu; trình bày không rõ ràng.</p>	<p>Không chỉnh sửa văn bản, trình bày cầu thả.</p>	10%

5.2.3. Bộ tiêu chí đánh giá đề án

Rubric 3: Đánh giá đề án

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc đảm bảo yêu cầu, logic, rõ ràng, mạch lạc, chặt chẽ và thống nhất - Các ý tưởng, khái niệm là rất phù hợp chủ đề đề án - Sử dụng bằng chứng, ví dụ rõ ràng, sinh động, thời sự và đáng tin cậy - Xác định và phân tích sâu sắc các vấn đề cần giải quyết 	<ul style="list-style-type: none"> - Các ý tưởng, khái niệm phù hợp chủ đề đề án - Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. - Sử dụng bằng chứng, ví dụ rõ ràng, thời sự và đáng tin cậy. - Xác định và phân tích được các vấn đề cần giải quyết 	<ul style="list-style-type: none"> - Các ý tưởng, khái niệm phù hợp chủ đề đề án - Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ chưa rõ ràng. - Sử dụng bằng chứng, ví dụ chưa đảm bảo sự rõ ràng, thời sự và đáng tin cậy 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ chưa rõ ràng. - Chưa sử dụng bằng chứng minh họa cho nội dung yêu cầu 	<p>Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu, hoặc sao chép từ tài liệu cũ</p>	40%
Thuyết trình và trả lời câu hỏi	<p>Trình bày tự tin, mạch lạc, rõ ràng, giọng điệu phù hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng ngôn ngữ chính xác, thuật ngữ chuyên ngành đúng, phong cách 	<p>Trình bày rõ ràng, mạch lạc, có sự tự tin tương đối.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng ngôn ngữ phù hợp, có thể còn đơn giản. - Quản lý thời gian tốt, 	<p>Trình bày cơ bản rõ ràng nhưng đôi khi thiếu tự tin, mạch lạc chưa cao.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngôn ngữ còn đơn giản, thuật ngữ chưa chính xác. - Quản lý 	<ul style="list-style-type: none"> - Không có sự chuẩn bị, thuyết trình rời rạc, thiếu mạch lạc. - Ngôn ngữ lộn xộn, sai sót nhiều. - Không quản lý được thời 	<p>Không thực hiện thuyết trình và trả lời câu hỏi</p>	40%

	<p>thuyết phục.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý thời gian hợp lý, làm chủ nhịp độ và thu hút người nghe. - Trả lời câu hỏi đầy đủ, logic, phân tích sâu sắc, minh chứng rõ ràng và thuyết phục. 	<p>bài thuyết trình có cấu trúc hợp lý.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời câu hỏi khá đầy đủ, lập luận hợp lý, minh chứng tương đối rõ ràng. 	<p>thời gian chưa tốt, nhịp độ chưa hợp lý.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời câu hỏi còn thiếu ý, phân tích chưa sâu, minh chứng chưa thuyết phục. 	<p>gian, gây mất tập trung.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không trả lời hoặc trả lời sai lệch, không liên quan đến câu hỏi 		
Hình thức	<p>Đạt tất cả các yêu cầu về định dạng và bố cục của bài viết; căn lề, cách đoạn, giãn dòng đúng yêu cầu; bài viết trình bày rõ ràng, các phân đoạn kết nối đúng, hình thức trình bày chuyên nghiệp.</p>	<p>Đạt phần lớn các yêu cầu về định dạng và bố cục của bài viết; căn lề, cách đoạn, giãn dòng đúng yêu cầu; bài viết trình bày rõ ràng và các phân đoạn kết nối đúng</p>	<p>Đạt các yêu cầu về định dạng và bố cục của bài viết; căn lề, cách đoạn, giãn dòng nhìn chung đúng yêu cầu; bài viết trình bày rõ ràng nhưng vài phân đoạn chưa được kết nối đúng.</p>	<p>Không đáp ứng các yêu cầu về định dạng và bố cục của bài viết; căn lề, cách đoạn, giãn dòng sai yêu cầu; trình bày không rõ ràng.</p>	<p>Không chỉnh sửa văn bản, trình bày câu thả.</p>	<p>20%</p>

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

1. Khoa Khoa học quân lý (2013), *Quân lý học*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
2. Kerry Patterson (Minh Hiếu dịch) (2014), *Những cuộc đàm phán quyết định: Bí quyết để đàm phán đạt hiệu quả cao*, NXB Thế giới.

6.2. Tài liệu tham khảo:

3. *Giao tiếp trong quản lý* (2006), Business Edge - Bộ sách tăng hiệu quả làm việc cá nhân, NXB Trẻ.
4. Cohen Herb, Người dịch: Nguyễn Vũ Thành, Minh Khôi (2013), *Bạn có thể đàm phán bất cứ điều gì*, NXB Lao động - Xã hội.

7. Kế hoạch dạy học

Chương 1: GIỚI THIỆU VỀ ĐÀM PHÁN VÀ QUẢN LÝ XUNG ĐỘT

1.1. Đàm phán và các loại hình đàm phán

- 1.1.1. Bản chất của đàm phán
- 1.1.2. Sự khác biệt giữa giao tiếp và đàm phán
- 1.1.3. Các loại hình đàm phán

1.2. Các nhân tố quan trọng trong đàm phán

- 1.2.1. Mối quan hệ giữa các bên tham gia đàm phán
- 1.2.2. Giao tiếp trong quá trình đàm phán
- 1.2.3. Lợi ích của các bên tham gia đàm phán
- 1.2.4. BATNA
- 1.2.5. Cam kết và trách nhiệm của các bên tham gia đàm phán

1.3. Nội dung và mục tiêu của đàm phán

- 1.3.1. Nội dung đàm phán
- 1.3.2. Mục tiêu của Đàm phán
 - 1.3.2.1. Đạt được sự đồng thuận
 - 1.3.2.2. Tối ưu hóa lợi ích
 - 1.3.2.3. Xây dựng và duy trì mối quan hệ
 - 1.3.2.4. Giải quyết xung đột

Tài liệu:

1. Khoa Khoa học quân lý (2013), *Quân lý học*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
2. Cohen Herb, Người dịch: Nguyễn Vũ Thành, Minh Khôi (2013), *Bạn có thể đàm phán bất cứ điều gì*, NXB Lao động - Xã hội.

CHƯƠNG 2: CÁC KỸ NĂNG QUAN TRỌNG TRONG ĐÀM PHÁN VÀ QUẢN LÝ XUNG ĐỘT

2.1. Xác định bối cảnh đàm phán

- 2.1.1. Bối cảnh bên ngoài
- 2.1.2. Bối cảnh bên trong tổ chức

2.2. Xác định khuôn khổ và phạm vi của đàm phán

- 2.2.1. Khái niệm và quy định khuôn khổ đàm phán
- 2.2.2. Các loại hình khuôn khổ đàm phán phổ biến
- 2.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định khuôn khổ đàm phán

2.3. Chiến lược và chiến thuật đàm phán

- 2.3.1. Phương pháp và kỹ thuật chiến lược đàm phán
- 2.3.2. Chiến lược tổ chức và cá nhân trong đàm phán

2.4. Xác định mức độ linh hoạt và kết quả mong muốn

- 2.4.1. Xác định mục tiêu tối đa, tối thiểu và mức độ thỏa thuận
- 2.4.2. Xử lý các biến động và thay đổi trong quá trình đàm phán

2.5. Nghệ thuật trong quá trình đàm phán và quản lý xung đột

- 2.5.1. Nghệ thuật lắng nghe và phản hồi
- 2.5.2. Nghệ thuật đặt câu hỏi và thu thập thông tin
- 2.5.3. Nghệ thuật thuyết phục và thỏa hiệp

2.5.4. Nghệ thuật giải quyết xung đột

- Tài liệu:

1. Khoa Khoa học quân lý (2013), *Quân lý học*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
2. *Giao tiếp trong quân lý* (2006), Business Edge - Bộ sách tăng hiệu quả làm việc cá nhân, NXB Trẻ.
3. Cohen Herb, Người dịch: Nguyễn Vũ Thành, Minh Khôi (2013), *Bạn có thể đàm phán bất cứ điều gì*, NXB Lao động - Xã hội.

CHƯƠNG 3: QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐÀM PHÁN TRONG TỔ CHỨC

3.1. Chuẩn bị và lập kế hoạch cho cuộc đàm phán

- 3.1.1. Phân tích và đánh giá tình hình
- 3.1.2. Xác định mục tiêu và chiến lược đàm phán

3.2. Thực hiện cuộc đàm phán

- 3.2.1. Tổ chức và điều phối cuộc đàm phán
- 3.2.2. Mở đầu và tạo ra môi trường tích cực
- 3.2.3. Thực hiện các vòng đàm phán và xử lý biến động

3.3. Kết thúc và đánh giá cuộc đàm phán

- 3.3.1. Đạt được thỏa thuận và ký kết hợp đồng
- 3.3.2. Rút kinh nghiệm và đánh giá hiệu suất của cuộc đàm phán

- Tài liệu:

1. Khoa Khoa học quân lý (2013), *Quân lý học*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
2. Kerry Patterson (Minh Hiếu dịch) (2014), *Những cuộc đàm phán quyết định: Bí quyết để đàm phán đạt hiệu quả cao*, NXB Thế giới.
3. *Giao tiếp trong quân lý*, Business Edge - Bộ sách tăng hiệu quả làm việc cá nhân, NXB Trẻ.
4. Cohen Herb, Người dịch: Nguyễn Vũ Thành, Minh Khôi (2013), *Bạn có thể đàm phán bất cứ điều gì*, NXB Lao động - Xã hội.

CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ XUNG ĐỘT TRONG ĐÀM PHÁN VÀ TỔ CHỨC

4.1. Xác định nguồn gốc của xung đột trong đàm phán

4.1.1. Định nghĩa về xung đột trong đàm phán

4.1.2. Phân loại và các cấp độ của xung đột trong đàm phán

4.2. Quản lý xung đột trong đàm phán

4.2.1. Mục tiêu và ý nghĩa của quản lý xung đột

4.2.2. Cơ sở lý thuyết và thực tiễn của quản lý xung đột

4.2.3. Quan sát và phản ứng đối với các biểu hiện của xung đột

4.2.4. Thách thức và khó khăn trong quản lý xung đột

4.2.5. Phương pháp và chiến lược giải quyết xung đột hiệu quả

4.3. Kỹ năng giao tiếp trong quản lý xung đột trong đàm phán

4.3.1. Quy tắc và nguyên tắc cơ bản của giao tiếp trong quản lý xung đột

4.3.2. Kỹ năng và phương pháp giao tiếp hiệu quả trong quản lý xung đột

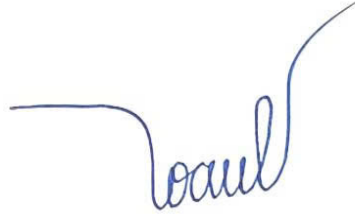
- Tài liệu:

1. Khoa Khoa học quân lý (2013), *Quân lý học*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
2. Kerry Patterson (Minh Hiếu dịch) (2014), *Những cuộc đàm phán quyết định: Bí quyết để đàm phán đạt hiệu quả cao*, NXB Thế giới.
3. *Giao tiếp trong quân lý* (2006), Business Edge - Bộ sách tăng hiệu quả làm việc cá nhân, NXB Trẻ.
4. Cohen Herb, Người dịch: Nguyễn Vũ Thành, Minh Khôi (2013), *Bạn có thể đàm phán bất cứ điều gì*, NXB Lao động - Xã hội.

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2022

Trưởng đơn vị cấp 2

Trưởng đơn vị cấp 3

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Thái Thị Kim Oanh'.

PGS.TS. Thái Thị Kim Oanh

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Lê Vũ Sao Mai'.

TS. Lê Vũ Sao Mai

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG KINH TẾ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
QUẢN LÝ SỰ THAY ĐỔI VÀ ĐỔI MỚI
Management of change and innovation

1. Tên môn học: QUẢN LÝ SỰ THAY ĐỔI VÀ ĐỔI MỚI_3 (2,1)

2. Mã số môn học: QLTĐDM - 721

3. Số tín chỉ: 03

4. Bộ môn phụ trách: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế

5. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 30 tiết

- Thảo luận (thực hành), xemina, bài tập: 15 tiết

- Tự học: 90 tiết

6. Mô tả tóm tắt môn học: Học phần Quản lý sự thay đổi và đổi mới trang bị cho học viên cao học chuyên ngành Quản lý kinh tế hệ thống tri thức về những vấn đề chung của sự thay đổi và quản trị sự thay đổi và đổi mới trong tổ chức.

7. Mục tiêu của môn học: Giúp học viên nhận thức được những vấn đề trong quản lý thay đổi và đổi mới tổ chức, các mô hình quản lý thay đổi phổ biến trên thế giới, cách thức quản trị quá trình chuyển tiếp trong tổ chức và cách thức tiến hành đổi mới tổ chức nhằm bắt kịp với sự biến đổi nhanh chóng của nền kinh tế trong nước và nền kinh tế thế giới gây ra bởi những tác động sâu rộng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	PLO1.1	PLO2.1
CLO1.1	0,4	-
CLO1.2	0,6	-
CLO2.1	-	0,6
CLO2.2	-	0,4

4.2. Mô tả CLO, phương pháp dạy học và đánh giá

CĐR học phần	Mức độ năng lực	Mô tả	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	Hiểu	Trình bày khái niệm, mô hình quản lý sự thay đổi	Thuyết trình, thảo luận	Trắc nghiệm, tự luận
CLO1.2	Phân tích	Phân tích nhân tố và nguyên nhân thất bại trong thay đổi	Thảo luận, tình huống	Bài kiểm tra, thi cuối kỳ
CLO2.1	Vận dụng	Xây dựng kế hoạch triển khai thay đổi	Làm việc nhóm	Tiểu luận nhóm, thi cuối kỳ
CLO2.2	Vận dụng	Áp dụng truyền thông và quản trị nhân lực trong thay đổi	Tình huống, seminar	Bài tập nhóm, thi cuối kỳ

8. Nội dung của môn học: QUẢN LÝ SỰ THAY ĐỔI VÀ ĐỔI MỚI _3 (2,1)

Chương 1. Tổng quan về sự thay đổi

(LT/BT/TH: 8/4/18)

1.1. Khái lược về thay đổi và phát triển

1.1.1. Thay đổi là gì?

1.1.2. Khái lược về sự phát triển

1.1.3. Các phương thức thay đổi và phát triển

1.1.4. Những nguồn lực cần thiết cho sự thay đổi

1.2. Các mô hình quản lý sự thay đổi của tổ chức

1.2.1. Mô hình của Lewin

1.2.2. Mô hình của Beckhard

1.2.3. Mô hình của Thurley

1.2.4. Mô hình của Kotter

- Tài liệu:

1. Allan Afuah, Quản trị quá trình đổi mới và sáng tạo (Chiến lược, quy trình, phương pháp triển khai và lợi nhuận, Nhà xuất bản đại học Kinh tế quốc dân, 2016.
2. Balogun, J. & Hailey, V. H., Exploring Strategic Change, 3rd ed, Financial Times Prentice Hall: Harlow, 2008.
3. Huczynski, A. A. & Buchanan, D. A., Organisational Behaviour, 6th ed, Pearson Education: Milan, 2007.
4. Stone, R. J., Human Resource Management, 6th ed, John Wiley & Sons Australia: Milton, 2008.

Chương 2. Nhận diện sự thay đổi trong tổ chức

(LT/BT/TH: 8/4/24)

2.1. Phương pháp tiếp cận sự thay đổi

- a. Thuyết E - Phương pháp tiếp cận về kinh tế
- b. Thuyết O - Phương pháp tiếp cận về năng lực tổ chức
- c. Lựa chọn phương pháp thích hợp

2.2. Nguyên nhân dẫn đến sự thất bại trong đổi mới tổ chức

- a. Thả nổi tính tự mãn
- b. Không tạo lập được một nhóm dẫn đường đủ mạnh

c. Đánh giá quá thấp sức mạnh của tầm nhìn

d. Không truyền đạt rõ tầm nhìn tới cả thành viên của tổ chức

2.3. Điều kiện để thay đổi

2.3.1. Người lãnh đạo của tổ chức

2.3.2. Có động lực thay đổi

2.3.3. Thách thức tính tự mãn của tổ chức

2.3.4. Chế độ khen thưởng hợp lý

2.3.5. Sự phân chia cấp bậc trong công ty

2.4. Các bước thúc đẩy sự thay đổi của tổ chức

2.4.1. Đánh giá khả năng sẵn sàng thay đổi của từng bộ phận

2.4.2. Triển khai nhiều phương pháp tham gia để tiếp cận cách xử lý công việc hàng ngày

2.4.3. Tăng tính dân chủ trong tổ chức

2.5. Phương pháp thực hiện sự thay đổi trong tổ chức

2.5.1. Xác định nguyên nhân thay đổi và đề xuất các giải pháp

2.5.2. Phát triển tầm nhìn chung về cách tổ chức và quản lý khả năng cạnh tranh

2.5.3. Xác định quyền lãnh đạo

2.5.4. Thường xuyên đánh giá kết quả của tổ chức

2.5.5. Tiến hành sự thay đổi từ bên ngoài vào bên trong

2.5.6. Tái cấu trúc lại chính sách, hệ thống và cơ cấu của tổ chức

2.5.7. Kiểm soát và điều chỉnh chiến lược đáp ứng các vấn đề trong quá trình thay đổi

2.6. Các nhân tố tác động tới quá trình thay đổi của tổ chức

2.6.1. Nhà lãnh đạo

2.6.2. Bộ phận quản lý nguồn nhân lực

2.7. Những sai lầm cần tránh khi tiến hành thay đổi tổ chức

- *Tài liệu:*

1. Allan Afuah, Quản trị quá trình đổi mới và sáng tạo (Chiến lược, quy trình, phương pháp triển khai và lợi nhuận, Nhà xuất bản đại học Kinh tế quốc dân, 2016.
2. Balogun, J. & Hailey, V. H., Exploring Strategic Change, 3rd ed, Financial Times Prentice Hall: Harlow, 2008.
3. Huczynski, A. A. & Buchanan, D. A., Organisational Behaviour, 6th ed, Pearson Education: Milan, 2007.
4. Stone, R. J., Human Resource Management, 6th ed, John Wiley & Sons Australia: Milton, 2008.

Chương 3. Xây dựng chiến lược quản lý sự thay đổi

(LT/BT/TH: 8/4/24)

3.1. Thực hiện sự thay đổi

3.1.1. Tranh thủ sự hỗ trợ và tham gia của những người chính yếu

3.1.2. Lập kế hoạch thay đổi

3.1.3. củng cố và bổ sung kế hoạch thay đổi thường xuyên

3.1.4. Phát triển các cơ cấu hỗ trợ

3.1.5. Tăng cường truyền thông và giao tiếp trong tổ chức

3.1.6. Xử lý các lực cản đối với quá trình chuyển tiếp

3.2. Các kiểu quản lý sự thay đổi

3.3. Thiết lập quá trình chuyển tiếp

3.3.1. Nhận diện các rào cản

3.3.2. Thiết kế quá trình chuyển tiếp

3.3.2.1. Ở cấp độ tổ chức

3.3.2.2. Ở cấp độ cá nhân

3.3.2.3. Liên kết quá trình chuyển tiếp của cá nhân với tổ chức

3.3.3. Huy động để thay đổi

3.3.4. Thiết lập và sắp xếp các đòn bẩy

3.3.5. Liên kết quá trình chuyển tiếp và các lựa chọn thay đổi

- *Tài liệu:*

1. Allan Afuah, Quản trị quá trình đổi mới và sáng tạo (Chiến lược, quy trình, phương pháp triển khai và lợi nhuận, Nhà xuất bản đại học Kinh tế quốc dân, 2016.

2. Balogun, J. & Hailey, V. H., Exploring Strategic Change, 3rd ed, Financial Times Prentice Hall: Harlow, 2008.

3. Huczynski, A. A. & Buchanan, D. A., Organisational Behaviour, 6th ed, Pearson Education: Milan, 2007.

4. Stone, R. J., Human Resource Management, 6th ed, John Wiley & Sons Australia: Milton, 2008.

Chương 4. Những yếu tố thúc đẩy sự thay đổi

(LT/BT/TH: 6/4/24)

4.1. Giao tiếp trong quá trình thay đổi

4.2. Hệ thống quản lý nguồn nhân lực

4.3. Mối liên hệ giữa giao tiếp, các biện pháp can thiệp nhân sự và lựa chọn thay đổi

- *Tài liệu:*

1. Allan Afuah, Quản trị quá trình đổi mới và sáng tạo (Chiến lược, quy trình, phương pháp triển khai và lợi nhuận, Nhà xuất bản đại học Kinh tế quốc dân, 2016.

2. Balogun, J. & Hailey, V. H., Exploring Strategic Change, 3rd ed, Financial Times Prentice Hall: Harlow, 2008.
3. Huczynski, A. A. & Buchanan, D. A., Organisational Behaviour, 6th ed, Pearson Education: Milan, 2007.
4. Stone, R. J., Human Resource Management, 6th ed, John Wiley & Sons Australia: Milton, 2008.

9. Số tiết phân bổ:

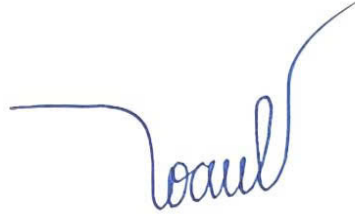
Nội dung môn học	Phân bổ số tiết của môn học		
	Lý thuyết	Thảo luận (Thực hành)	Tự học
Chương 1	8	3	18
Chương 2	8	4	24
Chương 3	8	4	24
Chương 4	6	4	24
Tổng cộng	30	15	90

10. Tài liệu tham khảo:

1. Allan Afuah, Quản trị quá trình đổi mới và sáng tạo (Chiến lược, quy trình, phương pháp triển khai và lợi nhuận), Nhà xuất bản đại học Kinh tế quốc dân, 2016.

Trưởng đơn vị cấp 2

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2022
Trưởng đơn vị cấp 3

Handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Oanh'.

PGS.TS. Thái Thị Kim Oanh

Handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Sao Mai'.

TS. Lê Vũ Sao Mai

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

TRƯỜNG KINH TẾ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN: QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC NÂNG CAO

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: PGS.TS. Thái Thị Kim Oanh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Kinh tế

Điện thoại, email: 0917774489, oanhttk@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Quản trị chiến lược, Văn hoá kinh doanh

Giảng viên 2: TS. Hoàng Thị Cẩm Thương

Địa chỉ liên hệ: Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Kinh tế

Điện thoại, email: thuonghtc@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Marketing, Quản trị chiến lược

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC NÂNG CAO

(tiếng Anh): STRATEGIC MANAGEMENT

- Mã số học phần:

- Thuộc CTĐT thạc sĩ ngành: Quản trị kinh doanh

- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

Kiến thức chung

<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành/chuyên ngành	<input type="checkbox"/> Học phần dạy học theo hình thức dự án/đề án
<input type="checkbox"/> Kiến thức ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
- Số tín chỉ: 3 + Số tiết lý thuyết: 30 + Số tiết thảo luận/bài tập: 15 + Số tiết thực hành: + Số tiết thực hiện đề án, dự án: + Số tiết tự học: 90	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: Mã số HP: + Học phần học trước: Mã số HP:	
- Yêu cầu của học phần: + Thời gian tối thiểu học viên phải có mặt trên lớp: 80% + Học viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo... qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. +...	
- Khoa/Ngành/Chuyên ngành phụ trách học phần: Khoa Quản trị kinh doanh Điện thoại: Email:	

2. Mô tả học phần

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh, cung cấp các kiến thức về quản trị chiến lược nâng

cao, các hoạt động chính yếu của quản trị chiến lược, vai trò của quản trị chiến lược và các kỹ năng cũng như sự vận dụng các kỹ năng của nhà quản trị.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần Quản trị chiến lược nâng cao học viên có thể vận dụng được các kiến thức nâng cao về quản trị chiến lược trong doanh nghiệp. Đồng thời học viên có khả năng vận dụng linh hoạt và sáng tạo các công cụ phân tích, đánh giá môi trường; công cụ phân tích, lựa chọn chiến lược tối ưu; có khả năng phân tích, đánh giá, dự báo môi trường và đề xuất được các mục tiêu và giải pháp chiến lược của doanh nghiệp.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Ký hiệu các CDR học phần được thống nhất là: CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1...)

4.1. Trọng số đóng góp của chuẩn đầu ra học phần cho chuẩn đầu ra CTĐT

CDR học phần	Trọng số đóng góp của CLO cho PLO				
	PLO1.1	PLO2.1	PLO4.1	PLO4.2	
	1.2.1	2.1.1	4.1.2	4.2.1	4.2.2
CLO 1.2	1				
CLO 2.1		1			
CLO 4.1			1		

CLO 4.2				1	1
------------	--	--	--	---	---

Ghi chú:

- Ví dụ: CLO1.1 đóng góp 40% (0,4) và CLO1.2 đóng góp 60% (0,6) cho PLO1.1.1, tức là điểm của CLO1.1 chiếm 40% và điểm của CLO1.2 chiếm 60% cho điểm của PLO1.1.1 đạt được ở học phần này.

- Mỗi chuẩn đầu ra CTĐT được phát triển thành 1 hoặc nhiều hơn 1 chuẩn đầu ra học phần; không phát triển theo hướng 1 chuẩn đầu ra học phần đáp ứng nhiều hơn 1 chuẩn đầu ra CTĐT.

4.2. Mô tả chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO 1.2	K4	Phân tích được kiến thức chuyên sâu, tiên tiến về quản trị để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.	Thuyết trình Nghiên cứu tình huống	Bài tập Thi tự luận
CLO 2.1	S4	Vận dụng tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.	Thuyết trình Nghiên cứu tình huống	Bài tập Thi tự luận
CLO 4.1	K4	Phân tích được bối cảnh doanh nghiệp	Thuyết trình Nghiên cứu tình huống	Bài tập Thi tự luận

			Làm việc nhóm Thảo luận	
CLO 4.2	K4	Hình thành, thiết lập ý tưởng giải quyết vấn đề thực tiễn, phân tích được quá trình hoạch định, tổ chức thực hiện các kết quả thực tiễn trong hoạt động quản trị kinh doanh	Làm việc nhóm Thảo luận	Bài tập Thi tự luận

Ghi chú:

- *Lĩnh vực của CDR: Kiến thức được ghi là K, Kỹ năng là S và Thái độ là A.*

- *Mức năng lực của chuẩn đầu ra được ghi trong bảng là giá trị điểm năng lực thấp nhất của chuẩn đầu ra đó, cụ thể là: Mức 3 là “2,5”, Mức 4 là “3,5”, Mức 5 là “4,5”.*

- *Ví dụ về phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu...*

- *Ví dụ về phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...*

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Tên bài đánh giá	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ cho bài đánh giá	Tỷ lệ cho học phần

A1. Đánh giá thường xuyên (tối thiểu 02 bài đánh giá)					50%
A1.1	Câu hỏi thảo luận	Rubric 1	CLO1.1	5%	
			CLO 2.1	5%	
A1.2	Bài tập tự luận 1	Rubric 2	CLO1.1	10%	
			CLO 2.1	10%	
A1.3	Bài tập tự luận 2	Rubric 3	CLO1.1	10%	
			CLO 2.1	10%	
A2. Đánh giá cuối kì: Thi kết thúc học phần hoặc làm Tiểu luận					50%
A2.1	- Thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	Đáp án	CLO1.1	10%	50%
			CLO2.1	20%	
			CLO4.1	10%	
			CLO4.2	10%	
Công thức tính điểm học phần: $(\dots + \dots + \dots) \times 50\% + (\dots + \dots + \dots) \times 50\%$					

Ghi chú:

- *Cột CDR học phần: Những học phần đánh dấu “*” sẽ được triển khai đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra.*

- *Cột tỷ lệ cho bài đánh giá: Bài đánh giá thể hiện rõ những CDR học phần được đánh giá và trọng số đóng góp của mỗi CDR cho bài đánh giá. Trọng số này được sử dụng làm cơ sở để phân chia điểm khi xây dựng thang điểm hay rubric nếu 1 bài đánh giá có nhiều CLO.*

- *Cột tỷ lệ cho học phần: Điểm học phần bao gồm 2 nhóm điểm: điểm đánh giá thường xuyên (50%) và điểm đánh giá cuối kì (50%). Do đó, đề cương chi tiết cần xác định rõ tỷ lệ % của mỗi bài đánh giá sao cho tổng % của các bài đánh giá thường xuyên là 100% và tổng % của các bài đánh giá cuối kỳ là 100%.*

- Đề cương chi tiết học phần cần chỉ rõ nơi lưu giữ bài kiểm tra – đánh giá như: LMS, Trung tâm đảm bảo chất lượng...

5.2. Ma trận tỷ lệ đánh giá mức năng lực của các CDR

CDR học phần	Mức năng lực	Trọng số điểm cho từng CDR	MNL đánh giá	Trọng số
CLO 1.2*		x%	Mức 2	40%
			Mức 3	60%
CLO 2.1*		y%	Mức 2	40%
			Mức 3	60%
CLO 4.1*		z%	Mức 2	40%
			Mức 3	60%
CLO 4.2*		n%	Mức 2	40%
			Mức 3	60%

5.3. Ma trận đề thi và các bộ tiêu chí đánh giá

5.3.1. Ma trận đề thi trắc nghiệm/tự luận

5.3.2. Rubric 1: Đánh giá bài A1.2

5.3.3. Rubric 2: Đánh giá bài A1.2

5.3.4. Rubric 3: Đánh giá bài A2.1

Bảng 1. Rubric câu hỏi thảo luận theo phân theo mức độ (A1.2)

TT	Nội dung	Tổng số câu hỏi	Mức độ hiểu	Mức độ vận dụng	Mức độ phân tích
1	Tổng quan về quản trị chiến lược	3	1	1	1
2	Vai trò của chiến lược	3	1	1	1

3	Nội dung của quản trị chiến lược	3	1	1	1
4	Xây dựng sứ mệnh và tầm nhìn chiến lược	3	1	1	1
5	Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	3	1	1	1
6	Nội dung quản trị mục tiêu chiến lược	3	1	1	1
7	Các giải pháp chiến lược cạnh tranh		1	1	1
8	Các giải pháp chiến lược phát triển	3	1	1	1
9	Vai trò của văn hoá doanh nghiệp trong thực thi chiến lược	3	1	1	1
10	Chiến lược cạnh tranh trong nền kinh tế số	3	1	1	1
Tổng					
Tỉ lệ (%)					

Bảng 2. Rubric Bài tập tự luận 1 theo phân theo mức độ (A1.2)

TT	Nội dung	Tổng số câu hỏi	Mức độ vận dụng	Mức độ phân tích
1	Bài tập tình huống về vai trò quản trị chiến lược	2	1	1
2	Bài tập tình huống về chiến lược	2	1	1
3	Bài tập tình huống về tư duy quản trị chiến lược			
4	Bài tập tình huống về sứ mệnh doanh nghiệp	2	1	1

5	Bài tập tình huống về tầm nhìn chiến lược của doanh nghiệp			
6	Bài tập tình huống về đạo đức kinh doanh của doanh nghiệp	2	1	1
7	Bài tập tình huống về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	2	1	1
8	Bài tập tình huống về phân loại mục tiêu chiến lược	2	1	1
9	Bài tập tình huống về căn cứ xác định mục tiêu chiến lược			
10	Bài tập tình huống về quy trình quản trị mục tiêu chiến lược	2	1	1
Tổng		20	10	10
Tỉ lệ (%)				

Bảng 3. Rubric Bài tập tự luận 2 theo phân theo mức độ (A1.3)

TT	Nội dung	Tổng số câu hỏi	Mức độ vận dụng	Mức độ phân tích
1	Bài tập tình huống về chiến lược khác biệt hoá sản phẩm	2	1	1
2	Bài tập tình huống về chi phí	2	1	1
3	Bài tập tình huống về chiến lược đa dạng hoá	2	1	1
4	Bài tập tình huống về chiến lược liên kết	2	1	1
5	Bài tập tình huống về vai trò của văn hoá doanh nghiệp	2	1	1

6	Bài tập tình huống về phát triển văn hoá doanh nghiệp	2	1	1
7	Bài tập tình huống về lãnh đạo thực thi chiến lược	2	1	1
8	Bài tập tình huống về xử lý xung đột trong thực thi chiến lược	2	1	1
9	Bài tập tình huống về sự khác biệt môi trường kinh doanh	2	1	1
10	Bài tập tình huống về chiến lược cạnh tranh trong nền kinh tế số	2	1	1
Tổng		20	10	10
Tỉ lệ (%)				

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

6.1. Giáo trình:

[1] Thái Thị Kim Oanh, *Giáo trình Quản trị chiến lược*, NXB Đại học Vinh, 2017.

[2] Ngô Kim Thanh, *Giáo trình Quản trị chiến lược*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2011.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[3] 1. Marcel Van Assen - Gerben Van Den Berg - Paul Pietersma, Trịnh Minh Lan, Nguyễn Phương Lan (Biên dịch), *Những mô hình quản trị kinh điển*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2011

[4] Hoàng Văn Hải, *Quản trị chiến lược*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017

7. Kế hoạch dạy học

Lý thuyết

Buổi (số tiết)	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Hoạt động học của người học	CĐR học phần	Bài đánh giá
1 (5)	1.1. Khái quát về chiến lược 1.2. Quản trị chiến lược	<ul style="list-style-type: none"> - Phát vấn: Gv đặt câu hỏi cho học viên trả lời và ngược lại (nếu có) - Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide - Trao đổi: Vai trò của nhà quản trị trong bối cảnh hiện nay - Hướng dẫn tương tác với sinh viên qua hệ thống quản trị LMS 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo. - Lập email group của từng nhóm/ hoặc ứng dụng CNTT để tạo group khác của nhóm và kết nối với giáo viên 	CLO 1.2 CLO 2.1 CLO4.1 CLO4.2	A1.1
2(5)	1.3. Tư duy quản trị chiến lược	<ul style="list-style-type: none"> - Phát vấn: Gv đặt câu hỏi cho học viên trả lời và ngược lại (nếu có) - Thuyết giảng kết hợp với bài 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo. - Lập email group của từng nhóm/ hoặc 		

		giảng slide - Trao đổi: Vai trò của nhà quản trị trong bối cảnh hiện nay - Hướng dẫn tương tác với sinh viên qua hệ thống quản trị LMS	ứng dụng CNTT để tạo group khác của nhóm và kết nối với giáo viên		
3 (5)	2.1. Xây dựng sứ mệnh và tầm nhìn chiến lược 2.2. Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	- Phát vấn: Gv đặt câu hỏi cho học viên trả lời và ngược lại (nếu có) - Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide - Hướng dẫn tương tác với sinh viên qua hệ thống quản trị LMS	- Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo. - Lập email group của từng nhóm/ hoặc ứng dụng CNTT để tạo group khác của nhóm và kết nối với giáo viên	CLO 1.2 CLO 2.1 CLO 4.1 CLO 4.2	A1.1
4(5)	3.1. Khái quát về mục tiêu chiến lược 3.2. Nội dung quản trị mục tiêu chiến lược	- Phát vấn: Gv đặt câu hỏi cho học viên trả lời và ngược lại (nếu có) - Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide	- Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo. - Lập email group của từng nhóm/ hoặc ứng dụng CNTT để tạo	CLO 1.2 CLO 2.1 CLO 4.1 CLO 4.2	A1.1

		- Hướng dẫn tương tác với sinh viên qua hệ thống quản trị LMS	group khác của nhóm và kết nối với giáo viên		
5(5)	4.1. Các giải pháp chiến lược cạnh tranh điển hình	- Phát vấn: Gv đặt câu hỏi cho học viên trả lời và ngược lại (nếu có) - Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide - Hướng dẫn tương tác với sinh viên qua hệ thống quản trị LMS	- Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo. - Lập email group của từng nhóm/ hoặc ứng dụng CNTT để tạo group khác của nhóm và kết nối với giáo viên	CLO 1.2 CLO 2.1 CLO4.1 CLO4.2	A1.2
6 (5)	4.1.Các giải pháp chiến lược phát triển 4.3. Các giải pháp chiến lược trong chu kỳ ngành	- Phát vấn: Gv đặt câu hỏi cho học viên trả lời và ngược lại (nếu có) - Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide - Hướng dẫn tương tác với sinh viên qua hệ thống quản trị LMS	- Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo. - Lập email group của từng nhóm/ hoặc ứng dụng CNTT để tạo group khác của nhóm và kết nối với giáo viên	CLO 1.2 CLO 2.1 CLO4.1 CLO4.2	A1.2

7 (5)	5.1. Phát triển văn hoá doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Phát vấn: Gv đặt câu hỏi cho học viên trả lời và ngược lại (nếu có) - Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide - Hướng dẫn tương tác với sinh viên qua hệ thống quản trị LMS 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo. - Lập email group của từng nhóm/ hoặc ứng dụng CNTT để tạo group khác của nhóm và kết nối với giáo viên 	<ul style="list-style-type: none"> CLO 1.2 CLO 2.1 CLO4.1 CLO4.2 	A1.2
8 (5)	5.2. Lãnh đạo chiến lược	<ul style="list-style-type: none"> - Phát vấn: Gv đặt câu hỏi cho học viên trả lời và ngược lại (nếu có) - Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide - Hướng dẫn tương tác với sinh viên qua hệ thống quản trị LMS 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo. - Lập email group của từng nhóm/ hoặc ứng dụng CNTT để tạo group khác của nhóm và kết nối với giáo viên 	<ul style="list-style-type: none"> CLO 1.2 CLO 2.1 CLO4.1 CLO4.2 	A1.2
9 (5)	6.1. Sự khác biệt về môi trường kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Phát vấn: Gv đặt câu hỏi cho học viên trả lời và ngược lại (nếu có) - Thuyết giảng 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo. - Lập email group của từng 	<ul style="list-style-type: none"> CLO 1.2 CLO 2.1 CLO4.1 CLO4.2 	

	6.2. Chiến lược cạnh tranh trong nền kinh tế số	kết hợp với bài giảng slide - Hướng dẫn tương tác với sinh viên qua hệ thống quản trị LMS	nhóm/ hoặc ứng dụng CNTT để tạo group khác của nhóm và kết nối với giáo viên		
--	-------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------	--	--

8. Ngày phê duyệt:

9. Cấp phê duyệt:

Trưởng đơn vị cấp 2



PGS.TS. Thái Thị Kim Oanh

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2022

Trưởng đơn vị cấp 3



TS. Lê Vũ Sao Mai

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: THỰC TẬP VÀ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP

Ngành đào tạo: Quản lý kinh tế

1. Thông tin tổng quát

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: PGS. TS. Trần Thị Hoàng Mai

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0917.118.846

Email: hoangmaikkt@gmail.com;

maitth@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý nhà nước về kinh tế, Quản lý tổ chức, Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế- xã hội.

Giảng viên 2: PGS. TS. Thái Thị Kim Oanh

Địa chỉ liên hệ: Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0917.774.489

Email: oanhttk@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý chiến lược và tổ chức, Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế- xã hội.

Giảng viên 3: TS. Nguyễn Thị Thuý Quỳnh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0912.923.433

Email: ntquynh83@gmail.com;

quynhntt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý nhà nước về kinh tế, Quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hóa, Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế- xã hội.

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt): Thực tập và Đồ án tốt nghiệp ngành Quản lý kinh tế (Tiếng Anh): Economic Management Graduation Internship and Project	
- Mã số học phần: TTĐATN	
- Thuộc CTĐT ngành: Quản lý kinh tế	Trình độ đào tạo: Thạc sỹ

- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức đại cương/chung <input type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức khác <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành	
- Thuộc loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt <input type="checkbox"/> Tự chọn buộc	
- Số tín chỉ: + Số tiết lý thuyết: + Số tiết thảo luận/bài tập: + Số tiết thực hành, thực tế: + Số tiết tự học:	
- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh.	
- Đơn vị khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế	

2. Mô tả học phần

Học phần ***Thực tập và Đồ án tốt nghiệp*** là học phần kết thúc trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng. Học phần có tổng thời lượng là 15 tín chỉ, trong đó phần Thực tập tại cơ sở 06 tín chỉ, trong thời gian 02 tháng. Phần Đồ án tốt nghiệp có thời lượng 09 tín chỉ được học viên thực hiện trong khoảng thời gian từ 03 đến 04 tháng dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

3. Mục tiêu học phần

- (i) Các kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành một cách hệ thống;
- (ii) Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp;
- (iii) Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp

để phát triển năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và đánh giá các kiến thức đã học vào công việc thực tế trong hoạt động nghề nghiệp.

Học viên có thể kết hợp thực hiện đồ án tốt nghiệp trong quá trình làm việc đơn vị thực tập. Học viên được giao nhiệm vụ giải quyết các vấn đề dựa

trên yêu cầu thực tế. Sau khi nắm vững các yêu cầu, học viên vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã được trang bị để giải quyết bài toán thực tiễn được giao.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO2.1	PLO2.2	PLO3.1	PLO3.2	PLO4.1	PLO4.2
	2.1.1.	2.2.1.	3.1.1.	3.2.1.	4.1.1.	4.2.1.
CLO2.1	1					
CLO2.2		1				
CLO3.1			1			
CLO3.2				1		
CLO4.1					1	
CLO4.2						1

Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo phân nhiệm cho học phần Báo cáo thực tập và đồ án tốt nghiệp

Ký hiệu CĐR	CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA CTĐT	TĐNL
2.1.	Vận dụng được kỹ năng tư duy phản biện để lập luận, thảo luận các vấn đề trong hoạt động nghề nghiệp	K4
2.2.	Sử dụng được kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo để triển khai các nội dung nghiên cứu trong hoạt động nghề nghiệp	S4
3.1.	Chấp hành đạo đức nghiên cứu, trách nhiệm nghề nghiệp và liêm chính học thuật trong thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn	S4
3.2.	Hợp tác làm việc hiệu quả trong các hoạt động tại đơn vị thực tập	S4
4.1.	Phân tích/tổng quan được bối cảnh của lĩnh vực và của vấn đề làm đồ án	K4
4.2.	Tổ chức và đánh giá được kết quả đồ án và đề xuất các giải pháp tiếp theo	S4

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
2.1.	4	Vận dụng được kỹ năng tư duy phản biện để lập luận, thảo luận các vấn đề trong hoạt động nghề nghiệp	Thảo luận, Nghiên cứu tài liệu	Đánh giá kỹ năng, Chấm Báo cáo thực tập và đồ án
2.2	4	Sử dụng được kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo để triển khai các nội dung nghiên cứu trong hoạt động nghề nghiệp	Thảo luận, Nghiên cứu tài liệu	Đánh giá kỹ năng, Chấm Báo cáo thực tập và đồ án
3.1	4	Chấp hành đạo đức nghiên cứu, trách nhiệm nghề nghiệp và liêm chính học thuật trong thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn	Thảo luận, Nghiên cứu tài liệu	Đánh giá kỹ năng, Chấm Báo cáo thực tập và đồ án
3.2	4	Hợp tác làm việc hiệu quả trong các hoạt động tại đơn vị thực tập	Thảo luận, Nghiên cứu tài liệu	Đánh giá kỹ năng, Chấm Báo cáo thực tập và đồ án
4.1	4	Phân tích/tổng quan được bối cảnh của lĩnh vực và của vấn đề làm đồ án	Thảo luận, Nghiên cứu tài liệu	Đánh giá kỹ năng, Chấm Báo cáo thực tập và đồ án
4.2	4	Tổ chức và đánh giá được kết quả đồ án và đề xuất các giải pháp tiếp theo	Thảo luận, Nghiên cứu tài liệu	Đánh giá kỹ năng, Chấm Báo cáo thực tập và đồ án

Ghi chú:

- Khi đối sánh với CDR CTĐT, cần ghi rõ trình độ năng lực (TĐNL) phân nhiệm cho học phần bằng số tương ứng trong ngoặc đơn.
- TĐNL được ký hiệu bằng chữ số chẵn tương ứng: 1, 2, 3, 4, 5 (Phụ lục 1)
- Ví dụ về phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu...
- Ví dụ về phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...

5. Đánh giá học tập:

6. Tài liệu học tập

Người hướng dẫn cung cấp/hướng dẫn học viên tìm tài liệu theo yêu cầu và nội dung định hướng nghiên cứu của đồ án.

7. Kế hoạch dạy học

TT	Chủ đề	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học
1.1.	Xây dựng kế hoạch thực tập	15	<ul style="list-style-type: none"> - HV xây dựng dự thảo kế hoạch thực tập theo hướng dẫn của GVHD và nạp lên LMS. - GVHD góp ý, trao đổi với HV về kế thực tập. - HV chỉnh sửa, trình bày kế hoạch thực tập theo mẫu của đơn vị đào tạo và nạp lên LMS. - GVHD và đơn vị đào tạo phê duyệt kế hoạch thực tập của HV.
1.2.	Triển khai thực tập tại đơn vị thực tập	60	<ul style="list-style-type: none"> - HV tìm hiểu về đơn vị thực tập. - Triển khai các nội dung thực tập tại đơn vị thực tập theo kế hoạch đã phê duyệt. - Viết nhật ký thực tập và trao đổi với GVHD về những kết quả đã đạt được và xác định những nội dung cụ thể cần tiếp tục giải quyết.

TT	Chủ đề	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học
1.3.	Viết báo cáo thực tập	15	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp thông tin, minh chứng về hoạt động thực tập. - Viết dự thảo báo cáo. - Hoàn thiện báo cáo. - Nạp báo cáo lên LMS. - GVHD đánh giá và cho điểm đối với báo cáo thực tập.
2.1.	Xây dựng đề cương đề án	15	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu cấu trúc và cách viết đề cương đề án. - Viết dự thảo đề cương đề án. - GVHD góp ý cho đề cương đề án; HV chỉnh sửa dự thảo đề cương đề án. - Trình bày với Hội đồng về đề cương đề án. - Hoàn thiện đề cương đề án. - Hội đồng/Ngành đào tạo góp ý cho nội dung đề cương đề án (thông qua việc tổ chức seminar hoặc phân công của Chủ nhiệm chuyên ngành. - HV hoàn thiện đề cương đề án. - Chủ nhiệm chuyên ngành phê duyệt đề cương đề án.
2.2.	Triển khai thực hiện đề án	90	<ul style="list-style-type: none"> - HV triển khai thu thập số liệu, sử dụng các phương pháp đã lựa chọn, các phần mềm CNTT... để giải quyết các nội dung đề tài đề án dưới sự hướng dẫn của GVHD. - HV trình bày với GVHD về các nội dung, kết quả nghiên cứu, dự thảo các chương của đề án; thảo

TT	Chủ đề	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học
			<p>luận với GVHD các phương án giải quyết các yêu cầu phát sinh (nếu có).</p> <p>- HV viết dự thảo báo cáo đề án.</p> <p>- GVHD góp ý cho báo cáo đề án; HV chỉnh sửa báo cáo đề án.</p>
2.3.	Bảo vệ đề án	30	<p>- Bảo vệ đề án:</p> <p>+ HV trình bày tóm tắt nội dung báo cáo đề án;</p> <p>+ Hội đồng chấm đề án đặt câu hỏi;</p> <p>+ HV trả lời các câu hỏi của Hội đồng;</p> <p>+ Hội đồng đánh giá và cho điểm đối với đề án.</p> <p>- HV hoàn thiện quyển báo cáo đề án theo yêu cầu của Hội đồng.</p> <p>- HV nộp các sản phẩm đề án theo yêu cầu Nhà trường.</p>

Phụ lục 7 - Trình bày đề án tốt nghiệp

1. VỀ BỐ CỤC

Đề án tốt nghiệp có số trang tối đa 60 trang đối với các ngành Khoa học tự nhiên, tối đa 80 trang đối với các ngành còn lại (không tính mục lục, tài liệu tham khảo và phụ lục); Số chương của mỗi đề án tùy thuộc vào từng chuyên ngành và đề tài cụ thể, nhưng thông thường bao gồm những phần sau:

- **MỞ ĐẦU:** Trình bày lý do chọn đề tài, mục đích, đối tượng và phạm vi nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu;

- **TỔNG QUAN:** Phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài; nêu những vấn đề còn tồn tại; chỉ ra những vấn đề mà đề tài cần tập trung nghiên cứu, giải quyết;

- PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU: Trình bày các cơ sở lý thuyết, lý luận, giả thuyết khoa học và phương pháp nghiên cứu đã được sử dụng trong đề án;

- TRÌNH BÀY, ĐÁNH GIÁ, BÀN LUẬN CÁC KẾT QUẢ: Mô tả ngắn gọn công việc nghiên cứu khoa học đã tiến hành, các số liệu nghiên cứu khoa học hoặc số liệu thực nghiệm. Phần bàn luận phải căn cứ vào các dữ liệu khoa học thu được trong quá trình nghiên cứu của đề tài hoặc đối chiếu với kết quả nghiên cứu của các tác giả khác thông qua các tài liệu tham khảo;

- KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ: Trình bày những kết quả mới của đề án một cách ngắn gọn; khuyến nghị cách áp dụng kết quả nghiên cứu, nguồn lực và điều kiện cần có.

- DANH MỤC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ (nếu có): Liệt kê các bài báo, công trình đã công bố của tác giả về nội dung của đề tài, theo trình tự thời gian công bố;

- DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO: Chỉ bao gồm các tài liệu được trích dẫn, sử dụng và đề cập tới để sử dụng trong đề án;

- PHỤ LỤC.

2. VỀ TRÌNH BÀY

Đề án phải được trình bày ngắn gọn, rõ ràng, mạch lạc, sạch sẽ, không được tẩy xóa, có đánh số trang, đánh số bảng biểu, hình vẽ, đồ thị. Tác giả đề án cần có lời cam đoan danh dự về công trình khoa học này của mình. Đề án đóng bìa cứng, in chữ nhũ.

2.1. SOẠN THẢO VĂN BẢN

Sử dụng kiểu chữ Times New Roman cỡ 13 của hệ soạn thảo Winword hoặc tương đương; mật độ chữ bình thường; không được nén hoặc kéo giãn khoảng cách giữa các chữ; dẫn dòng đặt ở chế độ 1.5 lines; lề trên 3 cm; lề dưới 3cm; lề trái 3.5 cm; lề phải 2 cm. Số trang được đánh ở giữa, phía dưới mỗi trang giấy.

Đề án được in trên một mặt giấy trắng khổ A4 (210 × 297mm), dày không quá 100 trang, không kể phụ lục.

2.2. TIÊU MỤC

Các tiêu mục của đề án được trình bày và đánh số và nhóm chữ số, nhiều nhất gồm 3 chữ số với số thứ nhất chỉ số chương (ví dụ: 4.1.2 chỉ tiêu mục 2, mục 1, chương 4).

2.3. BẢNG BIỂU, HÌNH VẼ, PHƯƠNG TRÌNH

Việc đánh số bảng biểu, hình vẽ, phương trình phải gắn với số chương (ví dụ hình 3.4 có nghĩa là hình thứ 4 trong chương 3). Mọi bảng biểu, đồ thị lấy từ các nguồn khác phải được trích dẫn đầy đủ. Đầu đề của bảng biểu ghi phía trên bảng, đầu đề của hình vẽ ghi phía dưới hình.

Các hình vẽ phải được vẽ sạch sẽ bằng mực đen để có thể sao chụp lại; có đánh số và ghi đầy đủ đầu đề; cỡ chữ phải bằng cỡ chữ sử dụng trong văn bản đồ án/ đề án/ luận văn. Khi đề cập đến các bảng biểu hoặc hình vẽ phải nêu rõ số của hình và bảng biểu đó.

Việc trình bày phương trình toán học trên một dòng đơn hoặc dòng kép là tùy ý, tuy nhiên phải thống nhất trong toàn đồ án. Khi có ký hiệu mới xuất hiện lần đầu tiên thì phải có giải thích và đơn vị tính đi kèm ngay trong phương trình có ký hiệu đó. Tất cả các phương trình cần được đánh số và để trong ngoặc đơn đặt bên phía lề phải.

2.4. VIẾT TẮT

Không lạm dụng việc viết tắt. Chỉ viết tắt những từ, cụm từ hoặc thuật ngữ được sử dụng nhiều lần trong đồ án. Không viết tắt những cụm từ dài, những mệnh đề hoặc những cụm từ ít xuất hiện.

2.5. TÀI LIỆU THAM KHẢO VÀ CÁCH TRÍCH DẪN

Các ý kiến, khái niệm có ý nghĩa, mang tính chất gợi ý không phải của riêng tác giả và mọi tham khảo khác phải được trích dẫn và chỉ rõ nguồn trong danh mục Tài liệu tham khảo của đồ án.

Danh mục tài liệu tham khảo được trình bày theo thứ tự được trích dẫn trong đồ án (theo tiêu chuẩn trích dẫn quy định).

2.6. PHỤ LỤC (nếu có)

Phần này bao gồm những nội dung cần thiết nhằm minh họa hoặc hỗ trợ cho nội dung đồ án như số liệu, biểu mẫu, tranh ảnh,... Số trang Phụ lục không được nhiều hơn phần chính của đồ án.